

CHUYÊN SAN

Kinh tế tài chính ngân hàng

CHUYÊN SAN CỦA SINH VIÊN KHOA TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Số đặc biệt 4 + 5
Tháng 11/2012

Kỷ niệm

10 năm
KHOA TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG



Chủ đề: CẠN CẢNH DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

CHUYÊN SAN KINH TẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

CHUYÊN SAN CỦA SINH VIÊN KHOA TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT



Thư từ, bài vở cộng tác xin gửi về
chuyensantcnh@uel.edu.vn

Xem online tại

<http://vi.uel.edu.vn/chuyensantcnh>

<http://www.fbweb.vn>

CHUYÊN SAN DÀNH CHO SINH VIÊN YÊU THÍCH LĨNH VỰC KINH TẾ TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Ban cố vấn

TS. HOÀNG CÔNG GIA KHÁNH
ThS. HOÀNG THỌ PHÚ
TS. NGUYỄN NGỌC HUY
ThS. TRẦN HÙNG SƠN
ThS. NGUYỄN THỊ DIỄM HIỀN
ThS. NGUYỄN THỊ HAI HẰNG
Cùng các Thầy Cô
Khoa Tài Chính - Ngân hàng

Ban biên tập

HUỲNH MINH TUẤN (K09A) - Trưởng ban
ĐÀO THỊ THANH HUYỀN (K09A) - Phó ban
PHAN THỊ THANH THUẬN (K10B) - Phó ban
PHAN VĨNH LING GIANG (K11T)
- Trưởng bộ phận phát hành
PHẠM MINH NHẬT (K10403) - Biên tập viên
LÊ THỊ DIỄM MÂN (K10A) - Biên tập viên
VŨ KHÁNH LINH (K11405T) - Biên tập viên

Ban nội dung

Trưởng Nhóm Chứng khoán
TRẦN THỊ THANH NHUNG (K10A)
Trưởng Nhóm Tài chính
NGUYỄN THỊ QUỲNH LIÊN (K10B)
Trưởng Nhóm Ngân hàng
NGUYỄN THỊ ÁI NHI (K10T)
Trưởng Nhóm Vĩ mô
ĐÀO THỊ VĨNH NGUYỄN (K10405T)
Trưởng nhóm Góc sinh viên
NGUYỄN TIẾN ĐẠT (K10502)
Cùng các thành viên khác

Thiết kế, trình bày

PHAN NỮ NGỌC LINH (K09A) - Trưởng nhóm
PHAN VŨ DIỄM CHI (K10A)
HOÀNG TIẾN MẠNH (K09B)

TẬP THỂ GIẢNG VIÊN KHOA TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG



Nhân Kỷ niệm 10 năm thành lập Khoa Tài chính - Ngân hàng (21/11/2002 - 21/11/2012) và ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, Ban biên tập Chuyên san Kinh tế Tài chính - Ngân hàng kính chúc Quý thầy cô Khoa Tài chính - Ngân hàng sức khỏe và thành công. Kính chúc Khoa Tài chính - Ngân hàng ngày càng phát triển vững mạnh.

MỤC LỤC

03 Kỷ niệm 10 năm thành lập Khoa TCNH

03. Tôi đã trưởng thành từ nơi ấy
04. Đoạn đường để nhớ
05. Cảm xúc mùa "Tân sinh viên"
06. Thấy cô giáo và ấn tượng trong tôi
08. FB & những người bạn
10. Ngày tôi 22

12 Cận cảnh doanh nghiệp Việt Nam

12. Hành trình cơ cấu vốn của doanh nghiệp
16. Nhìn lại hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp Nhà nước
19. Phá sản - nỗi lo của doanh nghiệp Việt
22. Lợi nhuận "khủng" ngân hàng - Thực tế nói gì?

25 Bàn tròn sự kiện

25. Phân tích kỹ thuật 2 sàn chứng khoán
27. Tái cấu trúc công ty chứng khoán - "Quản bài chiến lược cho nền kinh tế"
30. Thực trạng thu phí sử dụng dịch vụ ATM tại Việt Nam
32. Câu chuyện "Thương lái xứ người" & "suy ngẫm" nền kinh tế ở ta

35 Lắng kính sinh viên

35. Lạm phát và tăng trưởng kinh tế Việt Nam
37. Việt Nam với chu kỳ kinh tế
40. Những tấm thẻ biết nói
43. Core Banking - Hạt nhân hệ thống thông tin ngân hàng
45. Tín dụng du học - Cần một hướng đi
47. Từ Titanic huyền thoại đến con tàu kinh tế Eurozone

51 Tin nhanh

55 Góc sẻ chia

55. Chờ em trên đỉnh Lang Biang
57. Khi sinh viên trở thành JH



THƯ CHÚC MỪNG CỦA TRƯỞNG KHOA TÀI CHÍNH- NGÂN HÀNG NHÂN DỊP CHUYÊN SAN KINH TẾ - TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG TRÒN MỘT NĂM RA ĐỜI

Các em sinh viên thân mến,

Tôi rất vui mừng khi Chuyên san Kinh tế Tài chính – Ngân hàng phát hành số đặc biệt để đánh dấu một năm ra đời của chuyên san với chủ đề “*Cận cảnh doanh nghiệp Việt Nam*”, cũng là dịp kỷ niệm 10 năm thành lập Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - Luật.

Tròn 1 năm, với 4 số đã phát hành kể từ ngày ra mắt số đầu tiên, chất lượng các bài viết của Chuyên san ngày càng được nâng cao. Chuyên san đã trở thành tiếng nói của sinh viên Khoa Tài chính-Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - Luật trước các vấn đề thời sự kinh tế-xã hội nóng bỏng của đất nước; đồng thời, Chuyên san cũng đã trở thành nơi trao đổi học thuật chuyên ngành không chỉ giới hạn trong phạm vi sinh viên Khoa Tài chính – Ngân hàng mà còn được mở rộng đến sinh viên các ngành khác của Trường Đại học Kinh tế - Luật và các trường đại học bạn. Sự nỗ lực không ngừng của Ban Biên tập trong việc cải tiến nội dung đã giúp Chuyên san dẫn đi vào tâm thức của bạn đọc, thu hút sự quan tâm ngày càng gia tăng của đông đảo sinh viên trong và ngoài trường.

Với mong muốn Chuyên san Kinh tế Tài chính – Ngân hàng là sân chơi học thuật hoàn toàn do sinh viên chủ động, các thầy cô Khoa Tài chính - Ngân hàng chỉ đóng vai trò cố vấn giúp các em định hướng trong nghiên cứu khoa học và phát triển chuyên san. Ban cố vấn không can thiệp sâu vào từng câu chữ, ý tứ bài viết. Vì vậy, một vài chỗ trong các bài viết của Chuyên san vẫn còn thiếu sót, nhưng tôi tự hào bởi sự lao động miệt mài và nghiêm túc của sinh viên Khoa Tài chính – Ngân hàng.

Tôi tin tưởng rằng, với ý chí và quyết tâm cao độ cùng tinh thần làm việc khoa học, nghiêm túc của sinh viên Khoa Tài chính – Ngân hàng, Chuyên san sẽ tiếp tục cải tiến mạnh mẽ hơn nữa cả về chất lượng lẫn hình thức để Chuyên san trở thành tài liệu khoa học có uy tín không chỉ trong phạm vi sinh viên mà trong tương lai có thể là cẩm nang hữu ích cho các nhà đầu tư, các tổ chức tài chính – ngân hàng ở Việt Nam.

Xin chúc mừng cho sự phấn đấu để trưởng thành của sinh viên Khoa Tài chính-Ngân hàng, chúc Chuyên san Kinh tế Tài chính - Ngân hàng phát triển và được bạn đọc yêu quý.

TS. Hoàng Công Gia Khánh
Trưởng Khoa Tài chính – Ngân hàng





Lời tựa



MỘT THẬP NIÊN - VẠN ĐIỀU SẼ CHIA

Mười năm thành lập phát triển, mười năm nỗ lực phấn đấu, mười năm để Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - Luật xây dựng hệ giá trị riêng và ghi dấu ấn trong lòng bao thế hệ sinh viên.

Với sức trẻ dồi dào, niềm khát khao chinh phục những tri thức và thử thách mới, tập thể cán bộ giảng viên và sinh viên Khoa Tài chính - Ngân hàng đã để lại những dấu son quan trọng trên chặng đường 10 năm đầu tiên của mình.

Chuyên san số Đặc biệt 04 + 05, tháng 11/2012 như một lời tri ân và sự cảm phục sâu sắc đến những giảng viên của trường Kinh tế - Luật nói chung và khoa Tài chính - Ngân hàng nói riêng. Trong số chuyên san đặc biệt này, chúng tôi kính gửi đến Quý thầy cô và các bạn sinh viên những dấu ấn của Khoa trong hơn 10 năm phát triển cùng nhiều chia sẻ, tâm tình của các thế hệ sinh viên đối với ngôi nhà chung Tài chính - Ngân hàng.

Như thường kỳ, Chuyên san số Đặc biệt cũng mang đến cho bạn đọc những bài viết đậm chất sinh viên về chủ đề chính: "Cận cảnh doanh nghiệp Việt Nam" được trình bày dưới góc nhìn đa chiều và thẳng thắn.

Số Đặc biệt tháng 11/2012 cũng đánh dấu sự ra đời của tròn 1 năm ra mắt, đây cũng như một món quà thay lời cảm ơn chân thành của Ban biên tập Chuyên san đến sự theo dõi và ủng hộ của đông đảo bạn đọc trong suốt một năm vừa qua.

Cuối cùng, Ban biên tập chuyên san kính chúc Quý bạn đọc một năm học mới với nhiều thành công mới và thắng lợi mới."

**Trân trọng,
BAN BIÊN TẬP**

CHUYÊN SAN
Kinh tế tài chính ngân hàng
CHUYÊN SAN CỦA SINH VIÊN KHOA TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT



TÔI ĐÃ TRƯỞNG THÀNH

NGUYỄN QUANG KHANH

*Cựu sinh viên Khoa Tài chính – Ngân hàng, khóa 8
Cựu Trưởng ban Biên tập Chuyên san*

TỪ NƠI ẤY

Thời gian thấm thoát, mới chớp mắt mà đã ba tháng kể từ ngày chính thức rời giảng đường đại học. Giờ đây tôi chính thức là một nhân viên thay cho cái danh xưng “sinh viên” gắn bó trong suốt bốn năm học vừa qua. Ba tháng rời xa mái trường, khoảng thời gian không dài nhưng đủ khiến người ta bồi hồi khi chợt nhận ra ngày 6 tháng 11 lại đến, ngày truyền thống của trường Đại học Kinh tế - Luật thân yêu! Tôi vẫn hình dung rõ khuôn mặt các thầy cô của trường, của Khoa Tài chính - Ngân hàng, khuôn mặt của bạn bè tôi cũng như khung cảnh những giờ thuyết trình, kiểm tra trên lớp mà cả nhóm phải chuẩn bị hàng tuần trước đó. Vẫn nhớ những ngày ngoại khóa cùng lớp ở Vũng Tàu, Đồng Nai, Phan Thiết,... Nhớ những giờ giảng say sưa chăm chú nghe thầy cô kể chuyện đời, chuyện nghề như một đứa trẻ nghe chuyện cổ tích vậy. Cả giảng đường chỉ vắng vắng tiếng của thầy cô vì hình như lúc ấy các bạn tôi cũng quên “tám” chuyện như mọi ngày rồi! Nhớ những hoạt động đã trở thành thương hiệu của trường như Fese, FBEXPO, CFA, Nếu tôi là thống đốc,... và một góc nhỏ nơi trái tim tôi, nơi gói gắm trí tuệ, tình thương, nhiệt huyết và kỳ vọng của bao con người - “Chuyên san Kinh tế Tài chính Ngân hàng”.

Với ý tưởng tạo một sân chơi học thuật cho sinh viên khối ngành kinh tế, môi trường để sinh viên trao đổi bàn luận và thể hiện góc nhìn riêng về những sự kiện kinh tế đang diễn ra, ban biên tập Chuyên san Kinh tế Tài chính Ngân hàng đã được thành lập vào tháng 08/2011 với sự diu dặt bước đầu của các thầy cô Khoa Tài chính - Ngân hàng. Vượt qua những khó khăn ban đầu ấy, Chuyên san số đầu tiên đã phát hành đúng dịp khai giảng năm học mới tháng 09/2011 với chủ đề “Kinh tế Việt Nam - Khó khăn phía trước”. Trên bước đường phát triển, Chuyên san không ngừng mở rộng đội ngũ thành viên, với các bạn sinh viên yêu thích kinh tế đến từ nhiều khoa khác nhau (như khoa Tài chính - Ngân hàng, khoa Kế toán - Kiểm toán, khoa Kinh tế, khoa Quản trị kinh doanh, khoa Luật,...) và từ các khóa trải đều từ khóa 8 đến khóa 12. Với sự kế thừa và truyền tải kinh nghiệm giữa các thế hệ thành viên, nhiều thành viên Chuyên san khóa 9 hiện tại đã trưởng thành và giữ vị trí quan trọng trong ban biên tập. Luôn xác định phương châm cùng học tập, cùng sẻ chia và cùng tiến bộ, trong môi trường Chuyên san chúng tôi thường xuyên cập nhật kiến thức và trau dồi kỹ năng viết bài thông qua các buổi họp nhóm định kỳ, bàn luận ý tưởng và chỉnh sửa lẫn nhau trong nội dung bài viết, tất cả nhằm mục đích đưa đến cho bạn đọc một sản phẩm chất lượng nhất, sản phẩm từ những con người có chung nhiệt huyết.

Tham gia vào Ban biên tập Chuyên san đã giúp tôi trưởng thành rất nhiều, tôi biết được rằng những kiến thức kinh tế cùng những con số không hề khô khan mà nó nói lên rất nhiều điều, nó phản ánh những hoạt động đang diễn ra hàng ngày xung quanh ta và mỗi kỳ các tổ chức kinh tế hay cả chính phủ đều cung cấp những con số của mình. Tuy nhiên, những con số không nói lên tất cả mà quan trọng là bạn đang nhìn chúng ở phương diện nào. Chính đặc thù công việc trong ban biên tập đã giúp tôi có thói quen đọc báo, cập nhật tin tức, theo dõi các blog kinh tế và viết bài bình luận từ ý kiến của mình. Dần dần, công việc này đã trở thành kỹ năng theo suốt hành trang sự nghiệp của tôi. Thú vị hơn cả là Chuyên san đã kết nối tôi đến cộng đồng các bạn trẻ có cùng chung đam mê, sở thích, cùng hợp tác xây dựng một tờ báo của sinh viên mang đậm bản sắc Khoa Tài chính - Ngân hàng, trường Đại học Kinh tế - Luật.

Vậy nên các bạn sinh viên thân mến, thật tuyệt vời khi các bạn cùng chung một mái trường ĐH Kinh tế - Luật, nơi để các bạn tích lũy cho mình đầy đủ kiến thức từ những người thầy người cô luôn gần gũi, tận tâm với sinh viên, nơi để các bạn rèn luyện cho mình những kỹ năng từ những phong trào, hoạt động ngoại khóa, đồng thời xây dựng những mối quan hệ tốt với bạn bè. Bởi ngoài kiến thức thì những mối quan hệ cùng kỹ năng sẽ là điều quan trọng nhất cho các bạn khi ra trường. Hãy tìm cho mình một mục tiêu và quyết tâm theo đuổi nó, dù có thể bạn sẽ không thành công ở lần đầu tiên hoặc lần thứ hai nhưng chắc chắn bạn sẽ làm được điều mình muốn khi thực sự cố gắng nỗ lực. Chúc các bạn sinh viên sẽ vững bước thành công trên con đường đã chọn.

Nhân dịp kỷ niệm 10 năm thành lập Khoa Tài Chính - Ngân Hàng em cũng xin kính chúc quý thầy cô thật nhiều sức khỏe, công việc luôn được thuận lợi, gia đình hạnh phúc. Cảm ơn thầy cô đã ươm cho đời những mầm xanh Kinh tế - Luật!

đoạn đường để nhớ

Đinh Cao Hoàng Trang - K09404A

"Chúng ta không nhớ những ngày tháng, chúng ta nhớ những khoảnh khắc. Những gì quý giá nhất của cuộc đời nằm trong những ký ức chúng ta đã lãng quên." - Cesare Pavese.

Khi đặt bút viết những dòng này, tâm trí tôi miên man hồi tưởng về những ngày bỡ ngỡ đặt chân vào giảng đường Đại học. Từ ngày đầu tham dự buổi lễ chào Tân Sinh viên, được giao lưu cùng các thầy cô và các anh chị Khoa Tài chính - Ngân hàng (tiền thân là Bộ môn Tài chính - Ngân hàng, thuộc Khoa Kinh tế - ĐHQG TP.HCM trước đây), tính đến giờ phút này, tôi đã gắn bó với Khoa tròn ba năm. Ba năm với nhiều ký ức cùng các thầy cô và bè bạn...

Tôi may mắn được học tập trong một môi trường đầy năng động cùng các Thầy Cô nhiệt tình. Vẫn còn đó những tiết học dưới sự giảng dạy của Cô Cành, người Giáo sư uyên bác, tuy nghiêm khắc nhưng rất tận tình, vẫn còn đó sự ngưỡng mộ về kiến thức mà chúng tôi dành cho Thầy Trưởng khoa Hoàng Công Gia Khánh, lòng yêu quý vì sự thân thiện và tận tâm với học trò của Thầy Phó khoa Hoàng Thọ Phú. Bên cạnh đó, không thể không nói đến lòng cảm mến, tri ân dành cho các Thầy Cô khác tôi đã được học cùng như chưa được học trong Khoa: Cô Hiền nhiệt tình, Cô Trúc duyên dáng, Thầy Huy tận tụy, Thầy Phong hóm hỉnh, Thầy Sơn phong độ, Cô Quế trẻ trung... Và sẽ là thiếu sót nếu không nhắc tới đội ngũ các anh chị đi trước - hiện là những giảng viên trẻ đầy năng động, sức sống, sức trẻ và nhiệt tình. Chúng tôi, lớp sinh viên trong mái nhà chung Khoa Tài chính - Ngân hàng đã được diu dặt của những "người lái đò" đáng trân trọng như vậy.

Thế hệ của những người mở đường đã đi qua, và để lại cho chúng tôi nhiều "di sản" quý giá: là những thành tích huy hoàng trong học tập cho chúng tôi có động lực phấn đấu; những vị trí đáng mơ ước trong các ngân hàng và công ty mà mỗi khi nhắc đến chúng tôi tràn ngập tự hào; những cuộc thi, sân chơi cho chúng tôi được trải nghiệm - trong đó có sân chơi khoán ảo FESE. Vui lắm khi được là một khán giả ngồi trong hội trường A và nhìn lên sân khấu tràn ngập sắc cam truyền thống của Khoa, mọi người cùng nắm tay thật chặt, hòa cùng giai điệu truyền thống "Here I Am", được "học thật, chơi thật, trải nghiệm thật". Và bây giờ, lớp người trẻ chúng tôi tiếp nối bằng nhiều hoạt động ý nghĩa khác, tiêu biểu trong đó là chuỗi hoạt động ngày hội hướng nghiệp Finance and Banking EXPO của Khoa với quy mô toàn thành phố khiến chúng tôi không khỏi tự hào. Tôi biết, năm, mười, hai mươi năm nữa, các thế hệ sinh viên khóa sau vẫn sẽ thấy hạnh diện vì những thành công đã đi qua và những thành tích đạt được của tập thể Khoa Tài chính - Ngân hàng, như chính tôi đã từng.

Tôi vẫn đang ở đây - ngày hôm qua chung vui cùng thế hệ đi trước trong lễ tốt nghiệp; ngày mai lại đón chào lớp người sau nối tiếp. Trải qua gần một phần ba chặng đường mười năm, tôi của ngày hôm nay thầm tri ân những thầy cô và các anh chị đi trước đã mở ra một con đường rộng thênh thang với nhiều kiến thức, kinh nghiệm và cả những kỷ niệm đáng nhớ. Ở đó chúng tôi được học bài học về ước mơ, về tình thầy trò, tình đoàn kết. Ở đó, chúng tôi cũng được học những bài học về tình bạn, sự gắn kết, sẻ chia. Và ở đó, lớp người chúng tôi tìm được con đường riêng cho chính mình...

Mười năm cho một chặng đường...

Mười năm cho một tập thể đầy gắn kết yêu thương...

Mười năm chắp cánh cho những ước mơ, tương lai và hy vọng...

Những ngày này, khi Khoa Tài chính - Ngân hàng sắp tròn vẹn chặng đường 10 năm, tôi muốn viết một chút gì đó cho đoạn đường ngắn ba năm của mình, về những kỷ niệm tôi có được khi được là thành viên của một mái nhà chung thân yêu và đầy triu mến đến như vậy. Xin chúc cho Khoa Tài chính - Ngân hàng ngày càng phát triển bền vững, mãi là nơi bồi đắp tri thức và nhân cách cho nhiều thế hệ trẻ ưu tú trong bước đường trưởng thành ở tương lai.

FB

Một phong cách

Nguyễn Thị Ngọc Trâm
K10404A

Tôi yêu anh...những ngày đầu tiên ấy
Khi trong ánh rạo rực được lửa
hồng
Con gió nhẹ vờn vào làn
da cháy
Thời bùng lên một sức trẻ
dâng đầy

Yêu anh, tôi biết mình
vẫn sống
Sống giữa muôn người, sống giữa

trời mây
Yêu anh, học anh cười khây khẩy
Biến ưu buồn thành muôn vảy niềm vui

Tôi ngẩng đầu nhìn sao
Tôi chạy ủa vào gió
Tôi trôi mình trong mưa
Tôi ôm tròn giọt nắng
Yêu anh, tôi dám nghĩ dám làm
Yêu anh, tôi biết mơ biết ước
Yêu anh, tôi được là mãi mãi...
Chạy hết mình cho những khát khao tôi

Khi thời gian không còn là thử thách
10 năm ấy...Ồ! vẫn cứ mãi là...
Phong cách FB, trong sắc màu lửa cháy
Luôn vững vàng để chấp nhận ra khơi...
Yêu anh, mai này tôi sẽ bước...
FBer tôi, vươn thuyền lớn buồm căng!



Cảm xúc MÙA “TÂN SINH VIÊN”

NGUYỄN THỊ THÚY

K11404B



Mùa “Tân sinh viên”, đó là cách tôi gọi khoảng thời gian “chân ướt, chân ráo” bước vào ngưỡng cửa đại học. Mỗi năm đều có một mùa nhưng chỉ có duy nhất một lần trong đời mỗi người mà thôi! Mùa ấy bắt đầu vào ngày tôi cầm giấy báo trúng tuyển đại học trên tay, niềm hạnh phúc như vỡ òa trong trái tim tôi - cô gái tuổi 18 nhiều ước mơ và hoài bão! Tôi đã vội vàng chạy ngay vào khoe với bố mẹ. Tiếng cười ngập tràn cả mái ấm gia đình tôi suốt cả buổi tối hôm đó. Trong thời gian chờ nhập học, không ít lần tôi mơ màng tưởng tượng ra khung cảnh được bước chân vào giảng đường đại học. Gặp ai cũng thế, chỉ mong có người hỏi về kết quả thi đại học, để rồi tôi được đồng đặc tự hào trả lời rằng: “Con đỗ vào ngành Tài chính - Ngân hàng, Đại học Kinh Tế - Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ạ!”. Chắc không chỉ riêng tôi mà hầu hết các bạn tân sinh viên cũng đều có những cảm xúc như thế nhỉ?

Rồi ngày nhập học đến, tạm biệt gia đình và quê hương thân thương, tôi khăn gói lên thành phố để khám phá một cuộc sống hoàn toàn mới... Hôm sau, vừa xuống xe buýt, hiện ra trước mắt tôi là ngôi trường Kinh-Tế Luật cao tầng khang trang và sang trọng. Chút thích thú ban đầu rồi cũng nhanh chóng bị thay thế bởi cảm giác xa lạ và lạc lõng, tôi thấy mình nhỏ bé trong cái khung cảnh rộng lớn ấy. Nhưng khi bước vào bên trong để làm thủ tục nhập học, cảm giác của tôi đã khác hẳn vì nhận được những nụ cười thân thiện, ánh mắt trìu mến, và đặc biệt là sự giúp đỡ rất nhiệt tình của các anh chị cùng khoa. “Ma mới” không chỉ



không bị bắt nạt mà còn được các “ma cũ” đón tiếp nồng hậu! Đó là một cảm giác thật ấm áp!

Tuần học chính trị đầu khóa, chúng tôi được nghe thầy cô nói chuyện và sau những

lần đó hành trang để hòa nhập vào cuộc sống của tân sinh viên như tôi lại đọng đầy thêm những kinh nghiệm, lời khuyên quý báu. Chúng tôi thật sự hào hứng khi được rất nhiều các anh chị giới thiệu về các câu lạc bộ như ERC, FESE, FB, SKILL, EC, SIFE và tờ báo của khoa mình Chuyên san Tài Chính- Ngân Hàng, ...

Những ngày học sau đó các chương trình tuyển thành viên diễn ra sôi nổi, nhộn nhịp. Tiếp theo là hàng loạt các chương trình học thuật như: các cuộc thi, các hội thảo khoa học, các buổi gặp gỡ người nổi tiếng...được các anh chị tổ chức liên tục. Khiến đây nhà E Đại học Khoa học Tự nhiên lúc nào cũng đông kín và chật chội mỗi lúc tan học, tranh hết chỗ của cả các bạn sinh viên trường này! Tôi không khỏi bất ngờ và cảm thấy ngỡ ngàng, rồi lại thấy mình nhỏ bé trước một môi trường mới hết sức sôi động, đông đúc như thế. Giảng đường rất rộng, lớp rất đông sinh viên. Những buổi học liên tục nhiều giờ liền với micro, máy chiếu, rất nhiều tài liệu mà lại không biết phương pháp học thế nào cho hiệu quả. Những người bạn cùng lớp lại toàn người lạ lẫm, từ khắp nơi đổ về. Tất cả mở ra trước mắt tôi, một khung cảnh hoàn toàn lạ lẫm, một sự thay đổi thật sự quá lớn. Tôi bắt đầu hoang mang, lo lắng và cô đơn giữa nơi này. Tôi nhớ sự ấm áp, bình yên ở nhà. Tôi sợ và bắt đầu khóc. Nhưng rất may mắn là có sự giúp đỡ rất nhiệt tình từ đàn anh, đàn chị khoa Tài chính-Ngân hàng mà những nỗi buồn lo qua đi và niềm vui đã trở lại. Vì đến tuần học thứ ba, tôi được hòa mình chương trình chào đón Tân sinh viên truyền thống của Khoa. Tại đây, tôi được lắng nghe anh chị tâm sự, động viên và chia sẻ kinh nghiệm học tập, tư vấn giáo trình, cách học. Tôi bớt lo lắng và an tâm hơn. Mọi chuyện càng trở nên ổn hơn khi tôi gia nhập Chuyên san Tài Chính-Ngân Hàng, các anh chị trong ban càng cho tôi cảm nhận được sự ấm áp, gần gũi, thân thiện. Mọi thứ bớt xa lạ dần.

Các giảng viên đều thân thiện, nhiệt tình với sinh viên, giảng bài khá thú vị lại không bị áp lực nên mỗi tiết học trôi qua đều rất phấn khởi, vui vẻ. Hơn nữa, các thầy cô còn chia sẻ về cơ hội việc làm khi học Tài Chính- Ngân hàng của trường mình. Được cho biết khoa mình là một trong những ngành đào tạo có chất lượng tốt nhất và đạt nhiều thành tích xuất sắc của trường làm chúng tôi vô cùng sung sướng và như tiếp thêm nhiều động lực để phấn đấu. Nhìn các anh chị khóa trên mà thật ngưỡng mộ. Vừa học tập đạt kết quả cao lại năng nổ trong tất cả các hoạt động. Nhiều hoạt động học thuật như: FB XFACTOR, FBEXPO, Nếu tôi là thống đốc ngân hàng trung ương, FESE, các hội thảo khoa học... và các hoạt động khác như Ngày hội truyền thống, FB vì cộng đồng, nghiên cứu khoa học, các phong trào tình nguyện Tiếp sức mùa thi, Mùa hè xanh ...diễn ra náo nhiệt và được khoa Tài Chính Ngân hàng hưởng ứng sôi nổi. Môi trường xung quanh luôn năng động, rộn ràng như tiếp thêm cho tôi một nguồn năng lượng mới để phấn đấu trở thành một thành viên thực thụ của gia đình FB- tự tin, giỏi giang, tốt bụng như các anh chị. Mỗi lần gặp những người bạn mới và giới thiệu mình là thành viên khoa Tài Chính- Ngân Hàng, Đại học Kinh tế- Luật thì được nhìn bằng ánh mắt ngưỡng mộ, tôi rất tự hào, hãnh diện! Cảm giác về một gia đình mới nảy nở trong lòng tôi - gia đình nhỏ khoa Tài Chính- Ngân Hàng và đại gia đình Kinh tế-Luật. Tôi tự nhủ lòng cố gắng phấn đấu nhiều hơn, noi gương anh chị nhà mình để trở thành mảnh ghép nhỏ góp một màu sắc đẹp cho hình ảnh Khoa Tài chính- Ngân hàng. Chúng ta hãy cùng nhau làm rạng rỡ thêm truyền thống của gia đình FB mình các Tân FBers nhé!



THẦY CÔ GIÁO



Nhân kỉ niệm 10 năm thành lập Khoa Tài chính - Ngân hàng, tập thể Chuyên san có chuyến thâm nhập thực tế lớp học để “săn tìm” các kỷ niệm yêu thương gửi đến các thầy cô đáng kính. Các anh chị “đầu đàn” - K09404 - sẽ tiên phong.

“Hồi còn là sinh viên năm 2, vì học đại cương nên mình ít có cơ hội học các môn do giảng viên trong khoa đứng lớp. Mình biết đến thầy cô chủ yếu qua các “truyền thuyết” mà anh chị khóa trước kể lại. Nghe kể thầy này cho đề khó, cô kia nghiêm... đứa nào cũng chuẩn bị tinh thần, sẵn sàng đương đầu với một năm 3 “sóng” và “gió”. Mấy ngày đầu vào học cả lớp thấy cũng “lãng lãng”. Càng học càng phát hiện ra “truyền thuyết” ngoài 50% là “người thật, việc thật” còn có 50% thêu dệt. Kỳ thực, có tiếp xúc mới thấy các thầy cô cũng gần gũi và thân thiện lắm. Thầy Khánh thường làm tội mình “khủng hoảng” với những hệ thống ngân hàng, tỷ giá cũng có lúc không nhìn cười nổi và lắc đầu chịu thua lũ sinh viên tinh quái khi nghe bài điểm tin “đặc biệt” về cuộc đời thầy. Thầy Phú từng khiến tội mình xoay vòng vòng với mô lãi suất, pmt... cũng không khỏi xúc động khi nghe chuyên mục tâm sự đêm khuya với những tình cảm chân thành dành cho thầy. Hay cô Quế với “lời giảng cô lừa dối” cũng phải cười ngặt nghẽo trước bài hát tội mình chế tác riêng cho cô. Và còn nhiều kỷ niệm với các thầy cô khác nữa... Chính những giây phút ấy, cảm xúc lắng đọng khó tả trong lòng mỗi sinh viên và cả thầy cô đã xóa nhòa đi những khoảng cách. Những tiết giảng bài, những lúc câu giờ giao lưu với thầy cô để không phải học, cả những đề thi từng khiến tội mình “điều đứng” đã trở thành những kỷ niệm khó quên ở thời đại học. Bây giờ khi đã là năm tư, tội mình sẽ tiếp tục làm công việc của các anh chị đi trước... Đó là viết tiếp những “truyền thuyết”. Không phải để hù các bạn năm 3 mà là để các bạn sẽ lại có cơ hội phát hiện ra thầy cô khoa mình tuyệt vời như thế nào!”



Trần Thị Ngọc Thương
Biệt danh “Tám”

“Mình cảm phục nhất là Thầy Huy. Nhớ về thầy, Tú luôn nhớ đến lòng nhiệt tình và sự gần gũi đối với sinh viên. Nụ cười thầy thật hiền, ánh mắt thầy lúc nào cũng thế, luôn dành những ánh mắt trìu mến dành cho sinh viên. Thầy mang đến cho lớp mình kiến thức môn chứng khoán, thầy hay kể cho lớp nghe những câu chuyện, những bài học thực tế về thị trường và cả cách sống, cách ứng xử trong cuộc sống hằng ngày. Mình luôn mong thầy thành công, giữ được ngọn lửa nhiệt huyết và mãi là người thầy kính mến của nhiều thế hệ sinh viên khoa Tài chính - Ngân hàng.”

Tú chia sẻ thêm về kỉ niệm với thầy:

“22h ngày 30 tháng Chạp, chuông điện thoại rung lên...”

Thì ra là tin nhắn của thầy Huy. Lòng thấy rất vui vì thầy là người đầu tiên trong tất cả các thầy cô hỏi âm lại sau tin nhắn chúc Tết của mình. Đọc được một đoạn, bỗng nhiên phát hiện trong tin nhắn có điểm thi cuối kỳ môn chứng khoán. Suýt nữa là hú hồn vì bữa thi làm bài không tốt cho lắm. Mà cái điện thoại cũng thích hù người khác, đến ngay khúc “điểm thi cuối kỳ chứng khoán của em là...” thì phần sau nằm ở khúc dưới. Tay run run, hồi hộp mà đọc tiếp tin nhắn để xem điểm của mình. Xem xong điểm, tự hứa với lòng là sau này phải chăm học thật tốt để không phụ lòng thầy cô và cũng không... rơi vào tình huống thót tim thế này một lần nữa.”



Võ Ngọc Thiên Tú
Biệt danh “Đơ”

“Nhi vẫn nhớ lần 20/11 năm ngoái, Nhi cùng với Thương đã làm một serie điểm tin về thầy Khánh, tâm sự đêm khuya cùng thầy Phú và sáng tác nhạc về môn thuế để tặng cô Quế. Vui nhất có lẽ là khoảnh khắc nhìn thấy nụ cười và vẻ bất ngờ của thầy cô khi nghe những sinh viên “khùng khùng” của mình sáng tạo với tiêu chí “đọc và lạ”.

Vậy ai là người bạn yêu thích nhất?

“Câu này khó trả lời nè. Thầy cô mỗi người mỗi vẻ, hầu như ai cũng có điểm “đáng yêu” riêng ^^, nhưng Nhi cảm thấy gần gũi nhất là cô Quế. Thích nhất khả năng nhớ tên của cô, không chỉ nhớ tên chính mà cô còn nhớ luôn cả biệt danh của mỗi đứa trong lớp. Cô cỡ tuổi bằng chị của Nhi nên tự nhiên nhìn cô Nhi không chỉ thấy một người giáo viên (hơi bị khó tính) mà còn thấy một người chị mà nếu gặp khó khăn hay vui buồn gì cũng dễ dàng chia sẻ. Nói vậy nhưng mấy em khóa sau đừng chủ quan nhá! Nếu cô đứng lớp mà không lo học thì cũng sẽ “nhừ đòn” với cô.”

Bạn có ấn tượng gì với vị giáo sư đáng kính của khoa mình - Cô Cành?

“Nhắc đến cô có lẽ không chỉ riêng Nhi mà các bạn trong lớp sẽ nhớ đến 2 từ “Happy” và “Biti’s”. Sinh viên vốn tinh nghịch, giờ học mệt mỏi hay loay hoay nhìn tới nhìn lui, nhìn kĩ đến nỗi truyền tai nhau cô mang giày gì, cao bao nhiêu luôn ^^ . Đó là lý do tại sao cô lại được nhớ đến với cái tên “Biti’s”. Còn “happy” là từ “để đời” của cô khi dạy về “tối đa hóa hữu dụng”. Ngay đến tận bây giờ mấy đứa bạn Nhi vẫn hay bắt giắc “happy” đồng thanh rồi cười với nhau khi nhớ tới cô lúc giảng đoạn đó. Cô mà đọc được cái cảm nhận này thì cười thật “happy” nhá cô ^^.”



Thi Trần Thực Nhi
Biệt danh “Mít”



ẤN TƯỢNG TRONG TÔI

Nhóm Đào Huyền, Mỹ Ngọc, Thanh Thảo:

"Thầy Huy có dáng ngoài "lù lù" và bộ óc siêu thường, thầy nhớ tất cả những gì đã nói và có thể nhắc lại y hệt".
"Thầy Sơn hát hay ời là hay và bụng thầy bự như tấm lòng thầy cho lớp ^^".



Cẩm Vân

"Thầy Minh rất ư là đẹp trai ^^ Thầy có nụ cười thật là dễ thương, Thầy cũng rất hài hước trong giảng dạy khiến bài học không nặng nề nữa."



Nguyễn Đình Cường:

"Điều đầu tiên mình thấy đáng trân trọng ở cô Cảnh đó là sự nhiệt huyết và niềm đam mê với nghề. Cô có một hệ thống kiến thức sâu rộng và cố gắng truyền đạt hết lại những điều ấy cho sinh viên tụi mình. Đôi khi những yêu cầu của cô dành cho sinh viên khá cao khiến tụi mình khổ sở [cười]. Cô luôn tận tình trong việc giảng dạy và lúc nào cũng mong những sinh viên của cô có một nền tảng kiến thức vững chắc để áp dụng trong những môn học khác."

"Cô Trúc thật xinh, thật hiền. Cô giảng bài không chỉ bằng cái đầu mà cô còn dùng cả trái tim cô nữa. Mỗi lần cô đứng trên bục giảng, mình có cảm giác như cô đang tìm cách diễn đạt sao cho tất cả mọi sinh viên của cô đều hiểu bài. Cô luôn tận tình như thế trong mọi buổi học. Mình thích những giờ lên lớp của cô, vì không để gì có thể tự nạp vào đầu với một rừng kiến thức quá khủng như thế, nhưng có cô thì cả lớp giống như có mũi tên chỉ đường, cho nên mọi vấn đề trở nên thật dễ dàng."

"Thầy Sơn chủ nhiệm quá tuyệt vời, Thầy trước hết là một người thầy, với những giờ lên lớp giảng bài rất nhiệt tình. Những kiến thức thầy truyền đạt đối với tụi mình là vô giá. Những ngày đặc biệt trong năm thầy luôn có mặt để gặp gỡ, giao lưu, chia sẻ cùng cả lớp. Thầy lúc nào cũng quan tâm đến tình hình học tập cũng như hoạt động của lớp có tốt không có sôi nổi không. Năm vừa rồi thầy đã trực tiếp giúp đỡ, động viên một bạn trong lớp, tạo điều kiện cho bạn đi học lại bình thường."



"Thầy Phong như gió bay, thổi bay thì bay tới, có nhiều chuyện, kinh nghiệm truyền tải. Mà đặc biệt là thầy có câu nói rất ấn tượng "Đời có ai biết trước chuyện gì đâu em".

Phạm Chí Nhân



Nguyễn Khắc Thạch:

Phong cách của thầy Khánh làm mình vô cùng ngưỡng mộ. Thầy là người khiến sinh viên vừa nể, vừa sợ, vừa phì cười. Với những kiến thức chuyên môn sâu rộng và nhiều kinh nghiệm thực tế lí thú, mình chưa bao giờ vắng một buổi học của thầy. Mình thích cách giảng bài cuốn hút của thầy.



"Mình thật sự thấy hạnh diện vì các thầy cô khoa mình, tài sắc đều vẹn toàn cả (cười). Các thầy, cô thì cực kì nhiệt tình, kiến thức sâu rộng, uyên bác mà vẫn không kém phần xì-tin. Kiến thức thực tế thông qua thầy cô liên hệ với những kiến thức trên thị trường những thông tin kinh tế diễn biến hàng ngày khởi với các làm cho mình và các bạn cảm thấy rất hứng khởi với môn học. Các thầy, cô rất hòa đồng gần gũi với sinh viên, nắm bắt tình hình học tập cũng như hỗ trợ chúng mình những nghề nghiệp... Sự quan tâm ân cần và định hướng nghề nghiệp... Sự quan tâm ân cần và sự tham vấn ấy đã giúp mình khi mình có được những quyết định đúng đắn hơn. Ời, chỉ có thể dùng hai từ "tuyệt vời" với các thầy cô khoa mình thôi!!!"

Thanh Hằng - K10404T





NHỮNG NGƯỜI BẠN

"Tiết trời đầu thu mát mẻ với gió thoảng nhẹ nhàng, trời trong xanh và những cơn mưa nhỏ cuối chiều chợt đến chợt đi là 'mảnh đất màu mỡ' cho tâm hồn bay bổng, cho những suy nghĩ mới, những ý tưởng mới 'dầm dãi', 'nảy nở'. Và chúng tôi - 'đội Paparazzi danh dự' của Chuyên san Tài chính - Ngân hàng (TCNH) cũng không ngoại lệ. Vừa nhận nhiệm vụ viết bài chào mừng 10 năm thành lập khoa TCNH, chúng tôi nảy ra ý tưởng tìm hiểu về thương hiệu TCNH trong mắt 'phần còn lại của WEL'. Đây chắc chắn sẽ là những trải nghiệm thú vị, đưa đến cho FBers một cái nhìn khách quan, đa chiều và toàn diện về hình ảnh của chính mình trong mắt mọi người. Hãy cùng theo chân chúng tôi nhé!"

FB TRONG TÔI...

DƯƠNG THỊ NHƯ NGỌC - K1 1404A

Nhật ký ngày....tháng....năm....

Tan học, bạn bè tụ tập nô đùa rả rả: "Ngày mai là buổi học cuối cùng năm nhất rồi nha". Bất chợt, tôi giật mình....

Vậy mà cũng nhanh thật kể từ cái ngày một con nhỏ vùng vẫy xa ba mẹ chân ướt chân ráo lên đất Sài thành. Cũng chỉ mới đây thôi, ngày đó với cuộc sống tự lập, tôi còn nhiều lắm những bờ ngõ, lo lắng vậy mà giờ với ngôi trường Kinh tế - Luật thân thương và với đại gia đình FB của mình, tôi cũng gần bó được trọn một năm rồi đấy. Một năm! Tôi ngoảnh nhìn lại tự hỏi mình đã làm gì và được những gì?

Hè về, tạm xa giảng đường, xa "FB yêu thương" tôi trở về bên mẹ, với tôi đó là ngày trở về với bình yên thật sự. Mẹ đứng đó, ngay bậc cửa vẫy tôi: "Xem nào, con gái đen hơn, gầy hơn nhưng cũng người lớn hơn rồi". Mẹ cười, nụ cười hiền, toả nắng ấm.

Con lớn rồi, không còn là con bé bỏng của mẹ ngày nào nữa mẹ nhỉ. Với gia đình FB thứ hai của con, con không còn là "Tân sinh viên" nữa, giờ đã là đàn anh đàn chị, là thế hệ đang và sẽ trưởng thành tiếp nối. Ném trái một năm rồi cái cảm giác tự mình quyết định cuộc đời của mình, cũng có những phút con chềnh vênh, gợn sóng nhưng vượt lên tất cả đến giờ phút này có thể nói niềm vui nhiều hơn nỗi buồn và bấy nhiêu đó đủ để con yêu biết mấy những giây phút của cuộc sống hiện tại.

Một năm dài rong ruổi, con bước qua cuộc đời bằng những chuyến đi, những hành trình mà chưa có gì nhiều để tự hào nhưng cũng chưa có điều gì để con phải hối tiếc. Đó đơn giản là một hành trình bền bỉ, chuyên cần con đến với giảng đường đại học, là những hành trình nhỏ cùng các Fbers của con đến gần nhau hơn, hoà nhập hơn, năng động hơn và cũng có những hành trình đến gần cuộc

đời hơn. Hành trình của con bắt đầu bằng những trạm xe buýt và kết thúc cũng bởi những trạm xe buýt nhưng có lẽ từng giây phút, con không thể quên. Cũng như mẹ, đó là những hành trình nuôi con lớn, mỗi mảnh đất nơi con bước qua đều là một trang sách quý và cũng như mẹ, những trang sách ấy dạy con cách làm người. Mỗi hành trình qua đi là một lần tim con chạm vào cuộc sống, nụ cười và nước mắt đều có đủ, nụ cười làm tâm hồn trẻ lại, còn nước mắt làm tâm hồn con lắng sâu hơn, thấm thía hơn những mảnh vụn không thể thiếu của cuộc đời. Con cũng từng khoác trên mình chiếc áo xanh tình nguyện, gặp những người trẻ hơn con, chịu nhiều mất mát và đau thương hơn con nhưng, nghị lực và quyết tâm ở họ hơn con rất nhiều. Với con, đó thực sự là những bài học vô giá và đó cũng là lý do vì sao con yêu màu xanh tình nguyện nhiều đến thế.

Một năm ! Con làm gì và được gì ư ?

Một năm vào đời, thực sự bước đi bằng chính đôi chân của mình, con được rất nhiều, có lẽ không thể kể hết. Nhớ ngày nào con vẫn còn loay hoay với câu hỏi: "Tại sao bạn chọn Tài chính - Ngân hàng ?" Vậy mà giờ đây sau một năm nếm trải, những lý do ấy con lại không sao kể hết. Mẹ nói đúng, tình yêu với cái gì đó có được nhờ sự trân trọng và vun đắp. Giờ thì con tin, tình yêu của con với gia đình thứ hai này rồi đây sẽ lớn lên, lớn hơn lên rất nhiều bởi mỗi ngày con đã - đang và sẽ trân trọng và vun đắp cho tình yêu ấy. Gửi đến tất cả Fbers của con lời nhắn nhủ này, để ngày mai, ngày kia và mãi sau này FB vẫn mãi là một gia đình xây đắp bởi sức mạnh và yêu thương mỗi người giành cho nhau như FB của ngày hôm nay mọi người nhé !

Khoa Tài chính - Ngân hàng mãi là.... gì mẹ nhỉ?

Là mẹ - trao yêu thương và trao sức mạnh

Là tương lai - cháy trong con khát vọng, niềm tin

Và....là tình yêu nơi con trân trọng và vun đắp.

Điểm dừng chân đầu tiên là thang máy phía tả - “một điểm nóng về giao thông” của trường, những đối tượng đầu tiên đã xuất hiện. Giấy bút sẵn sàng và bắt đầu ghi ghi chép chép...

Với câu hỏi: “Ngoài chuyên ngành mà bạn đang theo đuổi, trong số những mảnh ghép còn lại của UEL bạn ấn tượng với mảnh ghép nào nhất?”, bạn **Lê Thị Kim Dung K11401T** chia sẻ: “Bật mí với Chuyên san nhé, thực ra TC-NH là ngành học mà mình thực sự rất muốn theo đuổi ngay từ khi làm hồ sơ dự thi vào trường ĐH Kinh tế-Luật, nhưng vì điểm chuẩn của ngành trong những năm gần đây khá cao và có nhiều biến động phức tạp nên mình đã không đủ tự tin để nộp đơn. Giờ đây, khi đã là thành viên của ngôi nhà 401, mình đam mê và hứng thú với con đường đã chọn và nỗ lực hết sức để trở thành một nhà phân tích kinh tế tương lai. Với riêng mình, 404 vẫn sẽ mãi là một niềm mong ước thật đẹp để và vẹn nguyên”.

Nguyễn thị Quỳnh Liên - K10404B
Trần Thị Thanh Nhung - K10404B
Phan Thụy Tâm Thư - K11405T

Khi được hỏi “Bạn đã từng nghe nói đến Sàn chứng khoán ảo FESE do CLB FESE khoa TCNH tổ chức chưa?”, bạn **Đặng Trần Bảo Trang - K11405T** chia sẻ: “Tất nhiên là có rồi. Năm ngoái, Trang đã đăng kí tham gia FESE với mục đích giao lưu học hỏi và quả thật mình rất ấn tượng với phong cách tổ chức chuyên nghiệp và hiệu quả của cuộc thi. Hy vọng trong những lần tổ chức tiếp theo Giải nhất sẽ vinh danh Đại học Kinh tế-Luật”. Trang nói thêm: “Tuy chuyên ngành của mình là Kế toán kiểm toán nhưng mình rất quan tâm tới các hoạt động của khoa TCNH. Bên cạnh sân chơi học thuật FESE, Ngày hội F&B EXPO hàng năm cũng là một hoạt động do khoa TCNH tổ chức rất thành công mang đến cho các bạn sinh viên cơ hội để trải nghiệm bản thân và cả cơ hội việc làm nữa. Chúc cho 404 sẽ phát huy thật tốt những gì đang có và mang đến thêm nhiều sân chơi thú vị và bổ ích hơn nữa.”

*Nói đến chuyện tâm thi không đâu hợp bằng căn tin nhà mình. Tuy có hơi chật chội nhưng thời an ủi nhau là cho nó “ấm cúng”. Thế nên, muốn biết thông tin tất tần tật từ chuyện bạn A mới chuyển về trường để thương lắm, đến chuyện bạn B mới nhận học bổng du học nước ngoài thì cứ phải ra cái căn tin ấy nghe ngóng. Nói là làm, nhóm chúng tôi tập vô ngay cái trung tâm tâm chuyện đó để gặp đối tượng thích hợp. Một người chưa ấm chỗ, thì một gương mặt thân quen bước vào. Thật không khó để nhận ra đó là chị **Tạ Thu Ngọc Quý, lớp K9402T**, là thành viên sồi nổi trong cuộc thi “Nếu tôi là thống đốc ngân hàng nhà nước” năm vừa rồi. Mặc dù học ngành Kinh tế đối ngoại, nhưng đội chơi của chị rất tài năng và giành được giải tư trong cuộc thi này. Chị đã nhiệt tình chia sẻ những cảm nhận rất chân thực về khoa TCNH. Cùng xem chị đã nói gì về F&B chúng ta nhé.*

FB: Chị Quý ơi, chị có nhiều bạn học ngành TCNH không ạ? Chị có cảm nhận gì về các thành viên trong ngôi nhà Fbers của chúng em?

Chị Ngọc Quý (NQ): Chị cũng có khá nhiều bạn FB đó em. Họ đều là những người bạn rất tốt và đáng trân trọng của chị (Cười). Theo chị thấy thì các bạn ngành tài chính tuy không thân thiện bằng các bạn đối ngoại, có vẻ dè dặt hơn trong giao tiếp nhưng lại chín chắn và tạo cảm giác tin tưởng ở người tiếp xúc. Chị còn đặc biệt ấn tượng với các anh chị trong ban tổ chức “Nếu tôi là thống đốc ngân hàng nhà nước” vừa rồi. Các anh chị cực kỳ tâm lý và chu đáo, chuẩn bị tập dượt cho tụi chị rất kỹ và nhiệt tình, vấn đề nào không rõ sẽ giải thích cặn kẽ cho tụi chị ngay, hơn thế nữa tuy làm việc gấp rút, mệt mỏi nhưng các anh chị luôn luôn vui vẻ và hòa đồng. Đối với chị, FB là những người bạn đáng tin cậy

FB: Thế còn về mặt chuyên môn nghiệp vụ thì sao ạ? Chị có điều gì ấn tượng với các bạn 404 không?

NQ: Điều chị ấn tượng nhất chính là đội ngũ giáo viên đáng ngưỡng mộ của ngành TCNH. Chị đã được học thầy Phú trong môn học Tài chính quốc tế, cũng như được thầy Khánh hỗ trợ về mặt kiến thức trong cuộc thi “Nếu tôi là thống đốc ngân hàng nhà nước” vừa rồi. Điều chị muốn nói là chị rất ganh tị với các bạn 404, vì có những thầy cô rất tận tụy và giỏi như vậy. Các kiến thức thầy cô truyền thụ cho các bạn có tính ứng dụng rất cao, không chỉ chuẩn về chuyên môn mà còn phong phú về kinh nghiệm thực tế. Nên khi có cơ hội, chị rất thích đi học ké các lớp 404. Các bạn sinh viên của ngành, theo như chị đã tiếp xúc, có phương pháp học khá hay, suy nghĩ cũng rất tư duy và logic. Chị thấy, Fbers là nguồn nhân sự mà các nhà tuyển dụng muốn có trong công ty mình.

FB: Nghe chị nói, em thấy tự hào về ngành tài chính nhiều quá. Câu hỏi cuối cùng em muốn hỏi chị nè. Chị có cảm nhận như thế nào về cuộc thi “Nếu tôi là thống đốc ngân hàng nhà nước” mà chị vừa tham gia?

NQ: Chị rất thích cuộc thi này. Trở về từ cuộc thi, kiến thức về tài chính ngân hàng của chị tăng lên rất nhiều. Ban tổ chức và thầy cô cố vấn tuyệt vời lắm. Chị chỉ tiếc là bên truyền thông có vẻ chưa ổn, vì đây là chương trình lớn cấp thành phố, nhưng có khá ít các trường khác đến tranh tài cùng chúng ta. Chị hy vọng, chương trình sẽ cải tiến hơn, và được tổ chức thường niên để tạo sân chơi bổ ích cho sinh viên chúng ta.

FB: Cảm ơn chị rất nhiều về buổi trò chuyện hôm nay, chúc chị luôn thành công!

Một năm học mới vừa bắt đầu và chúng ta lại được chào đón những tân sinh viên K12404 với tài năng và niềm hưng khởi mới. Hy vọng các bạn sẽ là những niềm tự hào tiếp theo của ngành TCNH. Fbers nói riêng và sinh viên Kinh tế-Luật nói chung cần phải nỗ lực và phấn đấu, chuẩn bị thật tốt về mặt kiến thức, tư duy và những kỹ năng cần thiết để chinh phục các nhà tuyển dụng trong môi trường cạnh tranh khốc liệt như hiện nay. Và lời cuối cùng, chúng tôi tự hào nói rằng: “Chúng tôi yêu 404, chúng tôi yêu Kinh tế-Luật!”.

ngày tôi 22

ĐÀO THỊ THANH HUYỀN - K09404A

Tôi 22 - Một sinh viên Tài chính - Ngân hàng, chuẩn bị rời giảng đường đại học, bước vào cuộc đời, bước vào với những thăng trầm lo toan đời sống, những chạt vật bươn chải giữa lòng thành thị xô bồ...

Tôi 22 - Một cô gái mang trong mình màu cờ sắc áo trường Đại học Kinh tế - Luật với sơ mi trắng điểm xanh, quần jeans, giày thể thao, chuẩn bị đóng khung trong hình ảnh người phụ nữ hiện đại: sơ mi trắng quần tây, giày cao gót...

Tôi 22, cô sinh viên bé nhỏ của gia đình K09404A, của mái nhà 10 thế hệ Finance and Banking chuẩn bị hành trang tung cánh vào bầu trời bao la, mang theo bao khát khao, ước vọng chảy bỏng, sống hết mình cho cuộc đời, cống hiến cho công việc, gây dựng thành công cho bản thân, góp ích cho Tổ quốc.

Ngày hôm nay đây, vẽ nên viễn cảnh bản thân của tương lai, tôi cảm thấy không khỏi lo lắng bồn chồn. Tôi tự hỏi: lẽ nào tôi sắp tốt nghiệp, nghĩa là tôi sẽ chẳng còn đi học, nghĩa là tôi phải rời trường, rời lớp, chia xa bè bạn, chia xa ngôi nhà Tài chính - Ngân hàng. Mọi cảm xúc bồi hồi lo sợ xen lẫn, nửa nghĩ về tương lai tươi sáng, nửa nghĩ về quá khứ dịu mát...

Tôi 22 sẽ là thế, nhưng tôi 17, tôi của ngày xưa ấy, của 5 năm về trước, còn giản đơn và vô tư lự. Từ quyết định quan trọng thi đại học vào ngành Tài chính - Ngân hàng, Khoa Kinh tế - ĐH Quốc gia Tp. HCM (nay là trường ĐH Kinh tế - Luật), ngỡ ban đầu với khối lượng và mức độ kiến thức đại học, nếm trải mùi "khó nhừ" từ chương trình đại cương đến chuyên ngành, đến khi trở nên thành thạo trong thuyết trình, ghi chép bài giảng, đọc hiểu hiệu quả, được thỉnh giảng từ rất nhiều giảng viên đến từ các trường đại học bạn, tôi vẫn cảm thấy mình vẫn thuộc về Khoa Tài chính - Ngân hàng, vẫn yêu thích và thần tượng

các thầy cô trong Khoa nhất bởi trí óc tôi thực sự bị phong cách, đức độ, cách làm việc, cách truyền đạt, trách nhiệm và cả sự nhiệt tình từ các thầy cô trong khoa chinh phục. Rồi xem những người bạn đại học như những người thân, bên nhau lúc vui buồn, lúc ốm đau, lúc ôn thi, lúc sinh hoạt lớp, cho đến bây giờ, trải qua chừng ấy chặng đường, chừng ấy kỉ niệm, cảm giác chia xa ập đến vô cùng tận mệnh mang.

Tôi sẽ nhớ lắm, nhớ và giữ vẹn nguyên trong tâm trí tôi một phong cách Tài chính - Ngân hàng thân thiện, dễ thương, sôi nổi và "máu lửa".

Kí ức như một thước phim chiếu chậm, khi vụt sáng những màu xanh tươi của nụ cười tuổi trẻ, khi chìm lắng trong lòng ta những hoài niệm về thời sinh viên đầy sôi nổi sắp qua. Nổi tiếu những chiều ngọt màu hò hẹn, những tối mưa tầm tã đi học, những ngày quân sự lãng đãng cảm xúc. Nổi tiếu những hành lang rộn tiếng cười, tiếng hợp nhóm, tiếng trao đổi bài, những vườn tràm vườn điều sinh hoạt chủ điểm, những thầy cô nhiệt huyết cùng tình thương học trò... Vui đó, buồn đó, lo lắng đó, yêu đời đó, rồi lại sắp qua đi, trong tôi hệt hằng.

Chỉ còn vẹn vẹn một học kì nữa, học hết sức, lặn xả hết mình, nỗ lực vô điều kiện sẽ là phương châm sống của bản thân tôi. Bởi lẽ, để không khỏi nổi tiếu những ngày tháng sống phí đã qua, để cháy hết mình cho hiện tại, để truyền lửa cho thế hệ nối tiếp, Tôi - sinh viên năm 4 ngành Tài chính ngân hàng - trường Đại học Kinh tế - Luật, gương cao ngon cờ quyết tâm.

Và tôi tin, dù 5 năm, 10 năm, 20 năm hay 50 năm sau, các thế hệ Tài chính - Ngân hàng như các anh các chị, như tôi, như khóa 11, 12... rồi đây sẽ tiếp tục không ngừng nỗ lực học tập hiệu quả, nâng tầm thành tích, tự tin vững bước vào đời.

*Hãy cho tôi một khoảng lặng của thời gian
Để tôi đếm từng ngày còn sót lại
Bên bạn bè và thầy cô mãi mãi
Dưới rêu xanh, dưới ghế đá sân trường*

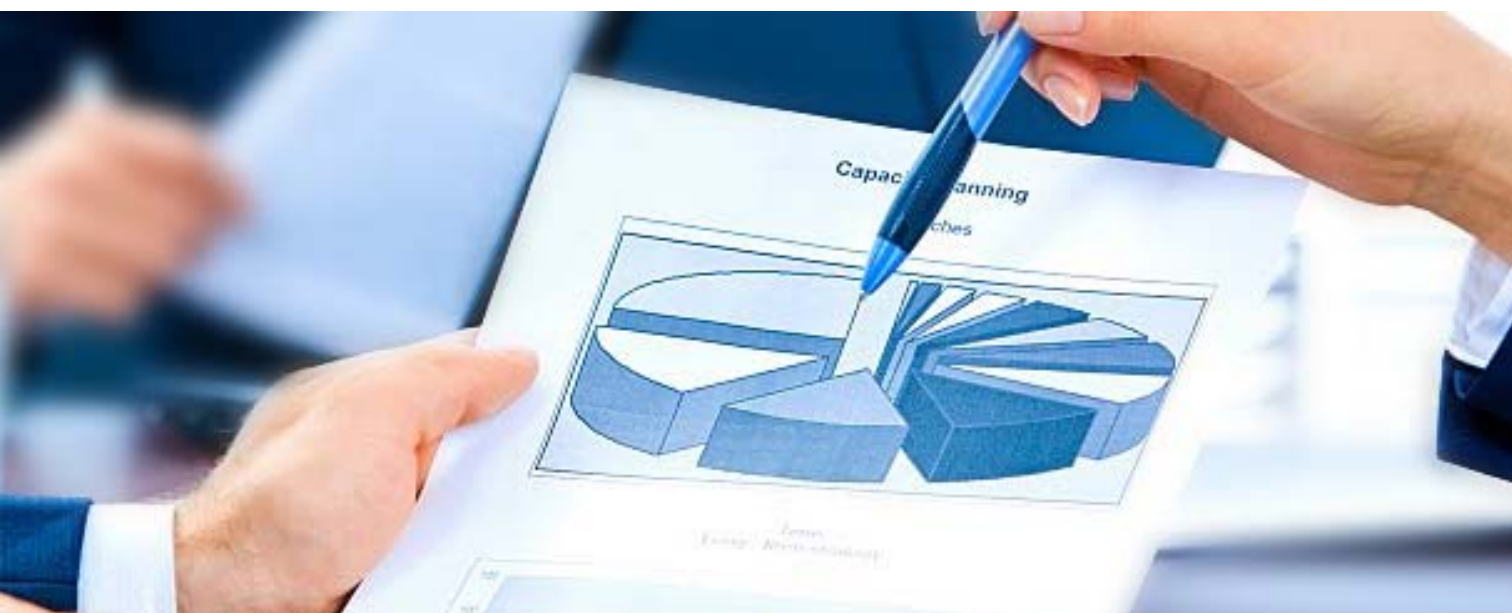
*Hãy cho tôi một nốt lặng của tình yêu
Để tôi biết thế nào là tình bạn
Yêu thương mấy nhưng rồi cũng chán
Chỉ có bạn bè là mãi cạnh bên nhau*

*Hãy chỉ cho tôi hơi lòng người sâu thẳm
Làm thế nào để giữ trái tim người
Làm thế nào để không ra đi mà chỉ ở lại
Để lặng im nhìn ngắm mọi người*

*Ơi thời gian! Bạn là liều thuốc đắng
Là con dao đâm nát cả lòng tôi
Hãy dừng lại. Theo lời tôi bảo
Cho tôi yêu, yêu mãi phút giây này!*

KHOẢNG LẶNG

NGUYỄN THỊ CẨM GIANG - K10404T



Chủ đề Số 4+5:

CẠN CẢNH DOANH NGHIỆP VIỆT NAM



HÀNH TRÌNH CƠ CẤU VỐN CỦA DOANH NGHIỆP

NGUYỄN LÊ HỒNG CHUYÊN NGUYỄN TÚ MẪN

K09404B

K09404B

Một doanh nghiệp (DN) khi khởi sự hay bắt đầu một dự án, điều quan trọng đầu tiên là vốn. Có rất nhiều loại nguồn vốn và nhiều cách huy động vốn trên thị trường để DN sử dụng. Với nguồn vốn đã có trong tay DN sẽ sử dụng nó để tạo ra giá trị gia tăng. Tuy nhiên, cùng một lượng vốn cần huy động nhưng cơ cấu của mỗi phương án vốn khác nhau sẽ tạo ra phần giá trị gia tăng cho DN khác nhau. Nói đơn giản, tùy vào thành phần trong nguồn vốn mà quyết định đến giá trị nhà đầu tư nhận được. Và tỷ lệ các thành phần trong nguồn vốn gọi chung là cơ cấu vốn. Nguồn vốn thường được tài trợ từ nợ vay và vốn chủ sở hữu, nói đến tác động của vốn đến hoạt động của DN chính là nói đến tác động của hai thành phần này. Với mục đích cung cấp một cái nhìn cụ thể về tác động của nợ và vốn chủ sở hữu lên hiệu quả hoạt động của DN (thể hiện qua hai chỉ tiêu ROE và EPS) đi kèm với những rủi ro có thể gặp phải về phá sản, thôn tính,... bài viết phân tích số liệu một số DN niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.



1. Giới thiệu

Trong giai đoạn kinh tế khủng hoảng 2008 - 2011 chứng kiến nhiều vụ phá sản của rất nhiều DN, theo ước tính của phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (VCCI) thì trong năm 2011 đã có 79014 DN Việt Nam giải thể. Con số còn tiếp tục



tăng trong năm 2012 với 17735 DN giải thể trong 4 tháng đầu năm. Vậy câu hỏi đặt ra là: Đây là nguyên nhân cho sự sụp đổ của nhiều DN như vậy trong giai đoạn 2008 - 2011? Sẽ có rất nhiều nguyên nhân được đưa ra, nhưng một trong vô vàn những nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là vấn đề vốn của DN. Cũng không phải ngẫu nhiên khi mà lãi suất cho vay của ngân hàng thay đổi, chính sách tín dụng bị thắt chặt lại xảy ra nhiều cuộc đổ vỡ DN như vậy. Vấn đề về lãi suất cho vay của ngân hàng đưa nhiều ông chủ DN đến với suy nghĩ nhiều hơn về vấn đề vốn của DN mình.

Bài viết với tiêu đề **"Hành trình cơ cấu vốn của DN"** cũng xuất phát từ thực trạng nêu trên, sẽ đi vào phân tích một

vấn đề trong cơ cấu vốn, đó là vai trò của nợ. Bài viết phân tích các trường hợp DN sử dụng những loại cơ cấu vốn với tỷ lệ nợ và vốn chủ sở hữu khác nhau để cho thấy tác động của từng loại lên hiệu quả hoạt động.

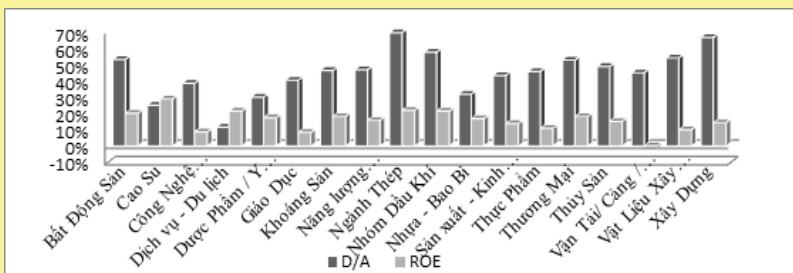
Đã có nhiều nghiên cứu về các vấn đề cơ cấu vốn trên toàn thế giới. Các lý thuyết về cơ cấu vốn cơ bản có những cách nhìn nhận khác nhau về hiệu quả sử dụng vốn vay. Lý thuyết Modigliani và Miller (do 2 nhà kinh tế học Franco Modigliani và Merton Howard Miller khởi xướng) cho rằng, vốn vay với chi phí lãi vay được khấu trừ thuế làm tăng giá trị của DN; giá trị DN đạt mức tối đa nếu sử dụng 100% vốn vay. Thực tế, sẽ không có DN nào sử dụng 100% vốn vay, bởi vốn vay, ngoài gánh

nặng lãi vay, còn tiềm ẩn nhiều rủi ro tài chính. Đó là nguy cơ phá sản nếu gánh nặng lãi vay quá lớn (đặc biệt khi lãi suất thị trường biến động và DN không có một đệm đỡ đó là vốn cổ phần).

Một lý thuyết được áp dụng rộng rãi và có tính thực tiễn hơn là lý thuyết cân bằng tĩnh (static trade-off theory). Theo đó, các công ty phải tự quyết định về đòn bẩy tài chính trên cơ sở cân bằng lợi ích thu được từ vốn vay và những rủi ro tài chính.

2. Tình hình cơ cấu vốn một số DN Việt Nam

Biểu đồ 1. D/A và ROE trung bình các ngành giai đoạn 2008-2011



Nguồn: Người viết tổng hợp từ Vietcombank Securities

Bảng 1. Dữ liệu công ty CDC 2011.

EBIT	Lãi vay	Thuế 25%	NI	ROE	ROA	EPS
33.2 tỷ đồng	9.8 tỷ đồng	5.8 tỷ đồng	17.6 tỷ đồng	7%	2.5%	1291 đồng

Nguồn: Vietcombank Securities

Theo khảo sát các DN niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, nhóm sử dụng nhiều nợ vay nhất phải kể đến ngành xây dựng (CIC: 75%, HBC: 78%, SD7: 79%, VMC: 80%, CTN: 84% VC3: 85%...); bất động sản (UIC: 74%, VIC: 77%, SC5: 85%...); và thép (SMC: 76%, HMC: 71%, VIS: 60%...). Tỷ lệ này trong các ngành chế biến xuất khẩu tương đối cao và nợ vay thường ngắn hạn để nhập khẩu và mua nguyên liệu phục vụ cho quá trình chế biến: MPC 74%, TS4 66%, AGF 62%... Ngược lại, ngành cao su tự nhiên lại có tỷ lệ nợ thấp: TRC 23%, DPR: 20%, HRC 26%, TNC 10%...

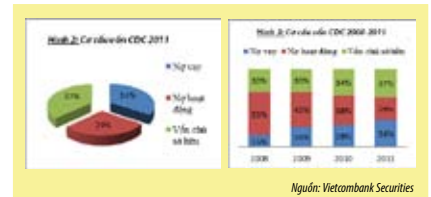
Theo ước tính của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu trung bình của các DN Việt Nam 2011 vào khoảng 2,33 lần, tức là tỷ lệ nợ đang chiếm 70% vốn chủ sở hữu. Đây là ngưỡng nợ tối đa trong cơ cấu vốn đầu tư của các dự án sản xuất, kinh doanh thông thường (tỷ lệ hợp lý trong mối quan hệ giữa an toàn và hiệu quả sử dụng vốn là 40-60%). Sử dụng nợ đem lại lợi ích gì? Nợ cao như vậy có thật

sự đem lại hiệu quả trong giai đoạn hiện nay hay không? Bài phân tích lựa chọn các công ty thuộc ngành xây dựng vì ngành này có tỷ lệ nợ trong cơ cấu vốn cao hơn những ngành khác, từ phân tích đó để làm rõ vai trò và tác động của cơ cấu vốn với nợ cao lên hiệu quả hoạt động của công ty như thế nào.

3. Phân tích dữ liệu:

Bài phân tích sẽ chia ra 3 trường hợp:

Trường hợp 1: phân tích kịch bản cơ cấu vốn của *Công ty cổ phần Chương Dương (CDC)* giữa cơ cấu vốn hiện tại với cơ cấu vốn giả sử.



Nguồn: Vietcombank Securities

phân tích cơ cấu vốn của *Công ty cổ phần Chương Dương (CDC)* với cơ cấu vốn hiện tại có nợ gần 70%, trong đó nợ vay chịu lãi có xu hướng tăng, số liệu năm 2011 như sau:

Điều gì xảy ra nếu công ty không sử dụng cơ cấu vốn như vậy?

Giả sử năm 2011 cơ cấu vốn của CDC không có nợ vay (các yếu tố khác không đổi-EBIT không đổi)

Thuế phải nộp là $EBIT \times \text{thuế suất} = 8.2$ tỷ so với phương án thực tế (5.8 tỷ) thì thuế phải nộp là nhiều hơn bởi vì lúc này không còn lãi vay để được khấu trừ thuế.

Giá trị công ty sẽ giảm xuống một lượng bằng khoản chênh lệch thuế; nhà đầu tư (chủ sở hữu) nhận được ($NI' = EBIT - \text{thuế} = 25$ tỷ đồng), trong khi cơ cấu vốn thực tế, dòng tiền sau thuế mà nhà đầu tư (gồm chủ sở hữu và chủ nợ) nhận được ($NI + \text{lãi vay} = EBIT - \text{thuế} = 27.4$ tỷ đồng).

Và ROE giảm xuống, nếu tài sản được tài trợ hoàn toàn bằng vốn chủ sở hữu thì ROE bằng ROA, ROA' lúc này tăng lên do lợi nhuận sau thuế tăng ($NI' = 25$ tỷ đồng), nhờ không trả lãi vay, $ROA = 4\%$, tuy vậy $ROE' = 4\%$ vẫn nhỏ hơn so với trường hợp sử dụng nợ (7%), đòn bẩy tài chính nợ làm tăng ROE. Đồng thời nếu giả sử khoản nợ được thay thế hoàn toàn bởi vốn cổ phần (mệnh giá cổ phiếu: 10 nghìn đồng) thì số lượng cổ phiếu tăng thêm 43 triệu cổ phiếu, khi đó EPS' giảm xuống còn 444 đồng.

Bảng 2. So sánh hai cấu trúc vốn. (Xem Phụ lục trang 15)

Bảng 3: Tác động của số nhân vốn chủ sở hữu (đòn bẩy tài chính).

Năm	Lãi ròng/ Doanh thu (1)	Doanh thu/Tài sản (2)	ROA (3)=(1)*(2)	Tài sản/Vốn chủ sở hữu (4)	ROE (5)=(3)*(4)
2011	6.27%	0.40x	2.52%	2.72x	6.85%
2010	7.46%	0.54x	3.99%	2.94x	11.72%
2009	6.91%	0.62x	4.26%	3.36x	14.31%
2008	6.89%	0.83x	5.69%	3.33x	18.93%

Nguồn: Vietcombank Securities

Tác động của nợ và vốn chủ sở hữu trong cơ cấu vốn lên ROE và EPS của công ty

Để có cái nhìn cụ thể về tác động của cơ cấu vốn lên hiệu quả hoạt động (ở đây thể hiện qua ROE và EPS) của DN, ta sẽ

Cột (1) và cột (2) cho thấy hiệu quả quản lý chi phí và sử dụng tài sản tạo ra thu nhập, cột (4) thể hiện phương thức tài trợ tài sản ảnh hưởng đến kết quả sau cùng của chủ sở hữu nhận được tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu. Số nhân vốn chủ sở hữu đã khuếch đại kết quả hoạt

động của công ty đem lại lợi nhuận cao cho cổ đông nhờ việc sử dụng đòn bẩy tài chính. Để thấy rõ được tác động này của đòn bẩy tài chính, điều chỉnh số liệu Bảng cân đối kế toán (BCDKT) và Báo cáo thu nhập (BCTN) ta được:

Bảng 4: BCDKT và BCTN hiệu chỉnh của CDC 2011

Nguồn: Vietcombank Securities

Tài sản hoạt động Thuần (NOA = 472 tỷ đồng) =	Nợ vay thuần (D = 221 tỷ đồng) = Nợ vay – Tài sản tài chính
Tổng tài sản – Tài sản tài chính – Nợ hoạt động	Vốn cổ phần (E = 251 tỷ đồng)
Lợi nhuận từ hoạt động ròng	Chi phí tài chính thuần sau thuế (6.4 tỷ đồng) = chi phí tài chính – thu nhập từ đầu tư tài chính
(NOPAT = 24 tỷ đồng)	Lãi ròng (17.6 tỷ đồng)

$RNOA$ (Return on net operating assets) = $NOPAT/NOA = 5\%$

Rd^* (tỷ suất chi phí tài chính thuần sau thuế) = $\text{chi phí tài chính thuần sau thuế} / \text{nợ vay thuần} = 3\%$

$$D/E = 0.9$$

$$ROE = RNOA + (RNOA - Rd^*) * D/E = 5\% + (5\% - 3\%) * 0.9 = 7\%$$

Không có đòn bẩy tài chính (D/E), $RNOA = ROE$, cổ đông có suất sinh lời đúng bằng mức sinh lời do tài sản hoạt động tạo ra, ngược lại khi sử dụng đòn bẩy tài chính ROE sẽ có sự khác biệt với $RNOA$ phụ thuộc vào mức độ đòn bẩy tài chính và khác biệt giữa suất sinh lời trên tài sản và tỷ suất chi phí tài chính: $RNOA > Rd^*$ công ty có đòn bẩy tài chính thuận lợi, $RNOA$ được đẩy lên để tạo ROE cao hơn, trường hợp ngược lại đòn bẩy tài chính gây bất lợi, làm cho ROE thấp hơn, được minh họa qua dữ liệu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cotec-Cotecin (CIC) bên dưới.

Bảng 5: Tác động của đòn bẩy tài chính trong trường hợp CIC 2011:

Tài sản hoạt động Thuần (NOA = 104 tỷ đồng) =	Nợ vay thuần (D = 38 tỷ đồng) = Nợ vay – Tài sản tài chính
Tổng tài sản – Tài sản tài chính – Nợ hoạt động	Vốn cổ phần (E = 66 tỷ đồng)
Lợi nhuận từ hoạt động ròng	Chi phí tài chính thuần sau thuế (3.56 tỷ đồng) = chi phí tài chính – thu nhập từ đầu tư tài chính
(NOPAT = -0.68 tỷ đồng)	Lãi ròng (-4.24 tỷ đồng)
ROE	$RNOA + (RNOA - Rd^*) * D/E$
-6%	$-0.6\% + (-0.6\% - 9\%) * 0.6$

Nguồn: Vietcombank Securities

Nhược điểm của nợ vay:

Với thuế suất cao như năm 2011, chính sách vay nợ cao đã giúp công ty CDC

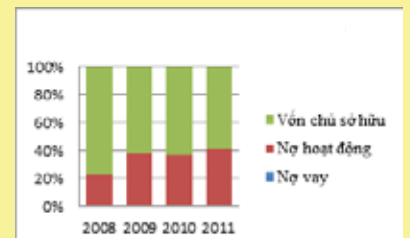
có một khoản tiết kiệm thuế hơn 6% lợi nhuận hoạt động, đem lại giá trị lợi nhuận cao cho chủ sở hữu (ROE và EPS cao hơn). Tuy nhiên điều này cũng tiềm ẩn rất nhiều rủi ro, khi hoạt động kinh doanh gặp khó khăn, nợ vay cao sẽ làm trầm trọng thêm tình hình khủng hoảng hiện tại của công ty. Lãi vay khá cao trong giai đoạn 2008-

2011, đặc biệt trong năm 2011: 20-25% làm giảm lợi nhuận của nhiều công ty, bằng chứng là hầu hết số lợi nhuận làm ra đều được dùng để trả lãi ngân hàng, cụ thể: CDC năm 2011 làm ra 33 đồng thì có tới 9 đồng trả lãi vay. Hay như trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cotec-Cotecin (CIC):

Cứ 1 đồng từ lợi nhuận hoạt động (EBIT) thì có tới ½ đồng trả lãi vay (2008: 8/4, 2009: 10/3, 2010: 9/4.5), năm 2011, trong khi lợi nhuận sụt giảm so với các năm trước, lãi vay lại cao (trên 20%/năm) lợi nhuận làm ra chỉ đủ bù đắp ½ chi phí lãi vay dẫn đến thua lỗ hơn 4 tỷ, EPS âm, vốn góp của cổ đông bị ảnh hưởng. Đây là rủi ro tài chính khi sử dụng nợ-rủi ro mất khả năng chi trả nợ vay dẫn đến công ty bị phá sản, giải thể, phát mãi tài sản để trả nợ cho chủ nợ,... rủi ro này luôn tăng theo tỷ lệ nợ. Khi sử dụng nợ cao trong cơ cấu vốn, công ty phải luôn đối phó với nguy cơ phá sản, tác động tiêu cực đến quyết định

chặn một cuộc vỡ nợ thay vì tập trung vào hoạt động kinh doanh, họ có thể nghĩ đến việc giảm bớt những chi phí tạo ra hiệu quả trong tương lai như chi phí nghiên cứu và phát triển, huấn luyện, xây dựng thương hiệu, kết quả là công ty bỏ qua các dự án sinh lời, cơ hội tăng trưởng, hoạt động kinh doanh bị gián đoạn, doanh thu sụt giảm,... Nếu nợ vay ảnh hưởng không tốt đến tương lai công ty, các nhân viên giỏi sẽ rời bỏ công ty, khách hàng giảm sút, nhà cung cấp từ chối cung cấp tín dụng cũng như hạn chế cung ứng hàng cho công ty, chủ nợ yêu cầu lãi vay cao hơn hoặc các điều kiện cho vay chặt chẽ hơn, nhà đầu tư mới yêu cầu tỷ suất lợi nhuận cao hơn, đến khi có nhu cầu vốn cho dự án hiệu quả, công ty không thể huy động được vốn, bỏ lỡ cơ hội đầu tư... những chi phí này có thể lớn hơn nhiều so với chi phí phá sản trực tiếp, và gọi là chi phí phá sản gián tiếp hay chi phí liên quan.

Hình 4: Cơ cấu vốn của CDC



Nguồn: Vietcombank Securities

Ưu điểm của cơ cấu vốn ít nợ vay:

Nợ mang lại cho công ty nhiều lợi ích như trường hợp của CDC nhưng liệu có phải luôn là như vậy. Rõ ràng là với ví dụ của CIC cho ta thấy sử dụng nhiều nợ (đòn bẩy tài chính cao) không phải là một quyết định sáng suốt, bằng chứng cho thấy qua tình hình hoạt động và lợi nhuận của cổ đông giảm sút. Vậy vay nợ cao trong thời điểm hiện nay là tốt hay không? Ta sẽ đi vào phân tích một công ty sử dụng ít nợ trong giai đoạn kinh tế biến động như gần đây, Công ty Cổ phần Xây dựng Cotec-Cotecins (CTD).

Công ty Cổ phần Xây dựng Cotec-Cotecins (CTD) có cơ cấu vốn nợ thấp (dưới 50%) và hoàn toàn không sử dụng nợ vay có lãi, với cơ cấu vốn này ít nhiều nó đã phát huy tác dụng trong giai đoạn hiện nay.

Với lợi thế là một công ty lớn, có uy tín trên thị trường, CTD đã huy động được nguồn vốn cổ phần dồi dào từ các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán và từ chính cán bộ nhân viên trong công ty (lịch sử

Bảng 6. Dữ liệu công ty CIC 2008-2010.

	2008	2009	2010	2011
EBIT (đồng)	7,927,828,527	10,837,072,057	9,394,289,672	4,683,615,465
Lãi vay (đồng)	4,144,180,748	2,765,773,015	4,577,946,016	8,925,793,378
EPS (đồng)	1,385	2,945	1,005	-1,007
ROE	7%	13%	4%	-6%

tăng vốn điều lệ: 2006: 35 tỷ đồng, 2007: 59.5 tỷ đồng, 2008: 145 tỷ đồng, 2010: 307.5 tỷ đồng, 2011: 317.7 tỷ đồng), công thêm việc tận dụng tốt nguồn vốn chiếm dụng từ đối tác, nhà cung cấp, thuế, nội bộ,... công ty không phải huy động thêm nguồn nợ vay lãi cao của các tổ chức tín dụng; việc này đã hỗ trợ đắc lực cho hoạt động kinh doanh của công ty, trong lúc lãi suất ngân hàng đang ở mức cao, thì đây là một nguồn vốn giá rẻ và không bắt buộc phải trả cổ tức như trường hợp vay nợ phải trả lãi vay, do đó không tạo áp lực phá sản cho công ty, tiết kiệm chi phí tài chính có thể ăn mòn hết lợi nhuận làm ra mà rất nhiều DN khác gặp phải. Bằng chứng là thời điểm 2011 lạm phát gia tăng, chính phủ siết chặt chính sách tiền tệ, lãi suất ngân hàng thương mại bị đẩy lên cao, nhờ huy động được nguồn tài trợ không phải là vay các tổ chức tín dụng nên DN vẫn giữ được lợi nhuận cao: lãi biên (PM: 7%), các tỷ số thanh khoản được giữ ở mức ổn định (Current ratio trên 1.7x, quick ratio: 1.4x;). Tuy nhiên công ty không sử dụng đòn bẩy tài chính, sau thời gian được miễn và giảm 50% số thuế, từ

năm 2011 công ty phải trả toàn bộ nghĩa vụ thuế với thuế suất 25%/năm, không sử dụng nợ vay, công ty đã không tận dụng được lợi ích từ tiết kiệm thuế của nợ, cùng với việc tăng vốn cổ phần liên tục qua các năm làm cho tỷ suất lợi nhuận trên vốn ROE và EPS có xu hướng giảm (ROE: 21%-15%, EPS: 12,000 đồng-6,600 đồng).

Rõ ràng là cơ cấu vốn không có nợ vay chịu lãi của CTD phát huy tác dụng tích cực trong giai đoạn lãi suất cho vay của ngân hàng cao. Tuy nhiên, một cơ cấu vốn với tỷ lệ vốn cổ phần cao, quyền kiểm soát công ty có thể bị ảnh hưởng, làm tăng nguy cơ bị thôn tính khi DN trở thành công ty đại chúng niêm yết trên sàn chứng khoán. Trong thời gian qua, thị trường chứng khoán Việt Nam sôi động bởi các thông tin về các vụ mua bán sáp nhập và thôn tính công ty: Sacombank, Habubank, Evntelecom, AGF, DHT,... làm cho những cổ đông sáng lập của các công ty đại chúng cảnh giác hơn với nguy cơ bị thôn tính, mất quyền kiểm soát công ty bất cứ lúc nào.

Bảng 7. Dữ liệu công ty CTD 2008 - 2011.

	2008	2009	2010	2011
EBIT (đồng)	167,483,410,630	265,240,524,387	312,841,395,687	283,242,316,306
Thuế (đồng)	23,215,093,846	42,219,444,738	70,388,039,073	71,468,385,352
EPS (đồng)	12,016	12,363	7,816	6,657
ROE	16%	21%	19%	15%

PHỤ LỤC

Bảng 2. So sánh hai cấu trúc vốn.

Chỉ tiêu	Cơ cấu vốn thực tế	Cơ cấu vốn giả định (100% vốn chủ sở hữu)	Nhận xét
Thuế (tỷ đồng)	5.8	8.2	Sử dụng nợ vay tạo ra khoản tiết kiệm thuế
Dòng tiền Nhà đầu tư nhận được (tỷ đồng)	Chủ nợ: 9.8	Chủ nợ: 0	Sử dụng nợ tạo ra dòng tiền lớn hơn cho nhà đầu tư, mặc dù tổng dòng tiền cho chủ sở hữu giảm nhưng tính trên từng cổ đông thì giá trị này tăng lên nhiều (thể hiện qua ROE và EPS)
	Chủ sở hữu: 17.6	Chủ sở hữu: 25	
	Tổng: 27.4	Tổng: 25	
ROE	7%	4%	Sử dụng nợ làm tăng giá trị công ty
EPS (đồng)	1291	444	(tăng ROE và EPS)

4. Kết luận

Từ trường hợp phân tích kịch bản Công ty CDC, ta thấy được tác động của nợ vay trong cơ cấu vốn rất quan trọng, nó làm tăng hiệu quả hoạt động của DN, làm tăng lợi nhuận nhận được của nhà đầu tư. Tuy nhiên, trong giai đoạn kinh tế khó khăn, việc sử dụng nhiều nợ vay sẽ làm trầm trọng thêm khó khăn của DN như trường hợp phân tích Công ty CIC. Đồng thời với mô hình sử dụng nợ không chịu lãi của Công ty CTD đã phát huy tác dụng làm tăng hiệu quả hoạt động của DN, trong khi các DN khác phải gánh chịu hậu quả nặng nề vì việc sử dụng nợ vay cao. Nợ không chịu lãi vay mang lại nhiều lợi ích trong hoạt động cho các DN ngành xây dựng, giúp DN tránh được chi phí tài chính cao, nhưng không phải DN nào cũng có thể tiếp cận được nguồn vốn này, việc này phụ thuộc rất nhiều vào uy tín thương hiệu của DN trên thị trường do vậy các DN cần tập trung hơn vào việc cải thiện hiệu quả quản lý chi phí và sử dụng tài sản để tạo ra thu nhập, làm tăng ROA, RNOA và chọn một cơ cấu vốn hợp lý có thể tạo ra đòn bẩy tài chính thuận lợi làm ROE cao hơn. Tác động của nợ trong cơ cấu vốn ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động của DN, mỗi kịch bản cơ cấu vốn sẽ tác động đến khả năng thu lợi nhuận của chủ sở hữu theo những hướng khác nhau trong mỗi thời kỳ kinh tế. Vì vậy, việc xác định cơ cấu vốn với tỷ lệ nợ hợp lý trong từng hoàn cảnh thị trường là rất quan trọng đối với chiến lược phát triển và tối đa hóa giá trị của công ty.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- [1]. Cafef <http://s.cafef.vn/du-lieu.chn>.
- [2]. Đinh Thế Hiển (2012), Cấu trúc vốn của doanh nghiệp đang trong tình trạng bảo động, <http://www.misa.com.vn/tin-tuc/tabid/91/newsid/8216/Cau-truc-von-cua-doanh-nghiep-dang-trong-tinh-trang-bao-dong-.asp>.
- [3]. Eugene F.Brigham-Joel F.Houston (2009), "Essentials of Financial Management", Cengage Learning Asia Pte Ltd, ISBN-13: 981-4272-22-3.
- [4]. Vietcombank Securities, <http://www.vcb.com.vn/>.



NHÌN LẠI HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

MAI THỊ HẰNG
K09404A

Các chuyên gia kinh tế đã giống những hồi chuông cảnh báo những bất cập trong cách quản lí, thực thi và hiệu quả của các tập đoàn kinh tế (TĐKT), doanh nghiệp nhà nước (DNNN) từ năm 2008. Với những “quả đấm bông” như Vinashin, Vinaline cùng các con số nợ tồn đọng của các tập đoàn lên đến hàng chục nghìn tỷ đồng, DNNN từ chỗ là đầu tàu kinh tế lại trở thành gánh nặng nợ quốc gia, gây lãng phí nguồn lực và cạnh tranh kém hiệu quả. Chính vì lẽ đó, tái cấu trúc là yêu cầu tất yếu và quan trọng đối với các TĐKT, DNNN để thay đổi tư duy quản lí, tăng cường tính pháp lí và nâng cao năng lực cạnh tranh để ứng phó với suy thoái và từng bước phục hồi nền sản xuất đang đình đốn.

1. Những vấn đề trọng điểm của DNNN

1.1 Vấn đề sức mạnh thị trường và hiệu quả kinh tế của DNNN

Các TĐKT, DNNN Việt Nam chiếm dụng trung bình khoảng 40% tổng vốn đầu tư vào các doanh nghiệp toàn hệ thống kinh tế (đã giảm do chính sách thắt chặt đầu tư những năm gần đây), nhưng tỷ lệ đóng góp vào GDP và tổng thu Ngân sách nhà nước (NSNN) chưa tương xứng với vị thế và ưu ái mà các DNNN nhận được.

Bảng 1: Các chỉ tiêu đóng góp của DNNN, TĐKT vào GDP Việt Nam và Ngân sách nhà nước từ 2005 - 2010 (Tính toán từ dữ liệu của Tổng cục thống kê).

Chỉ tiêu của khối TĐKT, DNNN	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Tổng vốn đầu tư	161635	185102	197989	209031	287534	316285
Tỷ trọng trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội (%)	47.10%	45.70%	37.20%	33.90%	40.50%	38.10%
Tổng sản phẩm trong nước (tỷ đồng)	839211	1143715	1485038	1658389	1980914	2535008
Đóng góp vào GDP (tỷ đồng)	322241	410883	527732	582674	668300	837197
Tỷ trọng đóng góp vào GDP (%)	38.40%	35.93%	35.54%	35.13%	33.74%	33.03%
Tỷ trọng đóng góp vào tổng thu ngân sách nhà nước	17.12%	16.58%	15.94%	16.43%	18.96%	20.05%

Lợi nhuận tạo ra thấp nhưng tập trung đến 80% ở những tập đoàn như Dầu khí, Viễn thông quân đội, Cao su và Bưu chính viễn thông, chỉ cần một sự biến động từ giá xuất khẩu các nguyên - nhiên liệu thô sẽ làm biến động doanh thu - lợi nhuận lớn. Bên cạnh đó, nhân tố độc quyền và ưu ái của nhà nước trong một số lĩnh vực công nghiệp tạo nên nhiều hệ quả như đầu tư ngoài ngành tràn lan, nợ nần, tham nhũng.

Thị trường điện Việt Nam là một dẫn chứng điển hình, tổng công ty điện lực Việt Nam EVN thu tóm tất cả các khâu sản xuất, truyền tải, phân phối và định giá hàng hóa điện. Sự độc quyền của nhà nước trong lĩnh vực năng lượng ở nhiều quốc gia là điều không hiếm, nhưng tại Việt Nam,

“ông lớn” EVN đã biến ưu ái đó thành các khoản đầu tư ngoài ngành không tạo ra hiệu quả kinh tế - xã hội cao như trường hợp lỗ hơn 1000 tỷ đồng tại tổng công ty viễn thông EVN Telecom năm 2010. Khi EVN không thể bù đắp những khoản nợ và lỗ đó, cách thức duy nhất EVN đối phó là tăng giá điện hoặc nhờ vào sự giúp đỡ của nhà nước.

Điện là yếu tố đầu vào quan trọng ở những ngành công nghiệp sản xuất sắt, thép, xi măng. Trong thời buổi mà vật liệu xây dựng ế ẩm, hàng tồn kho cao lại cộng thêm với sự tăng giá 5% của EVN đầu tháng 7 vừa rồi, các doanh nghiệp sản xuất lại càng điêu đứng. Lộ trình đưa thị

trường điện từ thế độc quyền thành cạnh tranh bình đẳng từ năm 2015 đã bắt đầu thực hiện. Đó là điều kiện tiên quyết cho sự phân phối, sản xuất và kiểm soát hiệu quả nguồn lực của ngành năng lượng quan trọng này, nhưng để phát huy sức cạnh tranh công bằng không phải là chuyện dễ khi EVN nắm hơn 90% mạng lưới truyền tải và các cơ sở sản xuất. Xem ra vấn đề độc quyền và sức mạnh của những TĐKT lớn vẫn khó suy chuyển dù chính phủ (CP) can thiệp sâu đến mức nào.

Nguyên nhân của tình

trạng trên xuất phát từ sự chênh lệch thông tin giữa CP, người dân, ban thanh tra, giám sát hoạt động của các DNNN và nội tình của từng tập đoàn, từng doanh nghiệp. Bất cân xứng thông tin tạo nên những hệ lụy như chi phí giao dịch tăng lên, phân phối sản phẩm đầu ra không hiệu quả và sâu xa hơn, làm mất lòng tin của các chủ đầu tư, chủ nợ. Như câu chuyện Vinashin 2 năm về trước vẫn đứng thứ ba trong số các TĐKT trong phong trào thi đua yêu nước năm 2010, chỉ mấy tháng sau khi công bố “tin mừng” đã rò rỉ khoản nợ hơn 80000 tỷ đồng cùng hàng loạt những sai phạm động trời khác. Rõ ràng sự thiếu minh bạch trong công tác giám sát hoạt động các TĐKT và DNNN là nguyên nhân chính dẫn đến việc sử dụng vốn không hiệu quả, trách nhiệm của người quản lí các TĐKT, DNNN không được suy xét đến nơi đến chốn.

1.2 Những ngoại tác không mong muốn

Thứ ba là vấn đề ngoại tác do các DNNN tạo ra, chúng ta không bàn luận đến thành quả mà các DNNN đã gây dựng nên, mà điều đáng nói là những góc khuất đáng suy ngẫm. Ngoại tác đầu tiên là vấn đề đạo đức, một vài cá



CỬA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC



nhân với động cơ là lợi ích cá thể sẽ thâu tóm, tận dụng cơ hội để làm tăng lợi ích của họ. Và những chi phí phát sinh đó được bù đắp bởi ngân quỹ của cơ quan. Tham nhũng, quan liêu và tiêu cực đều xuất phát từ nguyên nhân này.

Ngoại tác còn thể hiện ở góc độ tác động lên môi trường tự nhiên và xã hội. Các TĐKT, DNNN hoạt động trong những lĩnh vực chủ chốt mang lại ngoại tệ cho đất nước như khai thác khoáng sản, năng lượng nhưng các chi phí về môi trường và dân sinh chưa được quan tâm đúng mức. Nền kinh tế chỉ hiệu quả khi có sự cạnh tranh công bằng, phân phối nguồn lực hiệu quả, nhưng những chế tài pháp lý chưa đủ mạnh để xử lý sai phạm cũng như các hình thức ưu tiên của chính phủ dành cho DNNN đã làm méo mó thị trường, gây bất bình đẳng giữa DNNN và DN ngoài nhà nước.

Lẽ ra, DNNN phải có vai trò đầu tàu để tạo lợi thế cạnh tranh quốc gia, tham gia chuỗi giá trị của toàn cầu. Nhưng vai trò các TĐKT, DNNN lại chưa phát huy được tiềm lực của mình, thậm chí từ khi hàng loạt sai phạm của Vinashin, Vinaline, EVN... khiến chỉ số minh bạch, chỉ số cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam lao dốc trong hai năm gần đây. “Toàn bộ tư duy dự án, thời vụ, tư duy của lãnh đạo theo nhiệm kỳ, hay nói gọn là tư duy lợi ích chộp giật, đã lẫn lộn và áp đảo tất cả các tư duy kinh tế khác, như dài hạn, liên kết và hiệu quả” như chuyên gia kinh tế Phạm Minh Phong nhận xét.

1.3 Hiệu quả kinh tế - xã hội:

chưa cao

Từ năm 2005 đến 2010, đã có gần 1000 DNNN được cơ cấu và sắp xếp lại, số lượng DNNN giảm xuống kéo theo đó là sự cắt giảm người lao động từ hơn 2 triệu lao động năm 2005 xuống còn 1.7 triệu người. Đây là con số khá khiêm tốn so với tổng mức vốn đầu tư của nhà nước dành cho các doanh nghiệp đầu tàu của nền kinh tế. Vốn và giá trị đầu tư tăng lên về số lượng nhưng hiệu quả tạo ra chưa tương xứng với sự đầu tư đó.

Tổng mức vốn đầu tư tăng gấp hai lần từ năm 2008, lên 1500 tỷ đồng vào năm 2010 nhưng tỷ lệ đóng góp vào thu nhập quốc dân (GDP) không cân xứng, chỉ ở mức 37-39% và tạo công ăn việc làm cho xấp xỉ 4% tổng số lao động. Tổng vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNN không ngừng tăng từ năm 2005 đến cuối năm 2010. Nguồn vốn hoạt động của TĐKT, DNNN đều hình thành từ yếu tố vốn NN như được giao tài sản nói chung hoặc vay mượn ngân sách hoặc trái phiếu CP, vốn vay ngân hàng, vốn do liên doanh liên kết, vốn do tích lũy trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong khi cơ chế quản lý của nhà nước chưa phân định rõ ràng và quyền tự chủ hoạt động của TĐKT, DNNN; tình trạng quản lý gần như lơ lửng từ quyết định số 91 / TTg có quy định việc quản lý các DNNN là do thủ tướng CP quản lý mà không có lấy một cơ quan chuyên trách đứng ra đảm nhận.

Gần 90 triệu người dân Việt Nam ở thời điểm này gánh trên vai khoản nợ lên

đến 1008 nghìn tỷ đồng của các DNNN, nghĩa là trung bình mỗi người gánh khoảng 500USD nợ. Với những hệ quả trên, tái cấu trúc TĐKT, DNNN trở thành nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, có ý nghĩa sống còn đối với nền kinh tế.

2. Nâng cao hiệu quả hoạt động của TĐKT - DNNN: cần tiến hành quyết liệt:

Ngày 9/7/2012, tại Nghị quyết số 26/NQ-CP về phiên họp thường kỳ tháng 6/2012, Chính phủ yêu cầu từ nay đến 2015, các TĐKT, DNNN phải hoàn thành việc thoái vốn đầu tư không thuộc ngành nghề kinh doanh chính theo nguyên tắc thị trường, bảo đảm công khai, minh bạch, bảo toàn ở mức cao nhất phần vốn và tài sản của nhà nước. [Nguồn: Vneconomy] Nhưng thực hiện như thế nào lại là một câu chuyện khác. Chúng ta cùng tìm hiểu ở hai tập đoàn trong ngành năng lượng là EVN và Dầu khí.

Theo thông tin chính thức từ website của hai tập đoàn Dầu khí và EVN, mỗi anh cả của nền kinh tế có ít nhất 20 công ty con, công ty liên kết và chưa kể đến các đối tác chiến lược khác. EVN có tới 26 công ty con, 14 công ty liên kết đa ngành, trong đó có tới 3 công ty bất động sản, 4 tổ chức tài chính. Với việc kiêm nhiệm quản lý nhiều lĩnh vực và đầu tư rộng lớn như thế, chẳng trách được sự “nhầm lẫn đáng tiếc” của ông chủ tịch tập đoàn khi trần tình “anh em viên chức ngành điện không

Chỉ số	2005	2007	2008	2009	2010
Tổng số doanh nghiệp nhà nước	4086	3494	3328	3364	3283
Tỷ lệ trong doanh nghiệp đang hoạt động (%)	3.60%	2.20%	1.60%	1.30%	1.10%
Tổng số lao động trong các DNNN (nghìn người)	2037.7	1763.1	1725.4	1735.5	1688.7
Tỷ lệ so với tổng số lao động trong các doanh nghiệp (%)	32.70%	23.90%	20.90%	19.40%	16.70%
Tỷ lệ trong tổng số lao động cả nước	4.76%	3.90%	3.71%	3.64%	3.44%
Tổng vốn SXKD bình quân của DNNN (nghìn tỷ đồng)	1445	1938.8	2742.8	3001.6	3492.6
Tỷ lệ so với tổng vốn SXKD bình quân các doanh nghiệp (%)	54.10%	46.80%	44.70%	36.70%	32.60%
Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của DNNN (nghìn tỷ đồng)	486.8	871.4	1340.5	1604.8	1601.8
Tỷ lệ giá trị TSCĐ và ĐTTT dài hạn	51.10%	47%	47.60%	44.80%	35.40%
Tỷ lệ doanh thu thuần của DNNN trên tổng vốn đầu tư (%)	38.9%	31.5%	28.9%	24.9%	25.4%

(Nguồn: Tổng cục thống kê 2011)

đủ sống". Còn Tập đoàn dầu khí khiêm tốn hơn với 20 công ty con và liên kết, trong đó có cả Ngân hàng dầu khí. Việc thoái vốn của hai tập đoàn này vẫn còn nhiều bất cập. Một là sự giảm giá trị của các khoản vốn đã đầu tư mà chưa sinh lợi, số lỗ này tập đoàn gánh hay nhà nước lại phải chi bù lỗ? Hai là, có những lợi ích tài chính khiến các ông chủ quản lí các tập đoàn này chưa sẵn sàng thoái vốn, điển hình như TĐ dầu khí chủ trương "xin" không thoái vốn hết trong hai công ty thuộc lĩnh vực tài chính.

Báo cáo mới nhất về tình hình hoạt động của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2006-2010 cho thấy phần vốn đầu tư ngoài ngành của DNNN lên đến 21000 tỷ đồng trong năm 2010, tăng gấp đôi trong năm 2009. Đầu tư dàn trải mà không sinh lời, không kiến thiết và tạo được nhiều việc làm hơn cho lao động.

Chúng ta vẫn phải chờ thời gian để có câu trả lời chính xác nhất về câu chuyện thoái vốn của các TĐKT, nhưng có thể thấy được cái giá phải trả là sự lãng phí vốn đầu tư, lãng phí thời gian, lãng phí nguồn nhân lực...

Giải pháp được CP đưa ra trong tình hình kinh tế khó khăn và có nhiều dấu hiệu của sự suy thoái là đề án "Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011 - 2015". Đề án có hai mục tiêu chính, một là cung cấp các hàng hóa thiết yếu cho xã hội và an ninh quốc phòng, hai là thực hiện vai trò chủ đạo, là "lực lượng vật chất" để nhà nước tiến hành điều tiết kinh tế vĩ mô. Một lần nữa, các TĐKT, DNNN vẫn là một công cụ hành chính để chính phủ điều chỉnh các chỉ số,

việc đo lường hiệu quả kinh tế - xã hội chưa phải là nhiệm vụ hàng đầu.

Bên cạnh đó, tái cấu trúc TĐKT và DNNN còn phải đi đôi với phòng chống tham nhũng quyết liệt, minh bạch thông tin và giám sát chặt chẽ hơn. Không những thế, hoàn thiện bộ khung pháp lí về việc quy định trách nhiệm của mỗi cá thể, mỗi bộ phận trong điều hành các TĐKT, DNNN sau những trái đắng như Vinashin, Vina-line để tránh những đồng vốn của nhân dân đổ sông đổ bể, nâng cao hơn nữa tính trách nhiệm cá nhân trong bộ máy quản lí, tránh tình trạng đem con bỏ chợ, chា chung không ai khóc.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bích Diệp (2012), Các doanh nghiệp nhà nước đang nợ hơn 1.000.000 tỷ đồng, <http://www.datc.com.vn/tabid/114/postid/415/Cac-doanh-nghiep-nha-nuoc-dang-no-hon-1000000-ty-dong.aspx>
- [2]. Hoàng Yến (2012), Buộc các tập đoàn, tổng công ty thoái vốn trái ngành trước 2015, http://www.vnmedia.vn/VN/kinh-te/tin-tuc/26_261570/buoc_cac_tap_doa_tong_cong_ty_thoai_von_trai_nganh_truoc_2015.html
- [3]. Hồng Quân, EVN lỗ nặng do đầu tư ngoài ngành, <http://laodong.com.vn/Kinh-te/EVN-lo-nang-do-dau-tu-ngoai-nganh/5284.bld>
<http://tamnhin.net/Diendan/19754/Thuc-trang-phap-luat-va-quan-ly-doanh-nghiep-nha-nuoc.html>
- [4]. KTTĐ, Thực trạng pháp luật và quản lý doanh nghiệp nhà nước, <http://tamnhin.net/Diendan/19754/Thuc-trang-phap-luat-va-quan-ly-doanh-nghiep-nha-nuoc.html>
- [5]. Nguyễn Đình Cung, Tạo điểm đột phá từ thông tin minh bạch, <http://doanhnhansaigon.vn/online/tin-tuc/kinh-te/2012/08/1066495/tao-diem-dot-pha-tu-thong-tin-minh-bach/>
- [6]. Nguyễn Thảo (2012), Thoái vốn đầu tư ngoài ngành: Nói dễ, làm khó?, <http://vneconomy.vn/20120714091220710POCS/thoai-von-dau-tu-ngoai-nganh-noi-de-lam-kho.htm>
- [7]. Nguyễn Thị Cảnh (2006), Chương 3 & Chương 7 - Tài chính công, NXB ĐHQGTPHCM.
- [8]. Quyết định 91/TTg (2005).
- [9]. Tổng Cục thống kê, Báo cáo tổng kết năm 2011.



PHÁ SẢN

NỖ LO CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT

PHẠM ĐỖ LAN ANH
K09404A

Khái quát tình hình kinh tế Việt Nam

Năm 2012, nối tiếp thành công của năm 2011, lạm phát đã được đẩy lùi. Chỉ số CPI có xu hướng giảm mạnh, trung bình mỗi tháng chỉ ở dưới 1% (biểu đồ 1).

Biểu đồ 1: Tình hình biến động CPI qua các tháng (giai đoạn tháng 9/2011 - 10/2012)



Nguồn: Tổng cục thống kê

Số liệu ở Biểu đồ 1 cho thấy chỉ số CPI nửa đầu năm 2012 ở mức rất thấp, thậm chí là “âm” (các tháng 7 và 8). Lạm phát giảm cũng kéo tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm theo (biểu đồ 2):

Biểu đồ 2: Tốc độ tăng trưởng qua các quý (giai đoạn 2011 – hết Quý III/2012)



Nguồn: Tổng cục thống kê

Gần hết năm 2012 nhưng tốc độ tăng trưởng GDP chỉ đạt ở mức bình quân 4.63%, thấp hơn rất nhiều so với mức 5.89% năm 2011, 6.78% năm 2010.

Trong khi đó, chỉ số hàng tồn kho ở mức cao với cùng kỳ năm 2011:

Bảng 1: Chỉ số tồn kho của một số ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại một số thời điểm năm 2012 so với cùng kỳ năm 2011

Ngành	Xi măng	Sắt, thép, gang	Sản phẩm plastic	Chung
Thời điểm				
1/6	29.30%		59.60%	26.00%
1/7	49.20%	20.80%	61.50%	21.00%
1/8	50.60%	28.20%	69.20%	20.80%
1/9	50.20%	40.60%	50.60%	20.40%
1/10	53.10%	38%	56.50%	20.30%

Nguồn: Tổng cục thống kê

Chỉ số hàng tồn kho tính chung đủ đã giảm nhưng ở một số ngành vẫn còn ở mức khá cao. Điều này cho thấy các doanh nghiệp vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong việc tìm nguồn tiêu thụ. Tồn kho ở mức cao, sản xuất phải đình lại, chỉ số sản xuất công nghiệp (IPP) ở mức thấp so với cùng kỳ năm 2011 cũng là điều dễ hiểu. Nhập siêu cũng giảm mạnh và đang ở mức thấp nhất trong nhiều năm qua. Việt Nam vốn là nước có nền sản xuất dựa chủ yếu vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu, cho nên việc nhập siêu giảm cho thấy việc sản xuất kinh doanh đang gặp nhiều khó khăn nên nhu cầu đầu vào cho sản xuất giảm

Tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm, tồn kho tăng cao, sản xuất đình đốn, tình hình kinh tế không mấy sáng sủa, số doanh nghiệp phá sản cũng tăng mạnh. Ngày 29/6/2012, Tổng cục thống kê đã công bố kết quả rà soát về số lượng doanh nghiệp năm 2012. Và thật bất ngờ, mới chỉ 6 tháng đầu năm mà đã có tới 26,324 doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng tới 5.4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh nghiệp ngoài nhà nước phá sản chiếm tỷ lệ cao nhất với

9.1%, tiếp đến là khối doanh nghiệp nhà nước (2.4%), và cuối cùng là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Đây là kết quả không quá khó dự đoán bởi đa số các doanh nghiệp Việt ngoài khối Nhà nước là các doanh nghiệp nhỏ lẻ, hoạt động phụ thuộc quá nhiều từ bên ngoài. Chỉ cần nền kinh tế có chút “xao động” thì các doanh nghiệp này rất dễ bị tổn thương.

Do đâu mà số doanh nghiệp phá sản lại tăng nhiều đến thế?

Doanh nghiệp phá sản vì nhiều lí do. Theo một khảo sát của Tổng cục thống kê thì nguyên nhân chính được đa số doanh nghiệp phản ánh là do sản xuất kinh doanh thua lỗ (chiếm gần 70% - Bảng 2).

Bảng 2. Bảng khảo sát nguyên nhân gây nên tình trạng giải thể phá sản giai đoạn 01/01/2012 – 01/4/2012.

Nguyên nhân giải thể, phá sản	Tỷ lệ
Sản xuất kinh doanh thua lỗ	69.6%
Thiếu vốn	28.2 %
Không tiêu thụ được sản phẩm	14.7%
Khó khăn về địa điểm sản xuất kinh doanh	11.7%
Đóng cửa để sáp nhập với doanh nghiệp khác	4.6%
Đóng cửa để thành lập doanh nghiệp mới/ chuyển đổi ngành nghề sản xuất kinh doanh	4.6%

Nguồn: Tổng cục thống kê

Nếu chỉ dựa vào số liệu từ bảng trên, ta sẽ không thể kết luận được rõ ràng gốc gác của vấn đề. Bởi thua lỗ chưa nói lên điều gì. Một doanh nghiệp có thể thua lỗ nhiều năm nhưng nếu dòng tiền dương thì khả năng phá sản vẫn rất thấp. Ngược lại, nhiều doanh nghiệp dù có lợi nhuận nhưng

vẫn phải đóng cửa. Tương tự, khi doanh nghiệp để cập phá sản vì “không tiêu thụ được sản phẩm”, ta sẽ tự hỏi “vì sao lại không tiêu thụ được?” Vì chất lượng sản phẩm kém, hay người dân hạn chế mua sắm....?

Ở đây vì thời lượng bài viết có hạn, tôi sẽ phân tích nguyên nhân theo hai khía cạnh khách quan và chủ quan

Nguyên nhân khách quan:

Bảng 2: Bảng khảo sát các yếu tố môi trường kinh doanh ảnh hưởng đến hoạt động sản kinh doanh của khu vực doanh nghiệp

Các yếu tố	Tỷ lệ
Lãi suất vay vốn quá cao	27.2%
Lạm phát cao và biến động thất thường	19.5%
Khả năng tiếp cận vốn khó khăn	17.4%
Chi phí vận tải cao	9.7%
Điện cung cấp không ổn định	7%
Chính sách điều hành kinh tế không ổn định	7%

Nguồn: Tổng cục thống kê

Vốn đã chi vượt đầu tư từ những khó khăn của kinh tế Việt Nam năm 2011: lạm phát phi mã, giá cả leo thang, người dân thắt chặt chi tiêu khiến hàng sản xuất ra không bán được,... các doanh nghiệp đã phải rất chật vật để duy trì hoạt động kinh doanh. Việc kinh doanh càng trở nên khó khăn hơn khi Chính phủ thi hành chính sách thắt chặt tiền tệ để kiềm chế lạm phát. Lãi suất tăng quá cao khiến các doanh nghiệp càng thêm khốn đốn khi không thể xoay sở được ở đầu nguồn vốn giá rẻ để phát triển sản xuất. Trong khi nhiều doanh nghiệp chấp nhận vay với lãi suất cao phải đối mặt với nguy cơ vỡ nợ thì nhiều doanh nghiệp khác không có khả năng vay phải hoạt động cầm chừng hoặc ngừng sản xuất do không tìm được nguồn huy động vốn khác. Thêm vào đó, khủng hoảng nợ công châu Âu cùng với tình trạng ảm đạm của nền kinh tế lớn nhất thế giới (Mỹ) cũng ảnh hưởng rất lớn tới các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

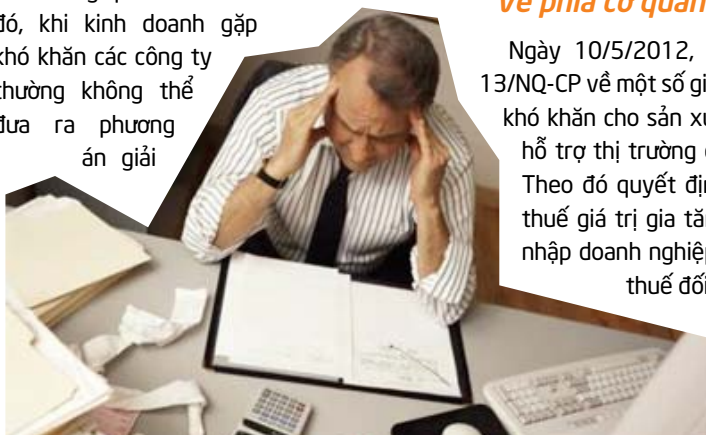
Nguyên nhân chủ quan:

Các yếu tố môi trường đã ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, nguyên nhân quan trọng nhất lại xuất phát từ vấn đề nội tại của chính các doanh nghiệp. Bởi bản thân một doanh nghiệp nếu có tình trạng sức khỏe tốt thì khả năng vượt qua

khủng hoảng là rất cao.

Vấn đề đầu tiên cần quan tâm đó là “quản trị nguồn vốn”. Như ta đã biết, các doanh nghiệp huy động vốn từ hai nguồn chính: vay nợ và vốn chủ sở hữu. Ở Việt Nam, các doanh nghiệp chủ yếu huy động vốn từ nguồn nợ vay, bởi chi phí sử dụng vốn của nợ thường thấp hơn nhiều so với chi phí vốn chủ sở hữu. Thêm vào đó, sử dụng nợ lại có được lợi ích từ “lá chắn thuế” làm giảm nghĩa vụ thuế phải nộp. Tuy nhiên, sử dụng nợ quá nhiều khiến rủi ro và chi phí tăng lên, khiến doanh nghiệp đối mặt với nguy cơ vỡ nợ. Trong khi đó, hoạt động của các doanh nghiệp Việt Nam lại phụ thuộc quá nhiều vào nguồn vốn tín dụng. Do đó, chỉ cần nền kinh tế có biến động nhẹ, thu nhập giảm trong khi lãi suất tăng cao cũng gây ra khó khăn lớn cho doanh nghiệp. Từ đây nguy cơ phá sản là hoàn toàn có thể xảy ra, đặc biệt là những doanh nghiệp hoạt động trong những lĩnh vực có sự cạnh tranh gay gắt. Nợ càng cao, nguy cơ phá sản càng lớn.

Phụ thuộc quá nhiều vào nguồn vốn tín dụng, nhưng nhiều doanh nghiệp lại sử dụng đồng vốn thiếu hiệu quả: kế hoạch kinh doanh không rõ ràng trong khi lại đầu tư dàn trải, thiếu định hướng, chỉ lo sản xuất thật nhiều mà không quan tâm đến đầu ra của sản phẩm. Đây chính là vấn đề nội tại mà đa số doanh nghiệp Việt Nam đã và đang mắc phải. Theo số liệu thống kê mới đây, có tới 95% doanh nghiệp Việt Nam là doanh nghiệp vừa và nhỏ nên thường không có đủ năng lực để đưa ra được những kế hoạch kinh doanh đầy đủ, hợp lý. Các kế hoạch kinh doanh thường không tính đến hết các rủi ro gặp phải trong quá trình sản xuất. Do đó, khi kinh doanh gặp khó khăn các công ty thường không thể đưa ra phương án giải



quyết hợp lý dẫn tới chi phí kinh doanh tăng, trong khi thu nhập lại ở mức thấp hoặc thậm chí âm, không tương xứng với nguồn vốn đã bỏ ra. Kinh doanh kém hiệu quả nhưng lại đầu tư dàn trải, thiếu định hướng. Ngành nào thấy có lời là nhào vô mà không xét đến năng lực của bản thân doanh nghiệp, tình hình thị trường, các yếu tố đầu vào, ... Chỉ mới đây thôi, khi nhắc đến EVN (Tập đoàn điện lực Việt Nam), người ta không chỉ nghĩ tới vấn đề điện, mà còn nhớ tới các khoản lỗ “khủng” từ việc đầu tư dàn trải mà không quan tâm đến hiệu quả. Sử dụng lợi thế của Doanh nghiệp nhà nước, với nguồn vốn lớn, tập đoàn này liên tục đầu tư ra ngoài ngành mà tiêu biểu là viễn thông (EVN Telecom). Và dù cho có ưu thế về mạng lưới cũng như cơ sở vật chất nhưng do thiếu năng lực quản lý, kinh doanh không hiệu quả mà EVN Telecom liên tục lỗ nặng, gây ra thiệt hại lớn không chỉ cho riêng EVN, mà còn tạo nên gánh nặng rất lớn trên người dân. Không chỉ ngừng lại ở EVN Telecom, những ngành khác như bất động sản, tài chính, ngân hàng, chứng khoán cũng góp phần tạo nên sự lãng phí lớn trong nguồn vốn của EVN. Đầu tư dàn trải, thiếu quan tâm tới ngành lợi thế của mình, thua lỗ là điều khó tránh khỏi.

Phương hướng giải quyết

Phá sản giúp đào thải, sàng lọc những doanh nghiệp yếu kém, làm ăn không hiệu quả. Tuy nhiên, phá sản hàng loạt lại gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng tác động không nhỏ tới nền kinh tế đất nước. Do đó để giải quyết tình trạng trên cần phải có sự chung tay góp sức của cả cơ quan Nhà nước và của các doanh nghiệp.

Về phía cơ quan nhà nước:

Ngày 10/5/2012, Nghị quyết số 13/NQ-CP về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường được ban hành. Theo đó quyết định gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp và miễn giảm thuế đối với một số loại hình doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Chính phủ

yêu cầu NHNN cùng với các cơ quan khác hạ mặt bằng lãi suất cho vay, tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận với nguồn vốn giá rẻ. Tuy nhiên, dù tung ra gói hỗ trợ tới 29000 tỷ đồng, nhưng hiệu quả mà chính sách mang lại vẫn chưa cao. Bởi biện pháp hỗ trợ chỉ có ích cho những doanh nghiệp đang làm ăn có lãi, còn những doanh nghiệp thực sự cần hỗ trợ (doanh nghiệp bị lỗ hoặc đang đứng trên bờ vực phá sản) không được nhiều từ sự hỗ trợ thuế của Chính phủ. Thêm vào đó, dù mặt bằng lãi suất có giảm, nhưng do điều kiện vay vốn khá ngặt nghèo, chỉ những doanh nghiệp khỏe mạnh, đáp ứng đủ các yêu cầu của NHHTM thì mới có khả năng vay với chi phí thấp. Trong khi nhu cầu vay vốn cấp thiết hiện nay lại chủ yếu bắt nguồn từ các doanh nghiệp nhỏ, làm ăn thua lỗ. Như vậy gói cứu trợ của Chính phủ chưa thực sự hướng tới những doanh nghiệp thật sự cần hỗ trợ. Chỉ những doanh nghiệp khỏe mạnh, hoạt động kinh doanh tương đối tốt mới có thể hưởng được nhiều lợi ích.

Về phía doanh nghiệp:

Phá sản là điều mà không một doanh nghiệp nào mong muốn gặp phải. Do đó, để tránh nguy cơ phá sản có thể xảy ra trong tương lai, ngay từ bây giờ các doanh nghiệp hãy tự cứu lấy mình thay vì chờ cho tới khi được Nhà nước hay ai đó trợ giúp. Bởi chính sách của Chính phủ không phải là “chiếc chìa khóa vạn năng” có thể cứu giúp mọi doanh nghiệp. Chỉ những doanh nghiệp tốt, có khả năng chống chọi tốt với mọi khó khăn thì cơ hội sống sót mới cao, mới có cơ hội nhận được hỗ trợ của Chính phủ. Vì thế, việc đầu tiên mà doanh nghiệp phải quan tâm đó là vấn đề cấu trúc lại nguồn vốn (vấn đề này không mới, đã được Chính phủ đề cập khá nhiều trong chủ trương cơ cấu lại nền kinh tế). Các doanh nghiệp phải tự tìm ra được cấu trúc vốn tối ưu mà doanh nghiệp mình hướng tới. Đây là điều vô cùng quan trọng, bởi cấu trúc vốn tối ưu góp phần làm tối đa hóa giá trị doanh nghiệp, giảm bớt gánh nặng chi phí vốn. Từ đây, rủi ro phá sản cũng giảm xuống tạo điều kiện cho doanh nghiệp mạnh dạn hơn trong đầu tư kinh doanh. Để giảm bớt gánh nặng nợ và lãi, các doanh nghiệp hãy linh hoạt hơn, tìm cho mình được nhiều nguồn huy động giá

ẻ mới, từ đó giảm bớt nguy cơ vỡ nợ. Và một trong những hướng đi đã và đang được một số doanh nghiệp Việt Nam áp dụng hiện nay đó là tìm đến nguồn vốn giá rẻ từ nước ngoài (những nơi có lãi suất thấp hơn nhiều ở Việt Nam) thông qua việc phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu. Một số doanh nghiệp thành công ở loại hình này có thể kể đến như Vingroup, Vinamilk, công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (HAG)... Dù rằng đây là hướng đi mới và còn nhiều trở ngại nhưng về lâu dài tiềm năng của nó sẽ rất lớn.

Thứ hai, vấn đề “thanh khoản” cũng là điều cần được quan tâm đúng đắn. Bởi doanh nghiệp chỉ có thể trả nợ và thanh toán các chi phí kinh doanh khi có tiền. Trong thực tế, có khá nhiều doanh nghiệp phá sản vì thiếu tiền dù kinh doanh có lãi. Công ty Dược Viễn Đông (DVD) là trường hợp như vậy. Các năm trước khi tuyên bố phá sản, lợi nhuận của DVD vẫn luôn dương. Tuy nhiên doanh nghiệp này lại phá sản do không có tiền để trả các khoản nợ đến hạn. Có tiền mặt, các khoản chi tiêu thanh toán của doanh nghiệp mới được tiến hành nhanh chóng và thuận lợi, tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh diễn ra một cách trơn tru, không phải tạm ngừng giữa chừng. Cuối cùng, để tránh lặp lại sai lầm như của EVN, các doanh nghiệp cần phải đưa ra kế hoạch kinh doanh hợp lý rõ ràng trước khi bắt đầu việc đầu tư mới, tránh đầu tư dàn trải phân tán nguồn lực. Từ đó doanh nghiệp có thể giảm thiểu thiệt hại khi rủi ro xảy ra. Thêm vào đó, trong quá hoạch định kế hoạch kinh doanh, doanh nghiệp cần phải chú trọng hơn vào nhu cầu thị trường. Trước khi đưa ra sản phẩm cần nghiên cứu kỹ, tung sản phẩm đúng “lúc”, đúng “chỗ” nhằm đánh “trúng” nhu cầu người tiêu dùng. Có làm tốt công việc phân phối thì sản phẩm mới được tiêu thụ nhanh chóng, việc kinh do-



anh mới được giữ vững.

Phá sản là tình trạng mà không chỉ bản thân doanh nghiệp mà cả toàn xã hội đều không ai muốn. Bởi nó ảnh hưởng tới cuộc sống của hàng trăm, hàng nghìn công nhân, tác động sâu sắc tới đời sống xã hội. Tuy nhiên, nó cũng là cơ hội để các doanh nghiệp có thực lực vươn lên. Vì thế, ngay từ bây giờ, doanh nghiệp không nên chỉ biết bị động trước sự thay đổi thị trường, mà phải chủ động thay đổi bản thân theo hướng hoàn thiện hơn. Như vậy việc kinh doanh mới thực sự phát triển, phá sản không còn là nỗi lo “một sớm một chiều”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- [1]. Đồng Nhi (2012), *Cà phê cuối tuần*: “Không tái cấu trúc là chết”, <http://vneconomy.vn/20120706030916813POC5/ca-phe-cuoi-tuan-khong-tai-cau-truc-la-chet.htm>
- [2]. Hoàng Lan (2012), 2012: DN đổi mới để thoát hiểm, <http://vef.vn/2012-02-23-2012-dn-doi-moi-de-thoat-hiem>
- [3]. Mạnh Hà (2012), Nói và làm: CPI âm, giảm phát không còn là tin hiệu, <http://vef.vn/2012-07-23-noi-va-lam-cpi-am-giam-phat-khong-con-la-tin-hieu>
- [4]. Phạm Huyền (2012), Đầy lỗ qua DN khác vẫn không cứu nổi EVN Telecom, <http://vef.vn/2012-02-13-day-lo-qua-dn-khac-van-khong-cuu-noi-evn-telecom>
- [5]. Phạm Huyền (2012), EVN thời ông Đào Văn Hưng: Vỡ mộng viễn thông, chứng khoán, <http://vef.vn/2012-02-12-evn-thoi-chu-tich-dao-van-hung-vo-mong-vien-thong-chung-khoan>
- [6]. ThS. Ngô Thị Quyên – ThS. Nguyễn Thanh Huyền (2012), *Cấu trúc vốn tối ưu cho doanh nghiệp*, Tạp chí ngân hàng số 8, trang 45 – 48
- [7]. ThS. Tô Thị Thanh Trúc, Bài giảng chương *Tái cấu trúc nguồn vốn*, Môn Quản trị tài chính 2, ĐH Kinh tế - Luật.
- [8]. Tổng cục thống kê, Báo cáo kết quả rà soát số lượng doanh nghiệp năm 2012 (29/6/2012).
- [9]. Tổng cục thống kê, Thông cáo báo chí về tình hình kinh tế xã hội 6 tháng đầu năm 2012.
- [10]. Xuân Ngọc (2012), *Chiều vượt khủng hoảng của doanh nghiệp Việt*, <http://vnexpress.net/gl/kinh-doanh/2012/08/chieu-vuot-khung-hoang-cua-doanh-nghiep-viet/>

LỢI NHUẬN “KHỦNG” NGÂN HÀNG THỰC TẾ NÓI GÌ?

NGUYỄN ĐÌNH NGHĨA - K09404B
TRẦN THỊ THANH NHUNG - K10404B

Thời gian qua, nhiều thông tin cho rằng có sự bất hợp lý trong việc nhiều ngân hàng lãi lớn trong khi nền kinh tế cũng như doanh nghiệp đang gặp khó khăn. Điều này có hoàn toàn đúng hay không? Bài viết này sẽ làm rõ hơn vấn đề này.



1. Bức tranh lợi nhuận của hệ thống ngân hàng Việt Nam

Nền kinh tế Việt Nam đang phải đối mặt với khó khăn, thách thức lớn, các doanh nghiệp phải đương đầu với sự tăng giá của các yếu tố đầu vào và chặt vật trong tìm đầu ra cho sản phẩm. Tưởng chừng như với chính sách tiền tệ và tài khoá thắt chặt cùng với tốc độ tăng trưởng tín dụng thấp trong năm 2011 các ngân hàng sẽ có lợi nhuận sụt giảm. Tuy nhiên bức tranh lợi nhuận của nhóm ngân hàng không khỏi làm nhiều người bất ngờ.

Lợi nhuận giữ lại năm 2011 của các ngân hàng là rất lớn. Tại sao trong khi hầu

không?

2. Tương quan bức tranh lợi nhuận Ngân hàng so với các ngành khác

2.1. Tương quan giữa các ngành

Bảng 2. ROE của các ngành kinh tế

Ngành	Ngân hàng	Thực phẩm	Tiêu dùng	Xây dựng	Bất động sản	Khoáng sản	Thủy sản
ROE	16%	25%	21.9%	10%	7%	22%	20%

Ngành	Y tế	Viễn thông	Cao su	Năng lượng	Dầu khí	Thép	Giáo dục	Chứng khoán
ROE	22%	22%	40%	23%	17%	11%	12%	-8%

(Số liệu được tổng hợp từ các công ty niêm yết trên trang web www.cophieu68.com)

Đơn vị: triệu đồng

Bảng 1. Lợi nhuận sau thuế của các ngân hàng Việt Nam năm 2011.

NGÂN HÀNG	LỢI NHUẬN SAU THUẾ (2011)
1. VIETINBANK	8,392,021
2. SACOMBANK	2,770,674
3. VIETCOMBANK	5,697,405
4. EXIMBANK	4,056,293
5. ACB	4,202,693
6. DAIABANK	500,768
7. OCEANBANK	643,394

Nguồn: BCTC của các ngân hàng năm 2011

hết các doanh nghiệp đang bị cuốn theo đà suy giảm, điều đúng trước khó khăn và thua lỗ thì ngành ngân hàng vẫn ăn nên làm ra, thu được những khoản lợi nhuận lớn như vậy? Thực tế các ngân hàng có hoạt động hiệu quả hay không? Liệu chỉ dựa vào số liệu từ lợi nhuận “khủng” trên có đủ để phản ánh đúng hiệu quả hoạt động của ngành ngân hàng Việt Nam hay

Một trong những chỉ số quan trọng nhất phản ánh hiệu quả sản xuất kinh doanh và tỷ suất sinh lời của bất kỳ doanh nghiệp và ngành nghề nào là ROE (lợi nhuận so với vốn chủ sở hữu). Mặc dù con số thống kê trên chỉ cho thấy tính tương đối (chỉ tính toán với các ngân hàng đang niêm yết) nhưng ta có thể dễ dàng nhận thấy ROE của ngành ngân hàng cũng đứng ở mức trung bình. Cũng theo thống kê của NHNN thì ROA và ROE của toàn hệ thống năm 2011 lần lượt là 1.09% và 11.86%.

Nếu nhìn rộng ra, thì tỷ lệ ROE của các ngân hàng khu vực Đông Nam Á hiện từ 14-15% và của thế giới là 17%.

Như vậy, so với các ngành nghề khác và hệ thống ngân hàng ở khu vực cũng như thế giới thì lợi nhuận của hệ thống ngân hàng Việt Nam chỉ đứng ở mức trung bình.

Từ phân tích những chỉ số tài chính trên cho chúng ta thấy rằng chỉ dựa vào số liệu từ lợi nhuận giữ lại không thể hiện được đúng hiệu quả hoạt động của các ngân hàng.

2.2. Tương quan giữa các doanh nghiệp hàng đầu

Ở trên chúng ta chỉ mới thấy được mức trung bình của các ngân hàng, để thấy rõ hơn lợi nhuận của ngân hàng đã thực sự khủng hay chưa thì ta có thể so sánh lợi nhuận của ngân hàng hàng đầu với các

doanh nghiệp khác có cùng quy mô vốn tương đương.

Như vậy, so với các doanh nghiệp hàng đầu của các ngành nghề khác thì mức sinh lời của các ngân hàng dẫn đầu cũng chỉ nằm ở mức trung bình.

Bảng 3. ROE và EPS của các doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam.

Doanh nghiệp	ROE	EPS (VND)
Ngân hàng Vietcombank (VCB)	20.3%	2,264
Ngân hàng Vietinbank	34.4%	3,704
Ngân hàng thương mại Á Châu	37%	3,421
Công ty CP Đạm Phú Mỹ	43.1%	8,220
Công ty CP Sữa Việt Nam (Vinamilk)	41.3%	7,589
Tập đoàn Vingroup	12.3%	2,100
Tập đoàn Masan	14.9%	3,829
Tập đoàn Hoà Phát	24%	4,245
Công ty cổ phần Hùng Vương	21.4%	6,453
Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng	25%	4,620

Nguồn: cafee.vn

3. Sự phân hóa sâu giữa các nhóm trong hệ thống Ngân hàng

Bảng 4. Chỉ số ROE và NIM của các ngân hàng đại diện các nhóm trong hệ thống ngân hàng.

Ngân hàng	ABB	ACB	AGR	BIDV	CTG	HBB
ROE	6.9%	27.5%	11.6%	13.2%	26.7%	5.9%
NIM	4%	3.1%		3.4%	4.7%	2.4%

Ngân hàng	VCB	VIB	TCB	HDB	MBB	SHB
ROE	17%	8.7%	28.1%	14.4%	23%	15%
NIM	3.7%	4.1%	3.8%	3.9%	4.3%	3%

(Số liệu được tổng hợp từ các công ty niêm yết trên trang web www.cophieu68.com)

Lợi nhuận “khủng” của những ngân hàng trong những năm vừa qua mà dư luận chủ ý đưa ra xuất phát từ nhóm các ngân hàng quốc doanh (VCB, BIDV, CTG) và một số ngân hàng có kinh nghiệm lâu đời và quản trị tốt (ACB, STB, TCB). Tuy nhiên, với những gần 30 ngân hàng còn lại thì có sự chênh lệch khá lớn so với 2 nhóm trên.

Với những ngân hàng quốc doanh thì lợi nhuận được tạo ra bởi rất nhiều yếu tố thuận lợi mà trong đó có sự trợ giúp của cả chính sách:

Thứ nhất, nhóm NH thương mại quốc doanh với tỷ lệ huy động vốn chiếm 43.8% huy động vốn và chiếm 51.3% tín dụng toàn hệ thống thì lợi nhuận của nhóm ngân hàng quốc doanh cao là điều đương nhiên.

Thứ hai, các ngân hàng quốc doanh được NHNN tái cấp vốn với 1 lãi suất ưu đãi, từ đây tạo cho họ lợi thế có được nguồn vốn giá rẻ trong khi các ngân hàng khác nếu muốn được tái cấp vốn thì phải chịu sự giám sát của NHNN. Điều này làm cho chênh lệch lãi suất cho vay và huy động của các ngân hàng quốc doanh này rất lớn và lợi nhuận cao của họ cũng từ đây mà ra. Trong khi các ngân hàng trung bình và nhỏ thì chi phí huy động vốn cao hơn. Đây có lẽ là sự “nuông chiều” của NHNN hay không?

Thứ ba, với bề dày lịch sử phát triển thì các ngân hàng này có một mạng lưới rộng khắp, được hỗ trợ hệ thống hiện đại nên các dịch vụ thanh toán chiếm ưu thế hơn so với các ngân hàng còn lại.

Thứ tư, được sự bảo lãnh của nhà nước các ngân hàng quốc doanh có thể dễ dàng phát hành trái phiếu huy động cả trong và ngoài nước. Nhờ đó, tiếp cận được nguồn vốn giá rẻ và ổn định (huy động vốn trực tiếp).

Tất cả những lý do trên cho thấy việc các nhóm ngân hàng quốc doanh có lợi nhuận như vậy là điều hợp lý và cũng không quá nổi bật so với những lợi thế mà họ có được.

Đối với nhóm ngân hàng thứ 2, cạnh tranh nhờ hệ thống hiện đại, chất lượng dịch vụ và có cổ đông chiến lược là các tập đoàn tài chính lớn trên thế giới. Chẳng hạn như Standard Chartered là cổ đông chiến lược của ngân hàng ACB, HSBC là cổ đông chiến lược của Techcombank, ngân hàng ANZ từng là cổ đông chiến lược của Sacombank... Đồng thời các ngân hàng này liên tục nhận được các giải thưởng về chất lượng phục vụ khách hàng.

Với nhóm ngân hàng còn lại thì sự biến động lợi nhuận qua các năm rất khác nhau, tăng giảm cùng với biến động của nền kinh tế cũng như tốc độ tăng trưởng tín dụng qua các năm. Nhóm ngân hàng chủ yếu lợi nhuận đến từ hoạt động tín dụng.

4. Bài toán rủi ro

Một trong những yếu tố làm cho ngành ngân hàng chưa nhận được sự đánh giá cao của nhà đầu tư chính là rủi ro. Có thể kể ra một số rủi ro mà các ngân hàng gặp phải:

4.1. Chính sách tiền tệ

Có lẽ ngân hàng chính là nơi chịu tác động trực tiếp và mạnh mẽ nhất từ biến động của chính sách tiền tệ. Tuy nhiên, nhìn lại biến động chính sách từ năm 2008 đến nay có thể thấy quá thất thường: lúc quá nóng và lúc quá lạnh. Sự thay đổi quá nhanh mà không có một sự định hướng nhất quán vô tình buộc NHNN phải sử dụng các mệnh lệnh hành chính làm méo mó thị trường. Năm 2011 chúng kiến tốc độ tăng trưởng tín dụng thấp kỷ lục toàn hệ thống tăng trưởng 12%, với tâm lý thận trọng chúng ta cũng chia nhóm các ngân hàng để cấp hạn mức tăng trưởng. Nhưng chỉ cần sau 6 tháng lạm phát được

kim chế, nền kinh tế chững lại thì chính sách tiền tệ nhanh chóng mở rộng trở lại. Các ngân hàng lại được khuyến khích tăng trưởng. Hạn mức tăng trưởng đầu năm dường như không còn ý nghĩa nữa khi mà NHNN vừa chấp thuận cho 2 ngân hàng Liên Việt Post Bank và ngân hàng CP Đại Dương (Ocean Bank) nâng hạn mức tăng trưởng lên 27% trong năm 2012.

Chính sách tiền tệ nhằm mục đích ổn định giá trị đồng tiền. Tức là chính sách sẽ điều chỉnh tỷ lệ lạm phát mục tiêu. Tuy nhiên dường như chúng ta đang làm ngược lại, chúng ta đang chạy theo lạm phát. Sau khi lạm phát bùng nổ thì ngay sau đó chúng ta lại áp dụng một cách thái quá chính sách tiền tệ, để rồi khi lạm phát ổn định thì lại rơi lổng một cách dễ dãi trong khi chính sách tài khóa chưa khi nào được thực hiện 1 cách nghiêm túc.

4.2. Minh bạch thông tin

Diễn biến trong năm 2012 cho chúng ta thấy thông tin trong các ngân hàng hiện nay quá bất ổn. Ngay cả NHNN cũng cho thấy sự thiếu minh bạch của cơ quan quản lý với hàng loạt con số nợ xấu khác nhau ở các thời điểm cách nhau không xa. Điển hình như cuối năm 2011, theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước, nợ xấu của toàn hệ thống ngân hàng là 3.39%. Báo cáo của các tổ chức tín dụng cho biết đến 31/5/2012 nợ xấu là 4.47%. Tiếp theo tại diễn đàn Quốc hội, thống đốc Nguyễn Văn Bình đưa ra tỷ lệ 10%. Trong cuộc họp sơ kết sáu tháng đầu năm 2012 thanh tra của Ngân hàng Nhà nước lại cho biết tỷ lệ nợ xấu tính đến ngày 31/3/2012 lại là 8.6%.

Nhà đầu tư có thể coi đây chính là rủi ro lớn nhất vì thông tin đầu vào đã sai thì mọi nhận định và phân tích đều vô nghĩa.

Hẳn nhà đầu tư chưa thể quên được “bài toán” HBB (Ngân hàng Habubank), gần như toàn bộ thông tin cung cấp cho nhà đầu tư hoàn toàn sai. Là một doanh nghiệp niêm yết trên sàn, báo cáo tài chính có kiểm toán nhưng vụ sáp nhập vừa qua cho thấy quá nhiều lỗ hổng trong công tác quản lý hay làm lơ của NHNN khi mà tại thời điểm cuối năm 2011 vốn chủ sở hữu của HBB là 4,390.5 tỷ đồng, nợ xấu là 3,741 tỷ thì chỉ ít lâu sau đó báo cáo đánh giá đặc biệt của NHNN thì vốn chủ sở hữu của HBB chỉ còn 195.3 tỷ đồng. Nguyên nhân được giải thích từ khoản trích lập rủi ro 2,236.3 tỷ từ các khoản cho vay và đầu tư trái phiếu của Vinashin.

Qua vụ HBB cho thấy việc trích lập dự phòng đã và đang có sự khuất tất nhất

định đặc biệt là các khoản vay của các tổng công ty tập đoàn nhà nước. Như vậy, lợi nhuận “khủng” của các ngân hàng quốc doanh thực chất như thế nào và có thể xảy ra tương tự như HBB không thì không ai có thể dám chắc.

4.3. Bóng ma nợ xấu

Câu trả lời đang rất được chờ đợi hiện tại chính là con số nợ xấu của các ngân hàng chính xác hiện nay là bao nhiêu? Con số cao hay thấp bây giờ không còn quan trọng nữa rồi, chúng ta cần hơn con số chính xác. Chỉ có thể bắt được đúng bệnh thì mới có phương pháp điều trị dứt điểm được.

Trong khi đó, nợ xấu của khối ngân hàng quốc doanh rất đáng lo ngại. Nó đi cùng với sự đầu tư dàn trải và kém hiệu quả của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước. Theo báo cáo tài chính quý II công ty mẹ của 8 ngân hàng đang niêm yết, tổng nợ xấu các đơn vị này đang gánh lên tới 20,726 tỷ đồng. Trong đó, nợ nhóm 5 - có khả năng mất vốn - chiếm tới 40%. Trong đó Vietinbank và Vietcombank chiếm 70% nợ xấu của 8 ngân hàng này. Đồng thời, Vietinbank và Sacombank là 2 ngân hàng có tốc độ nợ xấu tăng nhanh nhất so với đầu năm 2012. Nợ xấu Vietinbank tăng gấp 3 lần từ 2,000 tỷ lên gần 7,000 tỷ đồng. Còn Sacombank, nợ xấu tăng lên 2 lần. Như vậy nợ xấu đang trở thành một trong những rủi ro ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng, Ngân hàng nhà nước cần quan tâm và có biện pháp để kiểm soát nợ xấu của các ngân hàng hiện nay.

4.4. Sự bất ổn hệ thống

Với một hệ thống ngân hàng “KHÔNG PHẢI SẢN” thì cuộc huy động lãi suất có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Đây cũng một phần tạo tâm lý y lự của các ông chủ ngân hàng.

Sở hữu chông chéo các ngân hàng hiện nay cũng gây bất ổn cho hệ thống. Đây cũng là một trở ngại trong quá trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng. Để xử lý vấn đề này chắc có lẽ NHNN cần phải phối hợp với Chính phủ để có những bước đi phù hợp hơn nữa.

5. Giao dịch của các cổ phiếu Ngân hàng hiện nay



Từ những đánh giá rủi ro như trên thì giá của các cổ phiếu ngân hàng đang niêm yết đang giao dịch tại mức trung bình của thị trường. Hai cổ phiếu đang giao dịch tại mức giá tốt nhất là Ngân hàng Á châu (ACB) và Ngân hàng ngoại thương Việt Nam (VCB). Điều này là hoàn toàn hợp lý vì đây là 2 ngân hàng được đánh giá cao về hệ thống quản trị, thương hiệu cũng như việc trích lập dự phòng. Tiếp theo là các cổ phiếu ngân hàng Công thương (CTG), ngân

hàng Sài Gòn thương tín (STB), ngân hàng xuất nhập khẩu Việt Nam (EIB).

Tuy nhiên vẫn còn những cổ phiếu nằm quanh mệnh giá là Ngân hàng Habubank (HBB), ngân hàng thương mại Sài Gòn - Hà nội (SHB) và ngân hàng Quân đội (MBB) vì chính những yếu tố nội tại của các ngân hàng này.

6. Kết luận

Như vậy, bài toán lợi nhuận lợi nhuận khổng lồ của các ngân hàng đã có 2 lời giải như sau:

Một là nhiều người chỉ đánh giá hiệu quả hoạt động của ngành ngân hàng thông qua số liệu cụ thể từ lợi nhuận sau

thuế mà quên rằng hiệu quả hoạt động còn được đánh giá qua nhiều chỉ số tài chính khác và các rủi ro mà ngân hàng đang phải đối mặt. Hai là lợi nhuận của ngành ngân hàng thực tế chỉ đến từ một số ít ngân hàng đặc biệt là các ngân hàng quốc doanh với những đặc lợi hết sức lớn. Như vậy từ những rủi ro đang phải đối mặt như đã phân tích ở trên thì ngân hàng hiện nay chưa được xem là những cơ hội đầu tư tốt nhất.



TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- [1]. Cafef <http://s.cafef.vn/du-lieu.chn>.
- [2]. Đinh Thế Hiển (2012), Cấu trúc vốn của doanh nghiệp đang trong tình trạng báo động, <http://www.misa.com.vn/tin-tuc/tabid/91/newsid/8216/Cau-truc-von-cua-doanh-nghiep-dang-trong-tinh-trang-bao-dong-.asp>.
- [3]. Eugene F.Brigham-Joel F.Houston (2009), “Essentials of Financial Management”, Cengage Learning Asia Pte Ltd, ISBN-13: 981-4272-22-3.
- [4]. Vietcombank Securities, <http://www.vCBS.com.vn/>.



BÀN TRÒN SỰ KIỆN

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT 2 SÀN CHỨNG KHOÁN

NGUYỄN ĐÌNH NGHĨA - K09404B

PHẠM CHÍ NHÂN - K09404A

PHẠM MINH NHẬT - K10403

SÀN HOSE: VỀ VÙNG DAO ĐỘNG MỚI

Trong kỳ xuất hiện nhiều thông tin tích cực đến thị trường chứng khoán như kỳ vọng về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh nhiều ngành tăng đột biến như ngành mía đường, sản xuất bánh kẹo và sản xuất vật liệu xây dựng cơ bản cũng như các tin đồn về mua bán sáp nhập cách doanh nghiệp lớn. Bên cạnh đó, ngày 4/9 UBCK chính thức triển khai rút ngắn thời gian thanh toán T+3 với chu kỳ thanh toán vào lúc 9h sáng ngày T+3, tức là nhà đầu tư được bán sớm hơn 1 ngày so với trước. Nhưng đặc biệt hơn cả là tin về việc bắt giữ ông Nguyễn Đức Kiên tác động xấu trực tiếp đến sức mua thị trường. Cụ thể, hết quý 3, VN-Index giảm 29.8 điểm tương đương 7.05% về mức 392.57 điểm, tâm lý thị trường dao động nhiều, sau 3 lần chạm kháng cự vùng 400 điểm nhưng không phá ngưỡng thành công, ngày 21/8 khi chỉ báo Stochastic(15,3,3) cho phân kỳ giảm giá, VNI-Index đã quay đầu giảm mạnh, liên tục trong 3 phiên VN-Index đã break down các ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn để trở lại vùng Fibo 61.8, tức là khoảng 380-383 điểm. Thanh khoản trong quý trung bình ở mức 40 triệu đơn vị/ngày và đang có xu hướng giảm dao động. Cuối cùng VNI-Index đã lập đáy tại vùng 380 điểm trong ngắn hạn, xuất hiện phân kỳ tăng giá RSI(15),

bật về vùng 404 điểm và dao động trong kênh xu thế đến hết tháng 10.

Trên quan điểm phân tích, trong phần còn lại của năm VNI-Index sẽ tiếp tục dao động trong kênh xu hướng hiện tại. Một khả năng lớn là khi VNI-Index đã chạm

kháng cự vùng 400 điểm lần thứ 3 mà không xuất hiện thêm lực cầu mới và đặc biệt là đang xuất hiện tín hiệu phân kỳ giảm giá Stochastic(15,3,3) thì VNI-Index sẽ quay đầu break-down cả vùng 380-385 điểm. Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư ngắn hạn nên cẩn thận khi giải ngân



trong giai đoạn này và chỉ nên quay trở lại trạng thái mua khi VNI-Index vượt thành công kháng cự vùng 400-404 điểm cùng khối lượng giao dịch đột biến, nhà đầu tư dài hạn nên chờ đến thời điểm tốt hơn để bắt đầu giải ngân.

SÀN HNX: TRONG KÊNH XU HƯỚNG GIẢM

Ở sàn HNX, việc HNX30 chính thức vận hành vào đầu tháng 7 với cách tính tương tự VN30 nhưng vẫn còn một số vấn đề, chính vì vậy HNX30 không tạo ra nhiều hiệu ứng tích cực như VN30. Cụ thể, diễn biến HNX tương tự sàn HOSE nhưng với biên độ dao động mạnh hơn, HNX-Index mất đến 21.95% giá trị, đóng cửa ở mức 55.47 điểm khi kết thúc quý 3, đây là mức điểm thấp nhất từ đầu năm, nhưng đà giảm chưa có dấu hiệu dừng lại. Thanh khoản biến động nhiều, trung bình 37 triệu đơn vị/ngày, đột biến trên 72 triệu đơn vị (24/08). Trên các tín hiệu kỹ thuật, mẫu hình 2 đáy kéo dài từ tháng 6 đã kết thúc và

lập đỉnh 73.64 điểm vào ngày 20/7. Sau đó biên độ dải Bollinger Bands ngày càng hẹp rồi bất ngờ mở rộng, HNX-Index giảm mạnh mất tiếp hơn 14%, mẫu hình Three Black Rows xuất hiện, xu hướng giảm quay trở lại khi đã liên tục break-down Fibo 38.2, Fibo 61.8 để về vùng xu hướng giảm giá mới, tâm lý bi quan bao trùm thị trường. Các chỉ báo kỹ thuật khác cũng phát tín hiệu hỗ trợ cho xu hướng này, MACD(12,26,9) đang tiến gần về đường tín hiệu và chỉ báo RSI(15) dao động xung quanh vùng quá bán.

Sau khi đã break-down luôn cả hỗ trợ của đáy lập vào 9/01/2012, nhiều khả năng HNX-Index sẽ tiến về vùng hỗ trợ tiếp theo 50 điểm hoặc tiếp tục dao động trong kênh xu hướng giảm. Hiện tại dải Bollinger Bands đang thu hẹp cực đại, phân kỳ giảm giá Stochastic(15,3,3) đang xuất hiện, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư nên dùng các trạng thái mua, chờ thêm các tín hiệu tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- [1]. Hà Anh – Lê Chi (2012), Ông Nguyễn Đức Kiên bị bắt, <http://vnexpress.net/gl/phap-luat/2012/08/ong-nguyen-duc-kien-bi-bat/>
- [2]. Nhóm phóng viên (2012), Giá xăng tăng 650 đồng một lít, <http://vnexpress.net/gl/kinh-doanh/2012/08/gia-xang-tang-650-dong-mot-lit/>
- [3]. Trần Minh (2012), Tăng 0,63%, CPI tháng 8 lên cao nhất trong 6 tháng, <http://vneconomy.vn/20120824091515269P0C9920/tang-063-cpi-thang-8-len-cao-nhat-trong-6-thang.htm>
- [4]. Xuân Quỳnh/VOV online (2012), SJC sẽ gia công vàng miếng cho NHNN, <http://vov.vn/Kinh-te/SJC-se-gia-cong-vang-mieng-cho-NHNN/222278.vov>





TÁI CẤU TRÚC CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

"QUÂN BÀI" CHIẾN LƯỢC CHO NỀN KINH TẾ

CHÂU NHỰT TRƯỜNG
K09404B

Tái cấu trúc công ty chứng khoán (CTCK) là một phần trọng tâm trong việc tái cấu trúc nền kinh tế. Chỉ trong vài tháng gần đây, tái cấu trúc CTCK được nêu lên như là nhu cầu tất yếu để chấn chỉnh hoạt động của khối doanh nghiệp này. Hiện nay, hoạt động của các CTCK đạt hiệu quả kém, chỉ tiêu an toàn tài chính thấp, do đó, nếu không thực hiện tái cấu trúc triệt để thì các CTCK sẽ không thể trụ vững. Mặc dù đã có Đề án tái cấu trúc các CTCK, tuy nhiên, quá trình tái cấu trúc các CTCK cần phải được thực hiện theo lộ trình, có bước đi thận trọng, chắc chắn nhằm không làm xáo trộn hoạt động của thị trường chứng khoán (TTCK) cũng như các hoạt động kinh tế, xã hội của đất nước, bảo đảm lợi ích hợp pháp của khách hàng; có sự quản lý, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước.

Việc tái cấu trúc khối CTCK được đề cập khá nhiều trong thời gian gần đây. Ngay khi hơn một trăm CTCK ra đời, đã có nhiều ý kiến cho rằng con số trên là quá thừa đối với một thị trường nhỏ như Việt Nam. Khi nền kinh tế ổn định, các công ty làm việc hiệu quả thì áp lực tái cấu trúc chưa lớn. Tuy nhiên, trong bối cảnh thị trường suy giảm mạnh như hiện nay, hơn 50% CTCK thua lỗ đã đặt ra yêu cầu cần phải thực hiện tái cấu trúc công ty. Ngày 10/01/2012, Bộ trưởng Bộ Tài chính ký Quyết định số 62/QĐ-BTC phê duyệt Đề án tái cấu trúc các CTCK nhằm mục đích nâng cao chất lượng hoạt động, năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp và khả năng kiểm soát rủi ro của các CTCK.

1. NHỮNG NGỊCH LÝ TỒN TẠI TRÊN THỊ TRƯỜNG, CẦN PHẢI TÁI CẤU TRÚC CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Thực trạng hoạt động của khối CTCK hiện nay đang tồn tại quá nhiều điểm yếu kém và bất hợp lý, trực tiếp làm giảm hiệu quả hoạt động của khối này, cũng như hiệu quả đầu tư của toàn thị trường.

Số lượng các CTCK không cân xứng với quy mô của thị trường

105 CTCK hiện nay được xem là quá nhiều so với quy mô, nhu cầu của TTCK Việt Nam. Điều này có thể nhận thấy rõ ràng nếu so sánh với một số TTCK khác trong khu vực. Ta thử làm một số phép tính đơn giản, nếu so sánh về tổng số tài khoản cá nhân trên TTCK, Theo Bộ Tài chính, tính đến hết tháng 6/2011, tổng

số tài khoản giao dịch chứng khoán đạt 1,103,184 tài khoản, chiếm khoản 1.25% dân số Việt Nam, trong khi Trung Quốc hiện có khoảng trên 100 triệu tài khoản, tương đương với khoảng 8% dân số, nhưng số lượng CTCK của Trung Quốc là hơn 100 cũng tương đương với số CTCK ở Việt Nam. Nếu so sánh với một nước khác trong khu vực Đông Nam Á là Thái Lan thì TTCK Việt Nam hoạt động kém hiệu quả hơn tuy nhiên số lượng CTCK Việt Nam lại chiếm số lượng rất lớn.

phát triển thì dễ nhưng để giảm số lượng CTCK trong giai đoạn kinh tế khó khăn thì không dễ dàng chút nào. Công ty nào cũng muốn tồn tại để cố gắng vượt qua giai đoạn khó khăn và phát triển trở lại. Tuy nhiên thực tế hiện nay một số CTCK không đảm bảo hiệu quả hoạt động, gây rủi ro tiềm ẩn. Năng lực về nghiệp vụ, nhân sự và tài chính của các công ty chứng khoán còn hạn chế, đặc biệt là năng lực về tài chính... Số lượng lớn CTCK Việt Nam đang hoạt động nhỏ lẻ cho thấy sự phát triển thiếu chuyên nghiệp và chưa có định hướng dài

Bảng 1. So sánh TTCK Việt Nam và TTCK Thái Lan

	Việt Nam	Thái Lan
Quy mô thị trường	40 tỷ USD	100 tỷ USD
Giá trị giao dịch bình quân/phiên	90 triệu USD	400 triệu USD
Số lượng CTCK	105	40

Số liệu được tổng hợp từ thống kê chứng khoán 6 tháng đầu năm 2012

Còn nếu so sánh với một số nước khác trong khu vực có TTCK phát triển hơn như Singapore cũng chỉ có khoảng 26 CTCK hay Malaysia có khoảng 33 CTCK... Như vậy con số 105 CTCK hiện nay cho thấy số lượng CTCK Việt Nam là quá nhiều so với quy mô TTCK Việt Nam hiện nay.

Nguyên nhân chủ yếu là do số lượng CTCK gia tăng nhanh trong giai đoạn TTCK tăng trưởng mạnh giai đoạn 2006 - 2007 (105 công ty). Tuy nhiên, khi thời kỳ thị trường tăng trưởng mạnh đi qua, khủng hoảng kinh tế 2008 và những khó khăn từ 2008 đến nay, các CTCK phải đối mặt với những khó khăn, chật vật để tồn tại, những yếu kém hiện đang bộc lộ rõ hơn. Để gia tăng số lượng CTCK trong giai đoạn

hạn. Vì vậy 105 CTCK hiện tại không còn phù hợp với quy mô của TTCK Việt Nam.

Có sự chênh lệch lớn về thị phần của các công ty trong ngành

Theo báo cáo tài chính của các doanh nghiệp đã công bố thì hiện nay có 105 công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam, tuy nhiên có sự chênh lệch rất lớn về thị phần của các công ty so với nhau.

Theo số liệu công bố tại sàn HSX, trong quý I/2012, top 10 công ty có thị phần lớn nhất chiếm 61.55% (hơn một nửa thị phần HSX), số còn lại chỉ chiếm 38.45%. Đồng thời có một điều đáng nói

là tổng mức thị phần của 3 vị trí dẫn đầu (33.1%) nhiều hơn 7 vị trí còn lại (28.45%) và khoảng cách giữa các công ty thuộc top 3 cũng cách xa với các công ty còn lại.

Theo công bố của HNX trong quý I/2012 này, top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ lớn nhất trong quý I/2012 chiếm 50.9% (chiếm hơn một nửa thị phần HNX), số lượng công ty còn lại chỉ chiếm chưa đến một nửa thị phần (49.1%).

Rõ ràng sự chênh lệch quá lớn của thị phần các CTCK top đầu so với nhau và so với các CTCK top dưới, điều này cho thấy đây là một nghịch lý của thị trường chứng khoán của Việt Nam hiện nay. Nguyên nhân chủ yếu của sự phân hóa này là do TTCK tồn tại quá nhiều CTCK hoạt động không hiệu quả và không thu hút được các nhà đầu tư trên TTCK, đồng thời một phần là do tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường thường chọn giao dịch và mở tài khoản tại những CTCK lớn, hoạt động hiệu quả. Điều này cho thấy sự bất hợp lý của TTCK Việt Nam hiện nay vì vậy tái cấu trúc CTCK là một trong những biện pháp chiến lược cần thiết cho TTCK cũng như nền kinh tế Việt

Bảng 2. Top 10 công ty có thị phần lớn nhất trên HSX quý I/2012

STT	Tên CTCK	Mã	Thị phần
1	Chứng khoán Sài Gòn	SSI	11.74%
2	Chứng khoán Tp.HCM	HSC	11.00%
3	Chứng khoán ACB	ACBS	10.36%
4	Chứng khoán Kim Eng Việt Nam	KEVS	5.11%
5	Chứng khoán Bản Việt	VCS	4.46%
6	Chứng khoán Rồng Việt	VDSC	4.24%
7	Chứng khoán Thăng Long	TLS	4.16%
8	Chứng khoán Sacombank	SBS	3.84%
9	Chứng khoán Vietcombank	VCBS	3.51%
10	Chứng khoán VNDirect	VNDS	3.13%
Tổng			61.55%

Số liệu được tổng hợp từ thị phần môi giới HSX quý I/2012

Bảng 3. Top 10 công ty có thị phần lớn nhất trên HNX quý I/2012

STT	Tên CTCK	Mã	Thị phần
1	Chứng khoán Tp.HCM	HSC	7.82%
2	Chứng khoán VNDirect	VNDS	5.76%
3	Chứng khoán Vietcombank	VCBS	5.66%
4	Chứng khoán VPBank	VPBS	5.63%
5	Chứng khoán Kim Eng Việt Nam	KEVS	4.98%
6	Chứng khoán ACB	ACBS	4.87%
7	Chứng khoán Thăng Long	TLS	4.35%
8	Chứng khoán Sài Gòn	SSI	4.25%
9	Chứng khoán Gondel Bridge VN	GBVS	3.80%
10	Chứng khoán FPT	FPTS	3.77%
Tổng			50.89%

Số liệu được tổng hợp từ thị phần môi giới HNX quý I/2012

Nam hiện nay.

Kết quả hoạt động thua lỗ kéo dài

Kết thúc năm 2010 có 24 công ty chứng khoán đã báo lỗ với tổng mức lỗ 574 tỷ đồng, 10 công ty lỗ 3 năm liên tiếp từ 2008 - 2010.

Năm 2011, thị trường chứng khoán khó khăn đã ảnh hưởng mạnh tới hoạt động của các công ty chứng khoán. Theo công bố của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), tính đến hết năm 2011, cả nước có 65/105 CTCK báo lỗ, 71/105 CTCK có lỗ lũy kế. Theo báo cáo tài chính đã công bố của 82 công ty, 46 công ty báo lỗ với tổng lỗ là 3,246 tỷ đồng, 36 công ty báo lãi với tổng lãi là 1,581 tỷ đồng. Một nửa số công ty chứng khoán có lỗ lũy kế với tổng lỗ lũy kế hơn 4,200 tỷ đồng, trong đó, 2 công ty lỗ 5 năm liên tiếp là Chứng khoán VIT, và Chứng khoán Horizon, 3 công ty lỗ 4 năm liên tiếp là Chứng khoán Vina, Chứng khoán KIS Việt Nam và Chứng khoán Navibank.

Nguyên nhân chủ yếu cho kết quả thua lỗ kéo dài trong thời gian qua chính

là sự ảnh hưởng kéo dài của cuộc khủng hoảng kinh tế 2008, lãi suất huy động cao kéo dài trong những năm qua làm cho khả năng tiếp cận vốn của hầu hết các doanh nghiệp gặp khó khăn, chi phí hoạt động cũng tăng cao, tình trạng lạm phát cao kéo dài trong những năm qua đã ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế đang chứ không chỉ riêng TTCK.

Tóm lại, những khó khăn trong khối các CTCK kể trên đều xuất phát từ những yếu kém của nền kinh tế và bản thân các công ty. Nhưng trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu, rộng thì những vấn đề này sẽ vẫn thường trực và càng thêm bất ổn cho nền kinh tế Việt Nam. Mặt khác, với những nghịch lý đang tồn tại trên thị trường và những yếu kém của các CTCK sẽ rất dễ dàng phát sinh những rủi ro về vi phạm đạo đức nghề nghiệp làm cho thị trường thêm rủi ro, thiệt hại đối với nhà đầu tư là hiện hữu, niềm tin thị trường sẽ suy giảm nên việc cơ quan quản lý nhà nước thực hiện tái cấu trúc các CTCK yếu kém là một bước đi đúng đắn và có cơ sở khoa học.

2. ĐỀ ÁN TÁI CẤU TRÚC CTCK VÀ BIỆN PHÁP CẦN THIẾT CHO QUÁ TRÌNH TÁI CẤU TRÚC ĐIỂN RA THÀNH CÔNG

Đề án tái cấu trúc CTCK đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính ký Quyết định số 62/QĐ-BTC phê duyệt ngày 10/01/2012 được nêu ở trên sẽ được thực hiện trong 2 giai đoạn (từ năm 2012-2013 và 2013-2015). Trong đó, giai đoạn 1 triển khai qua 2 bước. Từ ngày 10/01 đến ngày 01/4/2012, rà soát về chỉ tiêu an toàn tài chính và đưa ra biện pháp xử lý với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính... Từ ngày 01/4/2012, phân loại các công ty thành 3 nhóm dựa trên các tiêu chí như: vốn khả dụng/tổng nợ, mức lỗ vốn/vốn điều lệ để có giải pháp ứng xử với từng nhóm, trên cơ sở chỉ đạo các ngành chức năng kiểm tra "sức khỏe" tài chính của các CTCK nhằm cân nhắc cho tồn tại hay thu hẹp, bởi với số lượng 105 CTCK đang hoạt



Bảng 4. Các CTCK lớn 3 năm liên tiếp từ 2008-2010

CTCK	LNTT				Lỗ lũy kế đến 2010	Vốn chủ sở hữu	Vốn điều lệ	Tỷ lệ Vốn CSH/VĐL
	2007	2008	2009	2010				
Tầm Nhìn	-5.8	-8.0	-9.6	-12.7	-36.2	8.8	45.0	19.6%
Hà Nội		-23.5			-34.4	15.7	50.0	31.4%
KIS	0.1	-35.5	-7.8	-57.6	-100.8	162.9	263.6	61.8%
Miền Nam		-3.0	-8.5	-10.4	-21.9	18.1	40.0	45.2%
Nam An		-57.9	-0.5	-6.1	-64.6	75.4	140.0	53.9%
Navis	-1.6	-3.8	-2.2	-8.4	-16.1	29.9	46.0	65.0%
Navibank		-8.3	-5.0	-7.9	-21.2	14.0	35.1	39.7%
Thành Công		-33.7	-32.2	-9.7	-75.7	284.3	360.0	79.0%
Vina	2.0	-58.9	-33.7	-35.4	-126.4	58.8	185.0	31.8%

Nguồn: BCTC các doanh nghiệp

động là quá nhiều. Khi có kết quả xử lý các công ty không bảo đảm an toàn tài chính, giai đoạn 2 sẽ tập trung tái cơ cấu toàn bộ CTCK theo các tiêu chí nâng cao năng lực quản trị và khả năng nhận diện, xử lý rủi ro... để quý II/2012 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án...

Đến nay, công cuộc tái cấu trúc CTCK đang diễn ra mạnh mẽ, về cơ bản, UBCKNN đã hoàn thành công tác rà soát, đánh giá và phân loại các CTCK thành ba nhóm, trong đó nhóm một (nhóm bình thường) gồm các CTCK có tỷ lệ vốn khả dụng/tổng rủi ro hơn 150%, có lãi hoặc lỗ lũy kế dưới 30% vốn điều lệ; nhóm hai (nhóm kiểm soát) bao gồm các CTCK có tỷ lệ vốn khả dụng/tổng rủi ro dưới 150% tới hơn 120% và có lỗ lũy kế từ 30% đến 50% vốn điều lệ; nhóm ba (nhóm kiểm soát đặc biệt) gồm các CTCK có tỷ lệ vốn khả dụng/tổng rủi ro dưới 120% và có lỗ lũy kế từ hơn 50% vốn điều lệ. Quá trình tái cấu trúc CTCK bước đầu đang diễn ra theo lộ trình phù hợp, tuy nhiên để quá trình tái cấu trúc thành công còn trải qua thời gian khá dài vì vậy UBCKNN cần kết hợp với các CTCK để có những phương hướng và biện pháp mạnh mẽ cho quá trình tái cấu trúc diễn ra thành công.

Thứ nhất, sau khi phân loại các CTCK, đối với nhóm 1 trong thời gian tới UBCKNN cần tiếp tục rà soát và giám sát chặt chẽ tình hình tài chính, trong đó có vấn đề biến động vốn chủ sở hữu, khả năng thanh khoản và chỉ tiêu lợi nhuận, các CTCK nhóm này cần tiếp tục củng cố hoạt động nhằm bảo toàn vốn, hạn chế rủi ro, giảm các khoản đầu tư, tự doanh, hạn chế việc mở chi nhánh, địa điểm kinh doanh không cần thiết, giảm nghiệp vụ có tính rủi ro cao, cơ cấu lại danh mục đầu tư...

Đối với nhóm hai và nhóm ba, cơ quan

quản lý nhà nước sẽ lập kế hoạch làm việc với Hội đồng quản trị để tìm hiểu, phối hợp lập phương án khắc phục, UBCKNN cần ban hành những quy định quyết định hành chính đối với những CTCK hoạt động không hiệu quả mà không khắc phục được vào tình trạng kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, đồng thời thực hiện kiểm tra tại chỗ tình hình tài chính của các công ty này. Đối với các CTCK không khắc phục được tình trạng kiểm soát, kiểm soát đặc biệt trong thời hạn quy định, những công ty này có thể sẽ phải hướng theo mua bán, sáp nhập, thậm chí đình chỉ hoạt động và thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.

Đối với các công ty không được xếp vào diện có rủi ro an toàn tài chính cao, phải tái cấu trúc quản trị nội bộ, quản trị rủi ro một cách minh bạch nhất.

Thứ hai, các CTCK cần thực hiện tái cấu trúc nguồn nhân lực và quản trị rủi ro và minh bạch hóa thông tin. Cần tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, đào tạo đội ngũ nhân viên có trình độ và đạo đức nghề nghiệp. Xây dựng chiến lược quản lý rủi ro, trong đó phải xác định rõ mức độ chấp nhận rủi ro và khả năng chấp nhận rủi ro. Cần đưa ra các biện pháp cảnh báo rủi ro, giảm thiểu rủi ro và xử lý rủi ro một cách hiệu quả nhất. Mặt khác, cần minh bạch thông tin về tái cấu trúc khối CTCK một cách mạnh mẽ để tăng niềm tin của nhà đầu tư vào CTCK và thị trường.

Thứ ba, từ sau năm 2012, UBCKNN cần tăng cường năng lực quản trị hoạt động của các CTCK. Quy định về mức độ đủ vốn; Quy định về việc đăng ký thành lập một CTCK, hướng dẫn thông lệ khuôn khổ quản lý rủi ro cho các công ty chứng khoán; Đánh giá, xếp hạng các tổ chức kinh doanh chứng khoán theo thông lệ quốc tế từ đó phân loại và giám sát các tổ chức này một cách chặt chẽ.

Nếu quá trình tái cấu trúc diễn ra đúng như lộ trình và UBCKNN kết hợp với các CTCK cùng nhau thực hiện tốt các biện pháp chúng tôi đã nêu trên thì tin chắc rằng quá trình tái cấu trúc các CTCK sẽ diễn ra thành công, nền kinh tế cũng sẽ phát triển bền vững và ổn định.



TÀI LIỆU THAM KHẢO:

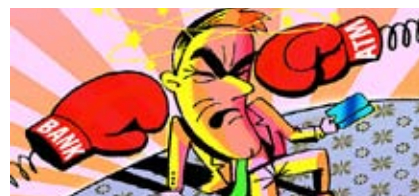
- [1]. An Huy (2012), Thị phần môi giới HNX Q1: HSC dẫn đầu, SSI trở lại top 10, <http://www.baomoi.com/Thi-phan-moi-gioi-HNX-Q1-HSC-dan-dau-SSI-tro-lai-top-10/127/8233678.epi>
- [2]. Khánh Huyền (2011), Công ty chứng khoán: Tiến thoái lưỡng nan, <http://www.tienphong.vn/kinh-te/534044/cong-ty-chung-khoan-tien-thoi-luong-nan.html>
- [3]. Nguyễn Thu Hằng (2007), Thực trạng công ty chứng khoán tại Việt Nam - Thực tế hoạt động và những thách thức tiềm ẩn, <http://www.saga.vn/Cohoigiaothuong/Thitruong1/Thitruongchungkhoan/7524.saga>
- [4]. Quang Sơn (2012), Chứng khoán 6 tháng đầu năm: Những con số nổi bật, <http://tinhanhchungkhoan.vn/GL/N/CJGAG/chung-khoan-6-thang-dau-nam-nhung-con-so-noi-bat.html>
- [5]. Th.S. Trần Thị Xuân Anh (2012) "Thực trạng hoạt động và sự cần thiết tái cấu trúc khối công ty chứng khoán Việt Nam" (13) 1-24.

THỰC TRẠNG THU PHÍ SỬ DỤNG DỊCH VỤ ATM TẠI VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ CẨM GIANG - K10404T

LÊ THỊ DIỄM MÂN - K10404A

Theo thống kê từ Ngân hàng Nhà nước (NHNN), tính đến đầu quý I/2012, đã có hơn 42 triệu thẻ ATM được phát hành (trong đó 94% thẻ nội địa và 6% thẻ quốc tế). Hệ thống máy móc thiết bị hỗ trợ thanh toán đã được đầu tư 13,500 máy ATM và khoảng 70,000 POS thanh toán. Những con số ấn tượng vẽ nên một tương lai tươi sáng cho thị trường thẻ Việt Nam, tuy nhiên chung quanh nó vẫn còn tồn tại những câu chuyện đáng bàn, cụ thể là việc các ngân hàng thương mại đang tự ý thu phí ATM nội mạng, âm thầm nâng mức phí giao dịch ngoại mạng và phí sử dụng các dịch vụ khác.



1. Phí ATM bị "tận thu" đến bất ngờ

Theo dự thảo Thông tư của NHNN hướng dẫn về nguyên tắc thu trả và chia sẻ phí đối với các giao dịch thẻ nội địa tại máy giao dịch tự động, điểm chấp nhận thẻ tại điểm bán hàng hoá - dịch vụ và Văn bản số 3933/NHNN-TT ban hành ngày 28/6/2012 gửi các tổ chức phát hành thẻ và các công ty chuyển mạch thẻ về việc thu phí ATM, quy định cụ thể chỉ có rút tiền mặt và in sao kê tài khoản khi giao dịch ở máy giao dịch tự động (ATM) nội mạng sẽ không thu phí, còn lại các giao dịch khác như chuyển khoản, rút tiền, in sao kê ngoại mạng... sẽ phải đóng phí. Như vậy, trong năm 2012 ngân hàng thương mại (NHTM) vẫn chưa được thu phí giao dịch rút tiền ATM nội mạng, chưa điều chỉnh mức phí giao dịch ngoại mạng đối với khách hàng (KH) sử dụng thẻ, NHTM phải công khai biểu phí dịch vụ thẻ để khách hàng biết. Tuy nhiên, thực tế một số ngân hàng (NH) đã và đang thu thêm đồng/giao dịch. BIDV cũng bắt đầu thu phí rút tiền 2,200 đồng/giao dịch nội mạng, phí kiểm tra số dư, vắn tin, in sao kê trước đây miễn phí thì nay phải trả mức phí 1,100 đồng/giao dịch. Hay khi chuyển tiền nội mạng ATM của Agribank phải tốn một khoảng bằng 0.05% số tiền giao dịch... Bên cạnh đó, người sử dụng thẻ còn chịu hàng loạt phí phát sinh khác được liệt kê tại bảng 1 dưới đây:

Thực trạng tự do thu phí một cách trái quy định pháp luật của các NH đang diễn

ra phổ biến ở hầu hết các NH, đặc biệt là các NH lớn. Điều bức xúc hơn cả là việc ấn định mức thu phí mỗi lần giao dịch đều xuất phát từ NH, chưa hề có một sự thỏa thuận hay một biểu phí công khai nào thông báo cho khách hàng.

2. Phản ứng của KH

KH có những ý kiến khác nhau về việc thu phí ATM, nhưng nhìn chung đều tỏ ra không hài lòng. Việc thu phí ATM, đặc biệt là tăng phí rút tiền qua thẻ ATM dù không lớn nhưng việc sử dụng thẻ ATM trở nên đắt đỏ so với đồng lương ít ỏi của KH là những người có thu nhập thấp. Một bộ phận chủ thẻ phàn nàn, NH cứ đòi tăng phí nhưng chất lượng dịch vụ ATM vẫn chưa tương xứng với mức phí mà họ phải trả.

Đa số KH đều tỏ bức xúc khi NH thu phí ATM một cách âm thầm, thiếu sự minh bạch gây cho họ cảm giác như bị "móc túi". Nhiều KH sau khi đến ATM chuyển khoản nội mạng hay sau khi in sao kê mới thấy bị trừ tiền, hoặc phải gọi điện hỏi chi nhánh hay phòng giao dịch mới biết NH thu phí giao dịch ATM nội mạng và tăng phí giao dịch ngoại mạng. Mối quan hệ giữa NH và các KH được thể hiện trên hợp đồng, do đó việc thu phí ATM cần phải có sự thỏa thuận với KH, NH không thể làm theo ý của mình mà không quan tâm đến lợi ích của KH.

3. Lý giải của NH về việc thu phí ATM.

Căn cứ vào **Pháp lệnh Số 38/2001/**

PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 về phí và lệ phí, NH thu phí dịch vụ là hoàn toàn hợp lý và không vi phạm pháp luật. Bên cạnh đó, để đầu tư cho hệ thống ATM, NH đã tốn những khoản chi phí khá lớn và chịu lỗ khi cung ứng dịch vụ ATM miễn phí trong suốt thời gian qua.

Theo Hiệp hội thẻ Việt Nam, số lượng thẻ ATM thực hoạt động chỉ khoảng 50% tức là khoảng 22 triệu thẻ và trung bình mỗi máy ATM phục vụ khoảng 3,250 thẻ. Chi phí lắp đặt mỗi máy ATM (hoạt động khoảng 5 năm) khoảng 500 triệu, tổng số tiền đầu tư máy ATM 6,750 tỷ. Chi phí bảo dưỡng máy ATM, chi phí thuê mặt bằng, thuê bảo vệ, điện, vệ sinh, chi phí cho hoạt động tiếp quỹ, tính tổng các chi phí trên trung bình khoảng 60 triệu/máy/tháng. Trong khi đó, tổng số dư tối thiểu trong 44 triệu thẻ với mức dư trung bình mỗi thẻ 50,000 đồng chỉ khoảng 2,200 tỷ, có thể xem là số tiền NH thu được. Nguồn thu từ việc phát hành thẻ có thể giúp bù vào chi phí lắp đặt máy ATM, nhưng số lượng lớn thẻ phát hành hiện nay đều là thẻ phát hành miễn phí, nguồn thu do đó cũng rất khiêm tốn. Một số loại phí NH thu được thường xuyên như phí thường niên giả sử trung bình là 80,000 đồng/năm/thẻ tương đương 21,775 triệu/máy/tháng, phí truy vấn số dư nếu tính 1,650 đồng/lần/thẻ thì xấp xỉ 5.5 triệu/máy/tháng, các khoản phí khác ít khi phát sinh, tính tổng nguồn thu trên máy ATM chỉ khoảng 27.2 triệu/máy/tháng.

Nhiều người cho rằng khoản tiền gửi của KH trong thẻ ATM là nguồn vốn giá rẻ cho NH khi tính với mức lãi suất tiền gửi không kì hạn là khoảng 2% và NH cho vay lại với mức lãi suất 15% là một nguồn thu đáng kể. Tuy nhiên, việc sử dụng nguồn vốn này gặp không ít khó khăn về tính thanh khoản, nhiều chủ thẻ sau khi nhận được tiền lương trong thẻ là rút ra ngay. Chi phí đầu tư quá cao trong khi nguồn thu từ dịch vụ ATM lại thấp, NH buộc phải thu

Bảng 1: Biểu phí dịch vụ ATM phát sinh (đơn vị: đồng).

Loại phí dịch vụ	Phí dịch vụ	Loại phí dịch vụ	Phí dịch vụ
Phí phát hành thẻ lần đầu	50,000-100,000	Phí trả thẻ bị nuốt tại máy ATM	5,000-20,000
Phí phát hành lại thẻ	25,000-66,000		
Phí thường niên (phí quản lý tài khoản thẻ)	39,600-132,000	Phí tra soát nếu không đúng	10,000-110,000

(Nguồn: www.techcombank.com.vn, www.agribank.com.vn, www.bidv.com.vn)

thêm phí, điều chỉnh mức phí ngoại mạng để bù đắp chi phí và duy trì hoạt động cho hệ thống.

4. Đánh giá tính hợp lý khi thu phí và điều chỉnh phí dịch vụ ATM

Tại sao NH bắt đầu thu phí?

Rõ ràng, đầu tư vào hệ thống ATM NH đã chi một khoản chi phí khá lớn nhưng cũng không thể phủ nhận những lợi ích từ hệ thống này mang lại cho NH. Bằng cách sử dụng vốn từ tiền trong thẻ ATM, tương đương với khoản tiền gửi không kỳ hạn, NH có thể sử dụng vốn này kinh doanh trên thị trường tiền tệ, đồng thời có thể liên kết với các đơn vị khác để bán chéo sản phẩm, dịch vụ. Hơn nữa, lắp đặt hệ thống ATM giảm được một số chi phí khi phải giao dịch trực tiếp tại ngân hàng, góp phần thể hiện đẳng cấp, quảng bá thương hiệu, nâng cao khả năng cạnh tranh của NH phát hành. Thông qua đó mà uy tín của NH phát hành được khẳng định, thu hút nhiều KH đến NH gửi tiền lẫn vay tiền tạo điều kiện cho hoạt động trung gian tài chính của NH phát huy hiệu quả chức năng, thu về lợi nhuận lớn cho NH. Đó là lí do các NH đã chấp nhận chịu lỗ khi cung ứng dịch vụ ATM trong thời gian vừa qua.

Tuy nhiên trong điều kiện huy động vốn gặp nhiều khó khăn, tình trạng nợ xấu, tín dụng hầu như không tăng trưởng trong thời gian vừa qua thì nguồn thu chủ yếu của NH bị giảm mạnh. Vì vậy, để duy trì mức lợi nhuận, NH đã thu phí ATM như một nguồn thu mới trong thời gian qua.



Khách hàng sử dụng dịch vụ của NH thì phải trả tiền nhưng thu phí rồi, chất lượng dịch vụ có được cải thiện?

Hiện nay, mạng lưới sử dụng thẻ rộng khắp, việc dùng thẻ ATM khá thuận lợi ở các thành phố lớn, trong khi ở vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa thì còn nhiều bất cập. NH đang thu nhiều loại phí nhưng lại không tăng các dịch vụ tiện ích để phục vụ khiến KH cảm thấy bị tận thu và thiệt thòi.

Chất lượng phục vụ của các loại hình dịch vụ còn nhiều yếu kém: dịch vụ nhận tin nhắn cập nhật biến động số dư tài khoản chưa ổn định, máy ATM trong tình trạng hết tiền nhiều ngày liền, máy bị trục trặc phải qua vài ngày NH mới khắc phục, KH không rút được tiền nhưng vẫn bị trừ tiền, khi khiếu nại thì phải chờ đợi rất lâu mới được giải quyết, máy ATM đặt ở những vị trí bất tiện, gây khó khăn khi rút tiền, hay thường gặp là tình trạng xếp hàng dài trước máy ATM. Thậm chí trụ ATM còn bị kẻ xấu gắn camera để đánh cắp thông tin, KH bị cướp ngay khi vừa rút tiền... Thời gian vừa qua, NH đã thu nhiều mức phí nhưng chất lượng dịch vụ lại không được cải thiện.

Thiết nghĩ, NH thu và điều chỉnh mức phí dịch vụ ATM là không sai, KH sử dụng dịch vụ thì phải trả tiền và tương lai không xa, KH cũng sẽ chấp nhận việc này. Còn việc thu phí âm thầm, lén lút của các NH gần đây là hoàn toàn trái quy định pháp luật, bởi theo Điều 16 pháp lệnh 38/2001/PL-UBTVQH10 thì: “Tổ chức, cá nhân thu phí, lệ phí phải niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu về tên phí, lệ phí, mức thu, phương thức thu và cơ quan quy định thu”. Mặt khác, hành động này của các ngân hàng đã tạo nên cái nhìn không tốt từ phía KH và những bất cập từ việc thu phí có thể đem lại kết quả không mong muốn. Người dân có thể quay lại sử dụng tiền mặt để thanh toán, cũng như hạn chế việc chuyển tiền vào tài khoản thẻ để quản lý dự trữ là điều khó tránh khỏi. Vào thời điểm này, NH đề xuất thu phí là hoàn toàn chưa thích hợp.

5. Định hướng giải pháp

Về phía các cơ quan quản lý, vừa qua đã có **công văn 3933/NHNN-TT do NHNN ban hành ngày 28/6/2012** yêu cầu các NH không được phép thu phí rút tiền ATM nội mạng và tăng phí giao dịch ngoại mạng. NHNN cần có chế tài xử lý nghiêm những NH nào vi phạm đồng thời nghiên cứu xây dựng lộ trình và thống nhất khung phí dịch vụ ATM hợp lý, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa KH và tổ chức phát hành thẻ. Để có mức phí cụ thể thì NHNN phải kiểm tra sổ sách của các NHTM để biết số lượng thẻ ATM cũng như số lần giao dịch trên thẻ rồi tính toán, để ra mức phí. Khi chủ thẻ in sao kê, kiểm tra số dư tài khoản, chuyển khoản nội mạng... thì tiền vẫn chưa ra khỏi NH nên KH không phải tốn phí giao dịch. Bên cạnh đó, cần có một thị trường thẻ cạnh tranh giữa các đơn vị cấp thẻ, giữa các ngân hàng; khi có sự cạnh tranh thì mức giá hợp lý cũng sẽ được xác định.

Về phía các NH, công khai minh bạch biểu phí với KH sử dụng thẻ là điều cần

thiết phải làm. Giảm thiểu các chi phí liên quan đến hệ thống ATM sẽ giúp các NH tiết kiệm kinh phí để đầu tư cải thiện chất lượng dịch vụ ATM và loại bỏ được một số loại phí ATM. Các NH cần giải quyết tốt vấn đề quản trị chuỗi cung ứng tiền mặt cho hệ thống ATM, khắc phục tình trạng số dư tiền mặt lớn ở một số trụ ATM trong thời gian dài, còn một số trụ ATM khác lại trong tình trạng hết tiền. Việc hoạch định tiền mặt tồn kho tốt sẽ góp phần giảm chi phí cơ hội của tiền mặt trong mỗi máy ATM mà vẫn đảm bảo luôn sẵn sàng phục vụ. Bên cạnh đó, NH cần có biện pháp bảo vệ máy ATM khỏi sự phá hoại, đảm bảo an toàn cho KH khi rút tiền, cần đến sự phối hợp hiệu quả giữa bộ ba KH, NH, cơ quan nhà nước. Các NH nên thống kê lại số lượng, vị trí cũng như hiệu quả hoạt động của các trụ ATM, cơ cấu lại hệ thống ATM: loại bỏ những trụ ATM riêng lẻ, hoạt động không hiệu quả; duy trì và lắp đặt các trụ ATM tại các đại điểm thuận lợi, hoạt động hiệu quả để tối ưu hóa mạng lưới phân bố ATM, giảm các chi phí liên quan như mặt bằng, chi phí tiếp quỹ. Bên cạnh đó, các NH cần liên kết, thỏa thuận với nhau để cùng hợp tác trong việc bảo vệ như lắp các trụ ATM các NH gần nhau, thuê công ty bảo vệ, lắp đặt hệ thống camera dưới sự giám sát của trung tâm để can thiệp kịp thời và lắp đặt hệ thống báo động tại buồng ATM để tiết kiệm chi phí bảo vệ. Về phần mình, khách hàng sử dụng thẻ ATM khi rút tiền cũng cần cảnh giác không chủ quan là, nếu có trục trặc, hoặc sự cố của máy rút tiền cần báo ngay cho NH kịp thời xử lý. Các cơ quan chính quyền địa phương cần có tích cực hơn trong việc đảm bảo an ninh, phòng chống trộm cắp trong khu vực thuộc thẩm quyền quản lý. Cơ quan chức năng cần xử lý nghiêm minh những trường hợp phá hoại, trộm cắp tại trụ ATM.

NH nên đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo an toàn và thuận tiện để làm hài lòng KH, cải thiện hệ thống thanh toán qua mạng, thanh toán bằng thẻ tại các khu mua sắm, đẩy mạnh liên kết giữa các ngân hàng, tăng thêm tính năng các loại thẻ ATM và các tiện ích đi kèm để khuyến khích KH sử dụng thẻ. Khi đó, việc thu phí sẽ trở nên hợp lí hơn và không gặp nhiều trở ngại nữa.

Xem tiếp trang 32

Câu chuyện “THƯƠNG LÁI XỨ NGƯỜI”

TRẦN THANH TIẾN
K10404A

& “SUY NGÃM” NỀN KINH TẾ Ở TA

Trên con đường tiến tới một nền kinh tế thị trường hoàn toàn thì ngoài những khó khăn nội tại bên trong, Việt Nam (VN) còn phải đối mặt với những khó khăn từ bên ngoài. Trong thời gian gần đây, nổi lên những vụ bất cập về thương lái Trung Quốc (TQ) “làm mưa làm gió” trên thị trường nông-lâm-hải sản của VN, gây bất ổn kinh tế và để lại hậu quả không hề nhỏ cho nhân dân và doanh nghiệp trong nước. Giải quyết dứt điểm câu chuyện thương lái TQ đang là một bài toán đặt ra cho cơ quan nhà nước và doanh nghiệp trên quá trình đưa nông-lâm-hải sản VN từ con đường xóa bỏ cách làm truyền thống buôn bán nhỏ lẻ, manh mún chuyển sang tập trung, chuyên nghiệp hóa và nền kinh tế VN trở nên vững mạnh hơn. Bài viết dưới đây giúp người đọc có một cái nhìn tổng quan nhất về những diễn biến, cách thức hoạt động của thương lái TQ, những thiệt hại đối với doanh nghiệp và nông dân VN cũng như các biện pháp xử lý và từ đó rút ra “câu chuyện” nền kinh tế nước ta.

1. TỪ “CÂU CHUYỆN THƯƠNG LÁI XỨ NGƯỜI”

Thương lái Trung Quốc thao túng thị trường nông- lâm- hải sản VN

Với sự gần gũi về mặt địa lý và nét tương đồng trong nền văn hóa, đặc biệt là truyền thống buôn bán lâu đời, TQ hiện đang là một trong những thị trường xuất khẩu lớn nhất của nước ta. Năm 2010, kim ngạch thương mại song phương với TQ đạt trên 27 tỷ USD, chiếm khoảng 17.6% tổng kim ngạch ngoại thương của VN, năm 2011 đạt 35.7 tỷ USD, chiếm khoảng 18.4%. Mỗi quan hệ làm ăn với TQ chiếm một phần quan trọng trong xuất khẩu hàng hóa của nước ta. Tuy nhiên, bên cạnh

những con số hàng tỷ USD trong quan hệ thương mại giữa hai nước chính là những bất cập và thiệt hại trong việc buôn bán thương mại với TQ. Do sự gần gũi về địa lý và truyền thống buôn bán lâu đời đã giúp buôn bán giữa hai nước phát triển thông qua con đường xuất khẩu tiểu ngạch.

“Xuất khẩu tiểu ngạch là một hình thức thương mại quốc tế hợp pháp được tiến hành giữa nhân dân hai nước sinh sống ở các địa phương hai bên biên giới mà kim ngạch của mỗi giao dịch hàng hóa hữu hình có giá trị nhỏ theo quy định của pháp luật. Xuất khẩu tiểu ngạch còn có những đặc trưng như thường (song không nhất thiết) thanh toán bằng tiền mặt, không cần hợp đồng mua bán”.

Hình thức này rất thuận tiện cho cả hai bên nhưng đối với VN thì vẫn còn nhiều bất cập. Gần đây nhất đã có tới bốn sản phẩm nông nghiệp của VN “mắc bẫy” của thương lái TQ khiến giá giảm thê thảm là khoai lang, dưa, gạo và dừa. Đây là một điệp khúc thao túng của thương lái TQ khi mà trước đây đã có hàng loạt các mặt hàng nông- lâm- hải sản của VN rơi vào hoàn cảnh này: hàng trăm hộ dân trồng ớt ở huyện Đại Lộc - Quảng Nam rơi vào hoàn cảnh khó khăn bởi những đầu mối thu mua ớt tươi để bán lại cho thương lái TQ, rồi dùng mua đột ngột, ớt tươi ngày càng rẻ giá; Ở Quảng Nam, thương lái TQ thu gom dưa hấu, nhiều nông dân thấy dưa hấu được giá nên cũng đua nhau trồng, thương lái TQ lại dùng mua giữa chừng khiến dưa hấu rẻ giá không phanh; Một số thương lái TQ khác núp bóng khách du lịch đến thu mua cua biển tại tỉnh Cà Mau rồi bỏ trốn, không trả tiền. Số tiền người dân bị chiếm đoạt lên đến hàng chục tỷ đồng; Hay câu chuyện thương nhân TQ lặn lội đến Thanh Hóa để mua dây gai; Thương lái TQ sẵn lòng mua gỗ lim và nhiều loại gỗ quý khác tại Quảng Bình với giá cao hơn bình thường... thương lái TQ còn đổ xô thu mua địa với số lượng lớn (!) rồi “âm thầm ra đi” để lại số lượng địa gây bất ổn môi trường sinh thái ở Củ Chi...Gần đây nhất và đình đám nhất là vụ thương lái TQ thu mua dừa ở Bến Tre. Thương lái TQ bao tiêu



90% thạch dừa trong tỉnh nên họ quyết định giá cả, sản lượng, thậm chí chất lượng mặt hàng. Họ mở đại lý thu mua ở ạt, dẫn đến con số thạch dừa tại địa phương. Ngay sau khi chi phối thị trường, họ hạ giá thạch dừa xuống. Từ chỗ mua thạch thô giá 3,950 đồng/kg, họ đã hạ giá chỉ còn 1,300 đồng/kg.

Dưới đây là bảng thống kê số nông- lâm- hải sản của VN bị thương lái TQ tận thu, ép giá thời gian qua:

Bảng 1. Nông-lâm-hải sản của VN bị thương lái TQ tận thu, ép giá.

STT	Sản phẩm/hàng hóa	Địa phương
1	Dừa	Bến Tre
2	Khoai lang	Các tỉnh ĐBSCL
3	Gạo	Các tỉnh ĐBSCL
4	Dưa	Tiền Giang
5	Dưa hấu	Quảng Nam
6	Ớt	Quảng Nam
7	Thanh long	Tiền Giang
8	Sầu riêng	Tiền Giang
9	Dây gai	Thanh Hóa
10	Gỗ quý	Quảng Bình
11	Chè xanh	Yên Bái
12	Hải đường	Hải Phòng
13	Mủ cao su	Bình Phước
14	Cá hổ, cua biển	Cà Mau
15	Tôm	Bạc Liêu
16	Đĩa, ốc bươu vàng	Củ Chi
...		

(Nguồn: Tác giả tự tổng hợp từ internet)

Thủ đoạn và mảnh khoe hoạt động: “vạch mặt bản chất lừa đảo, thao túng”

Thứ nhất, đối với hàng hóa nông-lâm-hải sản các thương lái TQ sử dụng một mô típ chung là thao túng - mua một phần - ngừng mua - mua lại và ép giá.

Ban đầu, các thương lái TQ thu mua ồ ạt, họ đặt trạm gom hàng nông sản khiến nhu cầu tăng đột biến, giá nông sản tăng nhanh. Các doanh nghiệp trong nước không cạnh tranh được và đành chịu thiếu nguyên liệu sản xuất. Sau khi đã thao túng được thị trường và nhận một phần sản phẩm, tất cả thương lái TQ bắt đầu hạn chế và dùng mua đột ngột khiến giá giảm nhanh chóng, đến khi giá giảm rất thấp thì họ bắt đầu quay trở lại ép giá thấp hơn nữa và bắt đầu thu mua.

Như trường hợp khoai lang tím, chỉ với một thủ đoạn lặp đi lặp lại các thương nhân TQ đã có thể ép khoai lang tím giảm tới 70%, giá dưa giảm hơn một nửa, và giá dưa thậm chí giảm đến 90%.

Thứ hai, sử dụng mảnh khoe lừa đảo rồi biến mất. Lúc đầu, họ tỏ ra dễ dãi trong việc mua bán và trả tiền sòng phẳng, thậm chí còn sẵn sàng đặt cọc trước 30%. Sau một thời gian, họ giở trò than vãn nhằm khất nợ hoặc trả chậm. Khi số tiền lên đến bạc tỉ, nhiều người lần lượt... biến mất. Ngoài ra, nhiều thương lái TQ còn tới tận nơi đặt hàng hóa nông sản với số lượng lớn cho thương lái địa phương đứng ra thu mua hàng tỷ đồng rồi sau đó không quay lại lấy hàng làm cho thương lái địa phương rơi vào hoàn cảnh nợ chồng chất mà hàng thu gom rồi không ai mua.

2. “... ĐẾN SUY NGÃM NỀN KINH TẾ NƯỚC TA”

Nền kinh tế nước ta đang chuyển mình sang nền kinh tế thị trường hoàn toàn thì vụ thao túng nông-lâm-hải sản (vốn là thế mạnh của một nước nông nghiệp như VN) của thương lái TQ là một chuyện không thể chấp nhận được, đây là một vấn đề đòi hỏi phải giải quyết nhanh và triệt để để ổn định kinh tế vĩ mô trong nước. Hãy thử tìm hiểu nguyên nhân, tác động và hướng giải quyết bất cập này.

Nguyên nhân

Trong thời gian qua đã có khá nhiều cơ quan báo chí và chính quyền địa phương tích cực thông tin, vận động bà con nông dân cảnh giác với thương lái TQ và thực tế trước mắt có rất nhiều nông dân “sụp bẫy” thương lái TQ nhưng tại sao người nông dân vẫn “dính đòn” thương lái TQ? Có mấy nguyên nhân chủ yếu sau đây:



Thứ nhất, VN không thể quản lý và kiểm soát tốt hoạt động của thương lái TQ nên mới dẫn đến việc thương lái TQ có thể thoải mái thao túng và ép giá thị trường nông sản của ta.

Thứ hai, nông dân VN đã ham cái lợi trước mắt, chạy theo các nhu cầu ảo mà thương lái TQ tạo ra, tạo điều kiện cho chúng dễ dàng hoạt động.

Thứ ba, quy mô sản xuất các sản phẩm nông nghiệp của ta còn theo hướng manh mún, nhỏ lẻ. Người nông dân không đủ vốn thường phải mượn ngân hàng và chỉ muốn sớm bán được nông sản nên dù bị ép giá vẫn phải bán gấp để thu hồi vốn trả nợ cho ngân hàng và tái sản xuất, mặt khác họ không liên kết được với nhau nên bị thao túng hoàn toàn.

Thứ tư, sự liên kết giữa các cơ quan, ban ngành và người nông dân, doanh nghiệp còn yếu nên không thể phối hợp hiệu quả để chống lại sự thao túng thị trường của phía TQ. Nông dân và doanh nghiệp không được thông tin chính xác và kịp thời nên càng loay hoay, lo sợ khi bị thao túng. Càng cố bán gấp càng khiến giá giảm nhanh và càng dễ bị thương nhân TQ ép giá.

Tác động

Tác động đến nông dân: Trong bối cảnh an ninh lương thực đang bất ổn do mất mùa và giảm sút các nguồn dự trữ toàn cầu khiến giá lương thực có thể tăng từ 10% - 20% thì nông dân Việt Nam lại phải chịu nỗi nặng khi buôn bán nông sản và lương thực với Trung Quốc. Mặt khác, do hình thức tiểu ngạch nên việc mua bán sản phẩm với thương lái Trung Quốc bằng hợp đồng “miệng”, nông dân không biết thương lái TQ ở đâu, lại không có thể chấp tài sản nên nông dân rất dễ bị thương lái TQ quỵt nợ vừa ôm hàng hóa không thể tiêu thụ được vừa mắc nợ tiền ngân hàng.

Ngoài ra, nhiều nông dân tự ý chặt bỏ cây trồng hiện tại để chuyển sang cây

trồng khác do chạy theo nhu cầu ảo mà thương lái TQ dựng nên làm phá vỡ quy hoạch cây trồng của tỉnh, ảnh hưởng lâu dài tới vùng sản xuất nông sản nguyên liệu xuất khẩu.

Tác động đến nhà sản xuất trong nước: Các doanh nghiệp cần hàng sản xuất thì thiệt hại khi mà nguồn cung nguyên liệu của thị trường rất lớn nhưng họ lại không thể mua được và phải sản xuất dưới công suất do không thể cạnh tranh thu mua với thương lái TQ. Một số doanh nghiệp còn phải nhập khẩu nông sản nguyên liệu giá cao hơn để sản xuất kịp đơn hàng. Đây là một điều nghịch lý.

Không chỉ ép giá thông thường, các hành động của thương lái TQ còn ảnh hưởng xấu đến uy tín của nông sản VN. Thương lái TQ yêu cầu người nông dân trộn gạo trắng với gạo thơm để họ có thể gian lận, tăng lợi nhuận. Việc làm này chỉ mang lại một chút lợi nhuận, nhưng lại gây ra thiệt hại rất lớn cho uy tín gạo xuất khẩu của VN. Còn đối với mặt hàng thạch dừa, người nông dân cái lợi trước mắt mà tự sản xuất hàng loạt với điều kiện vệ sinh và chất lượng sản phẩm thấp gây ảnh hưởng đến thương hiệu thạch dừa Bến Tre và cả doanh nghiệp xuất khẩu.

Tác động đến nhà nước và tình hình xã hội: Các xáo trộn và bất ổn về mặt kinh tế do các thương lái TQ gây ra làm ảnh hưởng rất lớn tới đời sống của bà con và có thể đây là những nguyên nhân tiềm ẩn cho các bất ổn xã hội. Không chỉ vậy, bằng hình thức buôn bán tiểu ngạch thương lái TQ còn sử dụng nhiều “chiêu thức” né thuế gây thất thoát hàng tỷ đồng tiền thuế của nhà nước.

Đề xuất các biện pháp xử lý

Thứ nhất, tăng cường ban hành các văn bản pháp luật đối với hoạt động của thương lái nước ngoài để dễ dàng kiểm soát và xử phạt, đặc biệt là đối với thương lái TQ, nếu có thể, cần ban hành lệnh hạn

chế thương lái nước ngoài thu mua hàng nông sản nguyên liệu chế biến, đồng thời tăng mức chế tài đối với các trường hợp vi phạm. Đối với các thương lái TQ làm ăn uy tín cần phải cấp phép hành nghề tại VN để dễ dàng kiểm soát.

Thứ hai, tăng cường liên kết giữa cơ quan nhà nước, nông dân, doanh nghiệp nhằm thông tin kịp thời các vụ thương lái TQ tiến hành thu mua trái phép nông sản. Tuyên truyền vận động người nông dân cảnh giác khi làm ăn với thương lái TQ. Song song đó cần thúc đẩy hợp tác với cơ quan nhà nước TQ để tiến hành xử lý các thương lái lừa đảo chạy về TQ lẫn trốn.

Thứ ba, nông dân cần tham gia chuỗi sản xuất - tiêu thụ sản phẩm. Theo đó, nhà nước khuyến khích nông dân và doanh nghiệp phối hợp thành lập chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản. Nông dân trong một vùng lân cận có thể lập nên những hợp tác xã để cùng hỗ trợ về kĩ thuật cũng như vốn, con giống để nâng cao năng suất. Sau đó những hợp tác xã này có thể kí kết hợp đồng cung cấp nông sản cho các hệ thống siêu thị trong nước nhằm đảm bảo quy trình sản xuất khép kín, an toàn, nâng cao thương hiệu. Mặt khác, hợp tác xã có thể kí kết hợp đồng cung cấp nguyên liệu cho những doanh nghiệp chế biến nông sản xuất khẩu. Có như vậy mới tạo được tinh thần trách nhiệm, cùng hưởng lợi và cùng chia sẻ thua lỗ của nông dân với doanh nghiệp.

"Tấn công cũng là phòng thủ" - đó là giải pháp thứ tư. Thương lái TQ sang tận VN thu mua nông sản, đơn giản vì họ có nhu cầu cao về những mặt hàng này. Thương lái TQ "tấn công" VN bằng cách sang tận VN thu mua, các doanh nghiệp VN cần phải chủ động sang TQ điều tra nhu cầu của người dân TQ sau đó về VN tổ chức thu mua rồi xuất khẩu sang TQ. Những thương lái VN thu mua hàng hóa thì sẽ dễ dàng kiểm soát hơn và tạo sự cạnh tranh trong thu mua giữa thương lái VN và TQ, điều này góp phần tạo ra thị trường cạnh tranh, có lợi cho người sản xuất.



3. KẾT LUẬN

Kinh tế thị trường là mục tiêu cơ bản nước ta và là điều kiện để đạt sự bình đẳng trong thương mại đối với các nước phát triển. Muốn tiến lên nền kinh tế thị trường hoàn toàn, VN cần nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế của nhà nước, xóa bỏ các hình thức buôn bán lạc hậu, đẩy nhanh tính cạnh tranh của thị trường và tiến hành các hoạt động buôn bán chuyên nghiệp. Trước hết là cần chấn chỉnh lại những xáo trộn mà thương lái TQ gây ra trong thời gian vừa qua. Thiết nghĩ, đây là điều cơ bản mà nhà nước cần giải quyết triệt để để tiến lên nền kinh tế thị trường hoàn toàn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- [1]. Dũng-Linh-Nhân (2012), *Cách mặt thương lái Trung Quốc*, <http://nld.com.vn/20120519105626625p0c1002/cach-mat-thuong-lai-trung-quoc.htm>
- [2]. <http://www.thanhnien.com.vn/pages/20120609/thuong-lai-trung-quoc-thon-tinh-thach-dua-ben-tre.aspx>
- [3]. Hương Loan (2012), *Khó xử lý thương lái Trung Quốc gây nhiễu thị trường*, <http://vneconomy.vn/20120515082128771P0C19/kho-xu-ly-thuong-lai-trung-quoc-gay-nhiu-thi-truong.htm>
- [4]. Nguyễn Tài Tiến (2012), *Thương lái Trung Quốc lại tấn thủ dây gai*, <http://vietnamnet.vn/vn/kinh-te/vef/78089/thuong-lai-trung-quoc-lai-tan-thu-day-gai.html>
- [5]. Quốc Chánh (2012), *Cảnh giác với chiêu của thương lái Trung Quốc*, <http://ddd.com.vn/20120601104019368cat117/canh-giac-voi-chieu-cua-thuong-lai-trung-quoc.htm>
- [6]. Quốc Nam (2012), *Thương lái Trung Quốc lũng gổ quý ở miền Trung*, <http://dantri.com.vn/c76/s76-609732/Thuong-lai-Trung-Quoc-lung-go-quy-o-mien-Trung.htm>
- [7]. Thành Công- Mỹ Vân (2012), *Thương lái Trung Quốc: mánh củ lừa đầu sao cũng thắng?*, <http://vietnamnet.vn/vn/kinh-te/vef/77752/thuong-lai-trung-quoc-manh-cu-sao-lua-dau-cung-thang-html>
- [8]. Tiến Trình (2012), *Thương lái Trung Quốc thôn tính thạch dừa Bến Tre*,
- [9]. [vinachina.com \(2012\) Thương mại Việt Nam – Trung Quốc Quý I/2012 tăng so với cùng kỳ](http://vinachina.com/vn/newdetail/1829/26515/thuong_mai_viet_nam_trung_quoc_qui_i2012_tang_so_voi_cung_ky.vcci), http://www.vinachina.com/vn/newdetail/1829/26515/thuong_mai_viet_nam_trung_quoc_qui_i2012_tang_so_voi_cung_ky.vcci
- [10]. Wikipedia, *Buôn bán tiểu ngạch*, http://vi.wikipedia.org/wiki/Buon_ban_tieu_ngach

Tiếp theo trang 29

Điều quan trọng là nâng cao nhận thức cho người dân về những tiện ích lâu dài mà hệ thống ATM mang lại; quán triệt và triển khai rộng rãi **ng nghị quyết số 2453/QĐ-TTg** ban hành ngày 27/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương hạn chế thanh toán bằng tiền mặt.

Một ngân hàng muốn phát triển bền vững phải có sự cân bằng giữa thu từ lãi và thu ngoài lãi (phí dịch vụ). Thẻ ATM đáp ứng điều kiện tăng thu dịch vụ khá nhanh, vừa được đánh giá là lĩnh vực trọng tâm trong phát triển kinh doanh bán lẻ. Tuy nhiên, việc thu phí dịch vụ ATM, cụ thể là thu phí nội mạng và điều chỉnh phí ngoại mạng cần phải có lộ trình cụ thể, rõ ràng, nhằm đảm bảo công bằng lợi ích của chính NH và KH; đồng thời thực hiện thành công chủ trương thanh toán bằng thẻ, hạn chế thanh toán bằng tiền mặt mà nhà nước đã đề ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- [1]. Công văn 3933/NHNN-TT về thu phí ATM do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.
- [2]. PV (2012), *Miễn phí rút tiền tại hơn 14.000 máy ATM*, <http://dantri.com.vn/c76/s76-607352/mien-phi-rut-tien-tai-hon-14000-may-atm.htm>
- [3]. An Hạ (2012), *Ngã ngừng vì bị thu phí giao dịch ATM*, <http://dantri.com.vn/c73/s673-611532/ngo-ngang-vi-bi-thu-phi-giao-dich-atm.htm>
- [4]. Thái Phương (2012), *Ngập thẻ atm rác*, <http://nld.com.vn/2011070410401774p0c1014/ngap-the-atm-rac.htm>
- [5]. D.T.C Ánh Hồng (2012), *Bắt đầu thu phí ATM ngoại mạng*, <http://tuoitre.vn/Kinh-te/486323/Bat-dau-thu-phi-ATM-noi-mang.html>
- [6]. Kim Chi (2012), *'Lên' tăng thu phí ATM, ngân hàng biện minh gì?*, <http://vtc.vn/1-336680/kinh-te/len-tang-thu-phi-atm-ngan-hang-bien-minh-gi.htm>
- [7]. Pháp lệnh Số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 về phí và lệ phí.
- [8]. Nghị quyết số 2453/QĐ-TTg ban hành ngày 27/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương hạn chế thanh toán bằng tiền mặt.
- [9]. Quyết định số 2453/QĐ-TTg ngày 27/12/2011 của Thủ tướng Chính Phủ, phê duyệt Đề án đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2011 - 2015.



LĂNG KÍNH SINH VIÊN

LẠM PHÁT & TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM

TRẦN CẨM VÂN
K09404A



Trong thời gian qua, lạm phát luôn là mối đe dọa đối với sự ổn định của nền kinh tế vĩ mô và tăng trưởng kinh tế dài hạn ở Việt Nam. Việt Nam đang là một trong những nước cao nhất thế giới. Quốc hội và các cơ quan chính phủ đã và đang coi kiềm chế lạm phát là mục tiêu hàng đầu. Trong bài viết này góp phần làm rõ hơn mối quan hệ giữa lạm phát và tốc độ tăng trưởng kinh tế từ số liệu tổng hợp thống kê về lạm phát và tăng trưởng kinh tế Việt Nam từ 2000 đến nay. Từ mục tiêu của chính phủ sắp tới đề xuất ngưỡng lạm phát và lộ trình cụ thể cho chính sách tiền tệ lạm phát đa mục tiêu.

• • • • •

1. Mối quan hệ giữa lạm phát và tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Theo lý thuyết Keynes, trong ngắn hạn sẽ có sự đánh đổi giữa lạm phát và

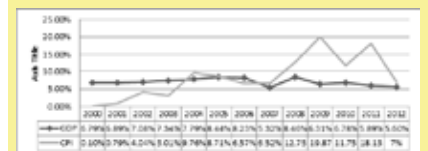
tăng trưởng. Nghĩa là, muốn cho tăng trưởng nhanh thì phải chấp nhận một tỷ lệ lạm phát nhất định. Trong giai đoạn này, tốc độ tăng trưởng và lạm phát di chuyển cùng chiều. Sau giai đoạn này, nếu tiếp tục chấp nhận tăng lạm phát để thúc đẩy tăng trưởng thì GDP cũng không tăng thêm mà có xu hướng giảm.

Theo chủ nghĩa trọng tiền mà đại diện là Milton Friedman cho rằng lạm phát là sản phẩm của việc gia tăng cung tiền hoặc tăng hệ số tạo tiền ở mức độ lớn

tăng trưởng kinh tế.

Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh

Biểu đồ 1: GDP và lạm phát từ năm 2000-2012



Nguồn: Tổng cục thống kê

Bảng 2: Hệ số tương quan giữa CPI và tốc độ tăng trưởng GDP (theo SPSS)

Kết quả SPSS giai đoạn 2000-2005

Correlations

		CPI	GDP rate
CPI	Pearson Correlation	1	0.856
	Sig. (2-tailed)	0.6556	
	N	6	6
GDP rate	Pearson Correlation	0.856	1
	Sig. (2-tailed)	0.6556	

Kết quả SPSS giai đoạn 2006-2012

Correlations

		CPI	GDP rate
CPI	Pearson Correlation	1	0.241
	Sig. (2-tailed)	0.81	
	N	6	6
GDP rate	Pearson Correlation	0.856	1
	Sig. (2-tailed)	0.81	

Nguồn: Tổng cục thống kê

hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế. Cũng theo Fried, trong trường hợp nếu giá cả hàng hóa trong nền kinh tế tăng gấp 2 lần thu nhập của người lao động cũng tăng gấp 2 lần, thì tăng trưởng không bị suy giảm bởi lạm phát hay lạm phát theo hướng này sẽ không ảnh hưởng nguy hiểm đến tăng

tế và lạm phát là phi tuyến tính. Fischer (1993) là người đầu tiên nghiên cứu vấn đề này với kết luận, khi lạm phát tăng ở mức độ thấp mối quan hệ này có thể không tồn tại, hoặc thậm chí mang tính đồng biến, và lạm phát ở mức cao mối quan hệ này là nghịch biến.

2. Lạm phát và tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Trong giai đoạn dài hạn:

Bảng tổng hợp ở trên cho thấy hệ số tương quan (correlation) theo quý giữa chỉ số lạm phát CPI và GDP là âm ($r = -0.0011$). Điều đó có nghĩa là cho thấy khi lạm phát tăng 1% sẽ đẩy tăng trưởng kinh tế chậm lại 0.11% và ngược lại. Như vậy, khi muốn nền kinh tế tăng trưởng, các chính sách phải thực hiện nhiều biện pháp nhằm kiềm chế giảm lạm phát. Điều đó có nghĩa là 65% (R hiệu chỉnh) số liệu cho thấy mối quan hệ giữa lạm phát và tốc độ tăng trưởng ở Việt Nam giai đoạn 2000-2012 là ngược chiều ở mức yếu. Tức là lạm phát vẫn tác động tiêu cực tới tăng trưởng kinh tế, kết quả này giống với nghiên cứu giai đoạn sau khủng hoảng đầu mỏ 1973-1974 của Fischer (1993) khi tìm mối quan hệ âm giữa lạm phát và tăng trưởng.

Trong giai đoạn ngắn hạn:

2000-2005 và 2006-2012, mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng gần như không tương đồng với mối quan hệ này trong 12 năm (2000-2012). Lạm phát có tác động cùng chiều ở mức vừa phải với tăng trưởng kinh tế ($r = 0.856$ và $r = 0.241$). Hệ số tương quan trong giai đoạn 2000-2005 cao hơn trong giai đoạn 2006-2012, nhưng mức độ tin cậy của giai đoạn 2000-2005 thấp hơn 2006-2012 (R hiệu chỉnh = 0.66 và R hiệu chỉnh = 0.81). Như

hay nghịch với tốc độ tăng trưởng còn tùy thuộc vào mức lạm phát hiện tại. Với mức lạm phát hai chữ số thì lạm phát và tốc độ tăng trưởng có mối quan hệ tỷ lệ nghịch, nhưng ở mức lạm phát một chữ số thì lạm phát lại tỷ lệ thuận với tốc độ tăng trưởng kinh tế. Lạm phát chỉ tác động tiêu cực lên tăng trưởng khi đạt "ngưỡng" nhất định nào đó. Ở mức dưới ngưỡng thì lạm phát tác động dương lên tăng trưởng như lý thuyết Keynes.

Trong nền kinh tế thị trường, lạm phát ổn định thì tính dự báo được nâng cao. Điều đó giúp các nhà đầu tư có thể xây dựng được các phương án đầu tư hiệu quả. Nếu sử dụng hệ số tương quan giữa CPI và tốc độ tăng GDP ở trên để đưa ra các con số dự báo về tỷ lệ lạm phát khi muốn đạt tốc độ tăng trưởng nhất định hoặc ngược lại, đưa ra con số dự báo về tốc độ tăng trưởng kinh tế nhằm mục tiêu kiểm soát lạm phát ở một mức nhất định là không chính xác. Tuy nhiên cũng phải hiểu rằng, lạm phát ổn định chỉ là điều kiện đủ cho tăng trưởng kinh tế, còn điều kiện cần cho tăng trưởng phải là vấn đề của Chính phủ trong việc phát triển nguồn lực, vốn và công nghệ kỹ thuật.

3. Khung lạm phát và tăng trưởng kinh tế đối với Việt Nam trong thời gian tới

Việc tăng trưởng tín dụng nhanh chóng là một trong những nguyên nhân đẩy lạm phát lên cao nhiều năm vừa qua, gây nên bất ổn trong nền kinh tế. Trong khi "tham vọng" đưa chỉ tiêu lạm phát về mức của 10 năm trước, cùng với tăng trưởng kinh tế cao. Mở rộng tín dụng, trong khi các kênh vốn khác chưa phát triển để luôn đạt yêu cầu về chỉ tiêu tăng trưởng để ra mỗi năm. Lạm dụng chính sách tiền tệ, tài khóa và công cụ hành chính để thúc đẩy tăng trưởng khiến nguồn lực bị phân bổ méo mó. Từ trước đến nay, Việt Nam đã và đang thực hiện chính sách tiền tệ đa mục tiêu, khi việc điều hành "giật cục" từ đầu năm 2008 đến nay chỉ để chống đỡ lạm phát.

Thực tế chỉ ra rằng việc nhanh chóng đạt vài mục tiêu như tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm... Với sự trợ giúp của chính sách tiền tệ mở rộng sẽ không tránh khỏi lạm phát gia tăng, dẫn đến xung đột nguyên tắc ổn định giá cả. Việc ổn định giá cả chính là yếu tố tiên quyết thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Chất lượng phân tích dự báo lạm phát, tiền tệ phải đảm bảo mục tiêu độ sai số không làm ảnh hưởng đến mục tiêu điều hành; mô hình hóa được tác động chính sách tiền tệ qua các kênh đến lạm phát và tăng trưởng kinh tế. Công bố lạm phát dự báo duy nhất sẽ giúp dư luận hiểu được sự mong muốn thực hiện của chính sách tiền tệ. Nếu không, sẽ làm xã hội hiểu lầm về tính minh bạch

của chính sách.

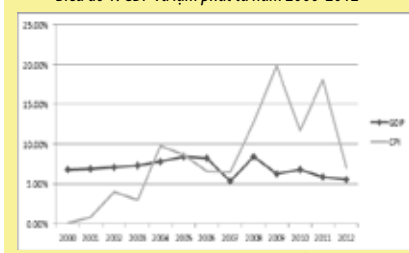
Xác định chỉ số lạm phát mục tiêu cũng có sự thay đổi giữa các nước. Những khác nhau cơ bản liên quan đến 3 thông số chính của mục tiêu: tầm nhìn mục tiêu, chỉ số lạm phát mục tiêu và tính linh hoạt của chỉ số lạm phát mục tiêu. Để có sự hướng dẫn rõ ràng về kỳ vọng lạm phát, hầu hết các Ngân hàng trung ương các nước hoặc là đặt mục tiêu, hoặc là vừa đặt mục tiêu và cho phép biên độ giao động là +/-2% hoặc ít hơn.

Từ trước tới nay, chỉ tiêu lạm phát hàng năm (31/12 năm sau so với 31/12 năm trước) do Quốc hội thông qua được xem là mức trần được phép về lạm phát của năm đó. Liên tục trong nhiều năm qua, chỉ số lạm phát thực tế thường thoát ly ở mức tách biệt khá lớn so với mức trần Quốc hội cho phép. Do chúng ta xác định chỉ số CPI dự kiến thiếu căn cứ khoa học từ năm 2004 tới nay, lạm phát thực tế thường cao hơn nhiều so với lạm phát mục tiêu (Năm 2007: Lạm phát thực tế là 12.75%, lạm phát mục tiêu là < 8%; năm 2008: lạm phát thực tế là 19.87%, lạm phát mục tiêu là < 10%; năm 2010 lạm phát mục tiêu là 11.75%, lạm phát thực tế là < 10%). Trong khi một số năm trước đó, lạm phát đặt cao nhưng lạm phát lại rất thấp (năm 2000: lạm phát mục tiêu là 6.79% nhưng thực tế là -0.6%). Việc đặt mục tiêu lạm phát chỉ có mức trần nhưng không quy định mức sàn làm cho NHNN bị động trong kiểm soát thiếu phát cũng như trong điều hành chính sách tiền tệ nói chung.

Việc đặt ra khung lạm phát mục tiêu vừa đảm bảo ổn định giá cả, kiểm soát lạm phát và bảo đảm mục tiêu tăng trưởng kinh tế tối thiểu. "Trong giai đoạn 5 năm, nên áp dụng chính sách tiền tệ mục tiêu (6%/năm, +/-2%/năm) và cho các năm tiếp theo là (4%/năm, +/-1%), mức lạm phát này thì lạm phát ảnh hưởng tương đối lớn đến tăng trưởng kinh tế" [1]. Ở khoảng này, lạm phát có thể giải thích được 56% (Correlation (4% - 6%) = 0.745) sự thay đổi của GDP. Trong thời gian trung hạn, Việt Nam vẫn là nước có tỷ trọng nhập khẩu nguyên liệu đầu vào lớn, do vậy xu hướng giá cả thị trường còn tăng mạnh và biến động bất thường hàng năm. Ngoài ra, sai số khi tính toán CPI đến một vài phần trăm có thể xảy ra, khi trình độ và công cụ tính CPI của Việt Nam còn rất hạn chế. Vì vậy đặt biên độ đặt ra là +/- 2% cho giai đoạn 5 năm đầu và +/- 1% cho giai đoạn tiếp theo là phù hợp.

Khi lạm phát ở mức sàn 4% cho 5 năm đầu và 3% cho giai đoạn tiếp theo vẫn đảm bảo nền kinh tế đạt mục tiêu tăng trưởng kỳ vọng, Chính phủ có thể thực hiện các giải pháp để tăng lạm phát. Và mức trần lạm phát 8% cho giai đoạn 5 năm đầu và 5%

Biểu đồ 1: GDP và lạm phát từ năm 2000-2012



Nguồn: Tổng cục thống kê

vậy trong giai đoạn ngắn hạn, lạm phát có tác động không nhỏ đến tăng trưởng kinh tế, lạm phát có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Điều này lại đúng theo quan điểm của Keynes trong ngắn hạn.

Khi lạm phát ở mức hai chữ số mức độ tin cậy là 90% số liệu 4 năm theo quý phản ánh tác động rất mạnh theo quan hệ tỷ lệ nghịch với tốc độ tăng trưởng kinh tế ($r = -0.673$). Còn khi lạm phát ở mức một chữ số thì mức độ tin cậy là 74% trong số 12 năm theo quý thể hiện một cách tích cực tới tốc độ tăng trưởng kinh tế ($r = 0.22$).

Như vậy, lạm phát tương tác tỷ lệ thuận

VIỆT NAM VỚI CHU KỲ KINH TẾ

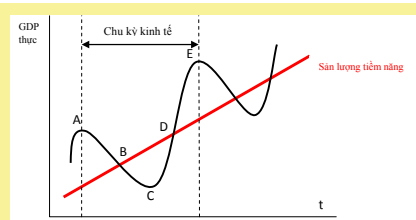
PHAN THỊ THANH THUẬN - K10404B
PHAN VINH LINH GIANG - K11405T

Năm 2008, thế giới rơi vào cuộc khủng hoảng tài chính tồi tệ nhất kể từ Đại suy thoái 1929-1933. Điều kì lạ là cuộc khủng hoảng này đã được dự đoán vào cuối thế kỷ XIX bởi Karl Marx. Tuy nhiên việc nhận ra và ứng phó với khủng hoảng đã không đem lại hiệu quả, khủng hoảng đã lan rộng ra toàn cầu với những hệ lụy nghiêm trọng. Khủng hoảng là giai đoạn tất yếu trong chu kỳ kinh tế nhưng nếu sớm được dự báo, thế giới sẽ chủ động trong việc ứng phó để giảm thiểu thiệt hại, tránh được nguy cơ khiến nền kinh tế rơi xuống đáy vực thẳm đồng thời sớm phục hồi trở lại. Chính vì vậy việc nghiên cứu chu kỳ kinh tế trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Nghiên cứu chu kỳ kinh tế giúp nắm bắt chiều hướng vận động của nền kinh tế, từ đó có thể dự đoán được xu hướng trong tương lai và có cách ứng xử phù hợp trước các biến động kinh tế. Đặc biệt là với một nước có chu kỳ kinh tế nhạy cảm với các biến động kinh tế thế giới như Việt Nam.

1. Khái quát về chu kỳ kinh tế

Chu kỳ kinh tế là chủ đề được nhiều nhà kinh tế cũng như các nhà hoạch định chính sách quan tâm. Chu kỳ kinh tế được xác định dựa vào sự biến động của GDP thực tế xoay quanh sản lượng tiềm năng theo trình tự ba pha lần lượt là hưng thịnh, suy thoái và phục hồi, trong đó các giai đoạn tăng trưởng và suy giảm luân chuyển lẫn nhau không ngừng. Chuỗi các thay đổi này là thường xuyên nhưng không định kỳ. Độ dài của một chu kỳ kinh doanh không xác định được vì các cú sốc trong nền kinh tế không theo quy luật, có thể kéo dài hàng chục năm, có thể chỉ ngắn trong khoảng vài năm. Đường sản lượng thực biểu thị các chu kỳ kinh doanh nối tiếp nhau.

Điểm A biểu thị sự hưng thịnh-đỉnh



Hình 1: Mô tả 1 chu kỳ kinh tế

của một chu kỳ. Thời kỳ suy thoái kéo dài từ B đến C, đáy của nền kinh tế. Sau đó là thời kỳ phục hồi tại D cho đến thời kỳ hưng thịnh tại E- bắt đầu một chu kỳ mới.

Tăng trưởng là giai đoạn được kỳ vọng

và muốn duy trì nhưng việc tối đa hóa sản xuất khiến cho mức giá chung tăng lên gây lạm phát. Giai đoạn suy thoái bắt đầu bằng khủng hoảng-khi tăng trưởng lên đỉnh điểm và bùng nổ. Thông thường những yếu tố gây ra khủng hoảng thường tích tụ lâu dài trước đó, những yếu tố này luôn nảy sinh cùng với sự tăng trưởng kinh tế. Đó có thể là một sự thay đổi về trạng thái nền kinh tế. Suy thoái kinh tế giai đoạn 1945-1947 là một minh chứng. Sau thế chiến thứ hai nền kinh tế chuyển sang thời bình nhưng sản xuất tiếp tục theo đà phục vụ chiến tranh dẫn đến dư thừa sản phẩm. Đến giữa năm 1947 việc cắt giảm sản xuất và tránh dư thừa sản phẩm làm cho nhiều người mất việc làm, giá cả ở Mỹ tăng đột biến dẫn đến lạm phát.

Sự “phá hủy mang tính sáng tạo” cũng là nguyên nhân gây khủng hoảng. Sức mạnh của nó đã góp phần vào suy thoái kinh tế những năm 1957-1958. Đó là sự đổi mới có sức hủy diệt của công nghệ trong giai đoạn này: điện thoại thay thế gần như hoàn toàn ngành điện tín từng đóng vai trò thông tin liên lạc vô cùng quan trọng và đạt thành công lớn; lon thiếc, nhôm thay thế cho lon bằng thép làm mất đi những thị trường lớn của ngành thép dẫn đến sự sụt giảm sản lượng ngành công nghiệp hàng đầu này của Mỹ.

Nguyên nhân phổ biến nhất là chính sách sai lầm của chính phủ. Sai lầm của

chính sách thường được phát hiện chậm trễ và quá muộn để có thể sửa chữa. Bởi phải mất một khoảng thời gian nhất định tác động của chính sách mới biểu hiện rõ ràng, thậm chí chính sách ban đầu tỏ ra hiệu quả nhưng sau đó lại có những tác dụng phụ khó lường. Khủng hoảng tài chính Mỹ cuối thập niên 80 bắt đầu định hình khi chính sách thúc đẩy tăng trưởng của Reagan bước sang năm thứ tư. Mặc dù nền kinh tế vẫn đang tăng trưởng tốt nhưng cũng bộc lộ rõ nét sự bất ổn. Các nhà kinh doanh quỹ tín dụng đã lợi dụng sự bảo lãnh của chính phủ để đầu tư vào các dự án bất động sản, siêu lạm phát đẩy nợ chính phủ tăng gần gấp 3, chỉ số tiêu dùng tăng gấp đôi so với 1986 và sự sụp đổ của ngành tín dụng Mỹ tiếp đó.

Có thể thấy sự khác biệt về nguồn gốc của khủng hoảng trước và sau năm 1990. Trước 1990, khủng hoảng cơ cấu bắt nguồn từ các ngành sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (thép, dầu mỏ,...) biểu hiện ở sự mất cân bằng cung cầu như khủng hoảng thừa (đại khủng hoảng 1929-1933) hoặc khủng hoảng thiếu (khủng hoảng dầu mỏ 1973). Sau 1990, phần lớn khủng hoảng bắt nguồn từ dịch vụ: hệ thống tài chính ngân hàng, bất động sản và rủi ro đạo đức, lòng tin, khủng bố hoặc sự hủy diệt mang tính sáng tạo của công nghệ. Nhưng dù xuất phát từ đâu thì suy thoái cũng về ra bức tranh kinh tế tiêu điều: lạm phát và thất nghiệp tăng, các doanh nghiệp phá

cho giai đoạn 5 năm tiếp theo cũng hàm ý đảm bảo kiểm soát lạm phát thấp trong trung hạn nhưng vẫn kích thích nền kinh tế, Chính phủ lại phải điều tiết giảm phát nếu cần thiết.

Phân tích mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong thời kỳ dài 20-23 năm, lạm phát ảnh hưởng tiêu cực yếu đến nền kinh tế. Tuy nhiên, ảnh hưởng của lạm phát tới tăng trưởng là tích cực hay tiêu cực còn phụ thuộc vào mức lạm phát sử dụng để xác định mối tương quan này. Khi

kiến nghị đặt mục tiêu lạm phát cần đưa về vùng ổn định trong trung hạn 10 năm tới ở mức từ 4-6%, chúng ta cần xác định thời gian thích hợp để có thể thích ứng với biến động của thị trường mà không gây nên các cú sốc cho nền kinh tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Trích dẫn: Báo cáo nghiên cứu RS-02 ‘Lạm phát mục tiêu và hàm ý đối với khuôn khổ chính sách tiền tệ ở Việt Nam’ (Ủy ban kinh tế của Quốc hội và UNDP Việt Nam).

[2]. Frederic S. Mishkin, ‘Strategies for controlling inflation and economic growth’.

[3]. Hồng Nhung (2012), Huy động vốn và cung tiền tăng khá, <http://vneconomy.vn/20120703061434517P0C6/huy-dong-von-va-cung-tien-tang-ka.htm>

[4]. Nguyễn Thị Cảnh, ‘Kinh tế Việt Nam qua các chỉ số phát triển và những tác động của quá trình hội nhập’.

[5]. Thanh Hải (2012), ‘Đề tăng trưởng 6-6,5% thì 6 tháng cuối năm GDP tăng trưởng 7,28-8,18%’, <http://cafe.vn/2012062911392693CA33/de-tang-truong-665-thi-6-thang-cuoi-nam-gdp-tang-truong-728818.chn>

[6]. Võ Hùng Dũng (2012), ‘Các đợt lạm phát từ năm 1986 đến nay’, <http://trithucvn.net/home/sach-hay/37-taichinh/283>

sản, thị trường chứng khoán ảm đạm... Lạm phát luôn là bài toán làm đau đầu các nhà chính sách. Đức trong Thế Chiến I, mức lạm phát trung bình mỗi năm là 1000% và kết quả là đến cuối năm 1923 thì giá cả đã tăng lên...1 tỉ lần. Ngân hàng trung ương nước này đã phải phát hành đồng một trăm tỉ mark. Ngày 15/11/1923, giá một ổ bánh mì là 80 tỉ mark. Hay vụ lạm phát đạt tới hai triệu phần trăm, đồng nghĩa với giá sinh hoạt tăng 20 ngàn lần mỗi năm ở Zimbabwe. Vào 7/2010 một tờ 100 tỉ dollar Zimbabwe chỉ mua nổi... 3 quả trứng gà. Tờ tiền một trăm ngàn tỉ dollar đã được phát hành tại nước này. Vì thế kiểm soát lạm phát là mục tiêu cơ bản nhất đối với sự thịnh vượng lâu bền. Bên cạnh đó, thất nghiệp là vấn đề không kém phần nan giải. Điều đáng nói là sự đánh đổi giữa chúng gây không ít khó khăn cho việc lựa chọn giải pháp thích hợp. Trong cuộc suy thoái thương mại 1958, lựa chọn của Chính phủ Mỹ là phó mặc nạn thất nghiệp để kiểm soát lạm phát. Do không muốn kích thích phát triển kinh tế quá mức họ đã phải chứng kiến nước Mỹ ba lần trải qua suy thoái trong tám năm dưới thời Eisenhower.

2. Phản ứng với chu kỳ kinh tế của các nhà hoạch định chính sách

Có hưng thịnh thì ắt có suy thoái, chu kỳ kinh tế là một hiện tượng khoa học tuần hoàn. Cơ chế xoay quanh điểm cân bằng sẽ tự điều tiết cho hệ thống kinh tế đi đúng trình tự. Nếu cứ cố gắng chạy theo cái lợi trước mắt thì có thể để lại nhiều hậu họa cho tương lai. Rõ ràng không nên chống lại chu kỳ kinh tế. Điều cần thiết là mỗi quốc gia tìm cách để phát triển bền vững trong giai đoạn tăng trưởng và nhanh chóng vượt qua suy thoái. Mặt khác, suy thoái không hoàn toàn là tiêu cực. Nền kinh tế khắc phục những được khiếm khuyết của nó khi vực dậy sau khủng hoảng. Một nền kinh tế thị trường sẽ đem lại sức sống cho chính nó từ bên trong bằng việc loại bỏ các doanh nghiệp cũ và thiếu hiệu quả, sau đó phân phối lại các nguồn lực cho các doanh nghiệp mới năng suất hơn. Đó là sự sáng tạo trong quá trình đào thải của "sự hủy diệt mang tính sáng tạo".

Trải qua khủng hoảng, chính phủ và doanh nghiệp rút ra được những bài học kinh nghiệm để hoàn thiện hơn. Đúng trước suy thoái, việc xác định có hay không sự can thiệp của bàn tay hữu hình luôn khó khăn. "Không làm gì" cũng là biện pháp để nền kinh tế tự hồi phục nhanh chóng. Ngược lại chính sách sai lầm hay sự can thiệp chậm trễ lại làm trầm trọng và kéo dài khủng hoảng hơn. Hầu hết các cuộc khủng hoảng Mỹ đều bị kéo dài và ngày càng nghiêm trọng do những

chính sách sai lầm của chính phủ và FED.

Với căn bệnh mà nền kinh tế mắc phải là sự sụt giảm nhu cầu-chi tiêu và đầu tư chững lại, thì giảm thuế và bơm tiền cho chi tiêu chính phủ là cách giải quyết giúp kích thích tăng trưởng trong thời gian ngắn, tuy nhiên điều đó đồng nghĩa với đẩy lạm phát lên cao, với các hậu quả nặng nề lâu dài. Đó là hành động của chính phủ Mỹ những năm suy thoái 1957-1958 và khủng hoảng 1987. Cụ thể là khi tiêu thụ giảm 1.3%, đầu tư giảm 8% giai đoạn 1957-1958 họ ưu tiên cân bằng ngân sách bằng cắt giảm thuế. Đến khủng hoảng tài chính năm 1987 chính quyền Mỹ chọn giải pháp là đầu tư cho nhân lực; cơ sở hạ tầng công cộng; đầu tư cho công nghiệp; cải cách chương trình chăm sóc sức khỏe.

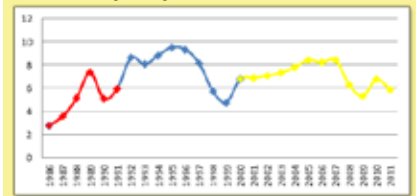
Nếu vấn đề là một cuộc khủng hoảng tồn kho, phản ứng tốt nhất là can thiệp càng ít càng tốt, nếu chúng ta không hoảng loạn, thị trường có thể tự điều chỉnh. Khi xảy ra khủng hoảng, người tiêu dùng sẽ hạn chế chi tiêu. Kéo theo các hệ quả như sản xuất suy giảm, tỷ lệ thất nghiệp tăng, xuất khẩu giảm sút...Tuy nhiên, tiêu dùng là bắt buộc, chỉ có thể giảm chứ không thể ngừng. Một phần nhu cầu của người tiêu dùng vẫn được đáp ứng nhờ lượng hàng tồn kho và sự duy trì sản xuất ở mức vừa đủ. Không ai mạo hiểm mua nhiều hàng hơn, cũng không ai dám sản xuất trên mức đặt hàng. Đến một lúc nào đó, hàng tồn kho sẽ cạn và sản lượng ở dưới mức tiêu dùng, cầu sẽ bằng và vượt cung. Khi đó, sẽ quay lại chu kỳ tăng đơn đặt hàng, nhà sản xuất mua thêm nguyên liệu, tuyển thêm lao động và kinh tế dần dần phục hồi. Bộ Thương mại Mỹ đã đưa ra thống kê cho thấy các công ty Mỹ đã cắt giảm sản xuất, đóng cửa nhà máy, sa thải công nhân khi khủng hoảng bắt đầu giữa năm 2007, nay phải gia tăng sản xuất để đáp ứng nhu cầu hàng hóa và dịch vụ của xã hội.

Khủng hoảng cơ cấu được điều chỉnh bằng thắt chặt chính sách tài khóa và tiền tệ khi nền kinh tế khuếch trương và nói lỏng khi nền kinh tế thu hẹp. Còn khủng hoảng tài chính hiện nay ưu tiên các giải pháp nói lỏng tiền tệ, hy sinh hệ thống ngân hàng để cứu các doanh nghiệp. Thực tế thì khủng hoảng tài chính xảy ra với tác động ngày càng khó dự đoán. Cùng với toàn cầu hóa suy thoái kinh tế với quy mô ngày càng lớn và tác động dây chuyền, lan tỏa trên toàn cầu, các nền kinh tế trên thế giới đều như đang chặt vật tìm lối thoát.

3. Chu kỳ kinh tế của Việt Nam

Việt Nam là nước nhạy cảm với các biến động kinh tế thế giới. Như hầu hết các nước, nền kinh tế Việt Nam biến động theo

Hình 2. Tăng trưởng GDP của Việt Nam (1986-2011).

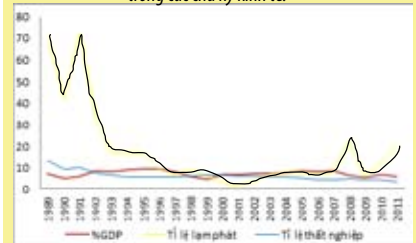


Nguồn: World Bank (<http://data.worldbank.org/>)

chu kỳ. Đặc biệt, từ sau khi mở cửa năm 1986, hoạt động của nền kinh tế đi đúng vào quỹ đạo tự nhiên không bị gò bó từ các chính sách quan liêu, bao cấp.

Theo thống kê từ 1986 đến nay, Việt Nam trải qua ba chu kỳ kinh tế: 1986-1992; 1993-2000; 2000 đến nay. Như vậy, trung bình 9-10 năm nền kinh tế nước

Hình 3. Biểu đồ tăng trưởng với thất nghiệp và lạm phát trong các chu kỳ kinh tế.



Nguồn: World Bank (<http://data.worldbank.org/>)

Tổng cục thống kê và Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội

ta trải qua một chu kỳ. Suy thoái kinh tế do nhiều nguyên nhân nhưng chủ yếu là do tác động từ các cuộc khủng hoảng khu vực và thế giới. Do đó, mức độ và thời gian suy thoái của nước ta phụ thuộc không chỉ vào chính sách của chính phủ mà còn vào quy mô các cuộc khủng hoảng đó.

Có thể thấy sức khỏe nền kinh tế được phản ánh cơ bản qua hai chỉ số là thất nghiệp và lạm phát.

Chu kỳ thứ nhất 1986-1992: Thay da đổi thịt. Đây là giai đoạn chứng kiến một sự lột xác của nền kinh tế Việt Nam. Từ tăng trưởng GDP trung bình chỉ đạt 4.7%, lạm phát ở mức 3 con số, tỷ lệ thất nghiệp 13% vào năm 1989, sang giai đoạn 1994-1995, tốc độ tăng trưởng trung bình của Việt Nam đạt 8.2%. Bước chuyển mình này là nhờ việc thực hiện đổi mới đồng loạt cơ chế và hệ thống quản lý từ kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp, sang cơ chế thị trường. Để vực dậy nền kinh tế từ đáy suy thoái 1989-1990 với mức lạm phát ba con số, Chính phủ đã cắt giảm mạnh nguồn cung ứng tiền mặt, đặc biệt là giảm in tiền và đổi mệnh giá đồng tiền (đổi 1000đ lấy 1đ); tăng nhanh nguồn cung ứng các loại hàng hoá tiêu dùng thiết yếu, nhất là lương thực, thực phẩm và nhu yếu phẩm, thông qua 3 chương trình trọng điểm là: Chương trình sản xuất và chế biến lương

thực, thực phẩm; Chương trình sản xuất hàng hóa tiêu dùng; và Chương trình sản xuất hàng hóa xuất khẩu. Ngoài ra, Việt Nam còn tăng nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng để giảm bớt sự khan hiếm hàng hóa trong nước. Những biện pháp này có tác dụng rất lớn, nhanh chóng giảm bớt tình trạng mất cân đối giữa cung cầu tiền mặt và cung cầu hàng hóa. Với bước tiến này, nền kinh tế khởi sắc và bước vào pha hưng thịnh. Năm 1995, đạt đỉnh tăng trưởng với mức 9.5%, thất nghiệp chỉ còn 5.8%.

Chu kỳ thứ hai 1993-2000: tăng trưởng và thách thức: Thời kỳ 1993-1997, nền kinh tế tăng trưởng vượt bậc, GDP bình quân đạt hơn 9%. Sang giai đoạn 1998-1999, cuốn vào vòng xoáy cuộc khủng hoảng tài chính châu Á, nước ta bước vào pha suy thoái của chu kỳ thứ hai. Tốc độ tăng trưởng kinh tế chỉ còn 5.8% năm 1998 và chạm đáy ở mức 4.8% năm 1999. Thất nghiệp tăng cao ở mức 6.7%. Chính phủ đã áp dụng liệu pháp mạnh thông qua việc thực hiện chế độ lãi suất dương cao, giảm liên tục tỷ lệ tăng trưởng cung tiền tệ sau đỉnh cao năm 1994-1995. Đây là biện pháp có sức hút lớn đối với nguồn tiền gửi, khiến chỉ trong một thời gian ngắn đã có một lượng tiền lớn được gửi vào ngân hàng, với hân nguồn tiền trôi nổi trong lưu thông, nhanh chóng hạ nhiệt cơn sốt lạm phát. Chính sách tài khoá giai đoạn này cũng có xu hướng thắt chặt nhằm kiểm soát lạm phát và ổn định môi trường kinh tế vĩ mô. Thực tế, tuy trong thập kỷ 90, nền kinh tế nước ta tuy có tỷ lệ tăng trưởng cao song không bền vững vì nguồn tích lũy nội địa còn rất thấp; tăng trưởng dựa chủ yếu vào giải phóng sức sản xuất nhỏ và phụ thuộc rất lớn vào đầu tư nước ngoài. Trong khi đó các doanh nghiệp trong nước lại chưa thực sự thích nghi với cơ chế thị trường.

Chu kỳ thứ ba 2000 đến nay: đối mặt: Từ năm 2000, hàng loạt các biện pháp thúc đẩy kinh tế cùng các chính sách cải cách hiệu quả đã làm cho nền kinh tế nhanh chóng phục hồi và phát triển mạnh, đặc biệt là sự ra đời Luật Doanh nghiệp. GDP tăng đều qua các năm và 2007 đạt đỉnh ở mức 8.5%, tỉ lệ thất nghiệp chỉ còn 4.2%. Tuy nhiên, từ năm 2008, kinh tế thế giới bước vào giai đoạn khủng hoảng toàn cầu mà Việt Nam đang chịu rất nhiều ảnh hưởng. Tốc độ tăng trưởng chỉ xoay quanh mức 5-6% và có xu hướng giảm. Việt Nam không chỉ đối mặt với sự suy giảm kinh tế mà cả những yếu kém trong quản lý, điều hành nền kinh tế ngày càng bộc lộ nghiêm trọng. Chính sách thắt chặt tiền tệ được duy trì từ đầu năm 2008 đến nay. Giữa năm 2008, Chính phủ xác định nhiệm vụ trọng tâm là ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm tốt an sinh

xã hội, chấp nhận giảm bớt một phần mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh để đảm bảo tăng trưởng bền vững. Gợi 5 loại biện pháp chống lạm phát bao gồm: Thắt chặt tiền tệ đi đôi với sử dụng linh hoạt các công cụ tiền tệ; mua ngoại tệ dự trữ đi đôi với việc rút tiền VNĐ về phù hợp với từng thời điểm; Thực hiện chính sách tỷ giá đảm bảo giữ ổn định giá trị đồng tiền Việt Nam trên cơ sở khuyến khích xuất khẩu; không để lãi suất âm; củng cố và lành mạnh hóa hệ thống tổ chức tín dụng và các định chế tài chính, kiểm soát cho vay kinh doanh chứng khoán, bất động sản và tiêu dùng. Từ đây đã đưa vào thực hiện 8 nhóm giải pháp lớn bao gồm: 1- Thắt chặt tiền tệ và bảo đảm thanh khoản; 2- Cắt giảm đầu tư và nâng cao hiệu quả chi tiêu công; 3- Tập trung phát triển sản xuất, dịch vụ, cân đối cung cầu hàng hóa, coi đây là giải pháp gốc để kiềm chế lạm phát; 4- Tăng xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu, giảm nhập siêu; 5- Triệt để tiết kiệm sản xuất và tiêu dùng; 6- Tăng cường quản lý thị trường, chống đầu cơ, buôn lậu và gian lận thương mại; 7 - Mở rộng diện thực hiện chính sách an sinh xã hội, ổn định đời sống và sản xuất của nhân dân; 8 - Nâng cao hiệu quả công tác thông tin tuyên truyền. Chủ trương như vậy, nhưng trong thực tế việc thực hiện tỏ ra lúng túng, không đồng bộ với nhau, thậm chí trong một số trường hợp đã có những biện pháp thực thi trái ngược nhau, gây hoang mang, rối loạn thị trường. Các loại biện pháp đã và đang được áp dụng tuy mang lại một số kết quả đáng ghi nhận nhưng mang nặng tính tình thế, chưa cơ bản và dài hạn.

4. Bài học kinh nghiệm trong dự đoán và đối phó với khủng hoảng kinh tế tại Việt Nam

Việt Nam đã và đang nằm trong pha suy thoái của chu kỳ kinh tế mới. Tăng trưởng GDP dù ở mức cao trong khu vực nhưng đã giảm và có xu hướng tiếp tục giảm. Nếu không tìm được hướng đi đúng đắn, nền kinh tế Việt Nam có thể phải chịu nhiều thiệt hại hơn nữa.

Theo như lịch sử chu kỳ kinh tế, Việt Nam thường trải qua pha suy thoái kéo dài khoảng 45 năm, và ngay sau đó là pha phục hồi, hưng thịnh với đà tăng trưởng mạnh. Nếu tính toán như vậy và lấy mốc suy thoái từ năm 2008 thì chúng ta sắp quay trở lại thời kì tăng trưởng cao. Tuy nhiên, tất cả chỉ là so sánh và tính toán một cách phiến diện vì các cuộc khủng hoảng trước đây không thể sánh với khủng hoảng toàn cầu hiện nay và đặc biệt suy thoái kinh tế thế giới vẫn chưa có dấu hiệu chấm dứt. Vì vậy, trong mỗi bước đi chúng ta đều cần có sự linh hoạt và luôn rút ra những bài học từ thực tế.

Cũng như các quốc gia khác, chính sách của nước ta hướng đến giải bài toán kinh điển là dung hòa giữa lạm phát và thất nghiệp. Sự gia tăng của lạm phát hay thất nghiệp là một biểu hiện tiêu cực cũng là dấu hiệu thông báo rằng có thể nền kinh tế đang đi lệch quỹ đạo. Nhiệm vụ của chúng ta là sớm nhận ra tín hiệu đó và kịp thời bắt bệnh, kê đơn cho nền kinh tế. Không nên chủ quan trước bất kỳ biểu hiện bất thường nào. Khi suy thoái kinh tế đã kết thúc, tiến trình hồi phục thường phải kéo dài rất nhiều năm. Nên ngay trong khủng hoảng việc đánh giá chính xác tình hình để làm cơ sở xây dựng chiến lược nguồn nhân lực với doanh nghiệp, với chính quyền có giá trị quyết định tới khả năng vượt qua khủng hoảng và phát triển. Với người lao động, việc làm càng dễ mất đi, thì công việc mới càng dễ sinh ra. Không phải bao giờ thất nghiệp cũng có hại. Nếu không có thất nghiệp doanh nghiệp không thực hiện được việc tái cơ cấu tổ chức... Vấn đề chính là ổn định mức tỷ lệ thất nghiệp bao nhiêu để xã hội không bị biến động và kinh tế tăng trưởng. Theo 1 số lý thuyết kinh tế thì tỷ lệ thất nghiệp tối ưu là từ 4-5%.

Lạm phát đã kéo dài ở mức khá cao từ năm 2004 và có thể hơn nếu không có các biện pháp giảm tín dụng. Giá tăng có một phần nhỏ là từ tăng giá nguyên nhiên liệu. Một phần do bơm tín dụng cho một số tập đoàn lớn hoạt động không hiệu quả. Hướng giải quyết của Việt Nam là từ từ nhưng cương quyết chấm dứt lạm phát. Lạm phát giảm là cơ sở chắc chắn để giảm lãi suất. Như vậy chính sách hành động của Việt Nam không thể giống các nước khác. Nếu muốn giảm tỷ lệ thất nghiệp, tăng trưởng kinh tế thì nên đưa luồng tín dụng vào khu vực tư nhân vừa và nhỏ một cách chọn lọc.

Đa số doanh nghiệp Việt Nam thuộc loại vừa và nhỏ. Các doanh nghiệp này có thể đóng vai trò như một hàn thủ biểu đối với các thay đổi mang tính chu kỳ, nên việc tiến hành điều tra cả xu thế ngắn hạn và trung hạn của các doanh nghiệp vừa và nhỏ có tầm quan trọng đặc biệt. Việc đầu tư hay đúng hơn là kích cầu nhằm vào các doanh nghiệp vừa và nhỏ là trọng tâm đã được xác định. Việc "bơm vốn" và áp dụng các chính sách ưu đãi cho khu vực này trước hết là nhằm kích thích sản xuất, từ đó tạo ra việc làm. Ngoài ra, kích cầu bằng việc đầu tư vào phát triển và hoàn thiện cơ sở hạ tầng đang được đánh giá là giải pháp tối ưu. Việc đẩy nhanh tiến độ các công trình đang thi công và làm mới, cải tạo, nâng cấp các công trình đã xuống cấp trên phạm vi rộng không chỉ giải

Xem tiếp trang 50

NHỮNG TÂM THẺ BIẾT



Cùng với sự phát triển của xã hội và tiến bộ của khoa học công nghệ, nhu cầu con người ngày càng được nâng cao. Thanh toán không dùng tiền mặt ngày càng được nhiều quốc gia khuyến khích sử dụng, đặc biệt trong các giao dịch có giá trị và khối lượng lớn. Những chiếc thẻ ngân hàng (NH) với nhiều tính năng vượt trội đã trở thành "công cụ thanh toán văn minh", an toàn, tiết kiệm thời gian đối với mọi người ngày nay. Bài viết dưới đây nhằm cung cấp cho độc giả thông tin về thực trạng sử dụng và phát hành thẻ (số lượng thẻ, thương hiệu và số NH phát hành thẻ, doanh thu thanh toán (DTTT) thẻ,...), các bất cập tồn tại trên thị trường (về thu phí, "thẻ chết"...). Sau đó, chúng tôi đưa ra các giải pháp khắc phục những bất cập đang tồn tại và phát triển hơn nữa thị trường thẻ Việt Nam.

Về thương hiệu và số NH phát

hành thẻ: Tính đến ngày 30/6/2011, gần 50% các NH thương mại hoạt động trên thị trường Việt Nam đều tham gia phát hành thẻ và đã giới thiệu ra thị trường hơn 200 thương hiệu thẻ khác nhau với nhiều tính năng thuận lợi, hiện đại. Cùng với quá trình phát hành các loại thẻ nội địa chủ yếu giao dịch tại hệ thống ATM, một số NH lớn như Vietcombank, Techcombank, ACB, Sacombank... đã tiên phong dẫn đầu phát triển các dịch vụ thẻ đáp ứng nhu cầu giao dịch quốc tế. Với dân số hiện nay khoảng 90 triệu người trong khi đó chỉ có gần 40 triệu thẻ được phát hành, thị trường thẻ Việt Nam đã và đang tạo ra nhiều cơ hội tốt để các NH đẩy mạnh đầu tư, cạnh tranh phát triển nhằm đáp ứng các mục tiêu phát triển chiến lược trong thời gian sắp tới.

Về doanh thu thanh toán (DTTT)

thẻ: DTTT thẻ của các NH đã không ngừng gia tăng qua các năm. Trong sáu tháng đầu năm 2011, toàn thị trường đạt gần 750 triệu USD, cao gấp 1.5 lần so với cả năm 2006; tổng DTTT thẻ nội địa tại các đơn vị chấp nhận thẻ (ĐVCNT) đã đạt gần 1,000 tỷ VND. DTTT thẻ tín dụng quốc tế do các NH thương mại Việt Nam phát hành khoảng 230 tỷ VND/năm. Đến ngày 31/12/2011, DTTT thẻ quốc tế tại ĐVCNT ước tính đạt 1.5 tỷ USD, tại ATM đạt 1.2 tỷ USD. Mặc dù có sự phát triển hàng năm nhưng doanh số chỉ tiêu thẻ tại thị trường trong nước vẫn còn chiếm tỷ lệ quá nhỏ so với

ÁI NHI MINH NHƯ THÚY ANH PHƯƠNG DUNG
K10404T K10402T K10404T K11404T

1. Lý thuyết về thẻ Ngân hàng và tổng quan thị trường thẻ Việt Nam:

1.1 Giới thiệu về dịch vụ thẻ Ngân hàng:

Thẻ NH là công cụ thanh toán do NH phát hành cấp cho khách hàng (KH) sử dụng theo hợp đồng ký kết giữa NH phát hành thẻ và chủ thẻ. Khi mất thẻ, KH vẫn giữ được tiền nếu thông báo kịp thời cho NH phát hành thẻ. Đây thực sự là phương tiện thanh toán đem lại hiệu quả kinh tế cho người tiêu dùng do không phải mang theo một lượng lớn tiền mặt, đối phó với rủi ro bị mất tiền và giúp giảm chi phí, tạo sự thuận lợi trong quản lý của các NH.

Có 2 loại thẻ thanh toán đang sử dụng phổ biến trên thế giới là thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ. Ngoài 2 loại thẻ nói trên, hiện nay nhiều NH còn liên kết với các doanh nghiệp để phát hành thẻ liên kết vừa mang chức năng thẻ NH vừa là thẻ KH thân thiết của đơn vị liên kết.

1.2 Các chính sách liên quan:

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) vừa ban hành Thông tư 09/2012/TT-NHNN quy định về việc đẩy mạnh phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt để giải ngân vốn vay của các tổ chức tín dụng. Trước đó Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định 2453/QĐ-TTg ngày 27/12/2011 phê duyệt Đề án đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2011-2015. Có thể thấy thẻ ngân hàng đã trở nên ngày càng cần thiết trong cuộc sống của người dân và được Chính phủ đề cập đến và đưa ra các mục tiêu cụ thể về giảm tỷ lệ tiền mặt.

1.3 Thị trường thẻ Việt Nam:

Trong khoảng 5 năm trở lại đây, thanh toán bằng thẻ NH đang trở thành "điểm nhấn" chủ yếu trong công tác triển khai hoạt động thị trường không dùng tiền mặt (TTKDTM) trong nền kinh tế nước ta. Hiện nay, thị trường thẻ Việt Nam đã có sự phát triển vượt bậc cả về hoạt động thanh toán và phát hành thẻ, số lượng các NH tham gia cung ứng dịch vụ thẻ ngày càng gia tăng với việc cho ra đời hàng loạt các sản phẩm thẻ hiện đại, nhiều tính năng, đáp ứng nhu cầu của KH.

Về số lượng thẻ: Tính đến 30/6/2011, số lượng thẻ tăng gấp 7 lần so với năm 2006, trong đó thẻ ghi nợ nội địa chiếm gần 89% (32.4 triệu thẻ), tổng số thẻ quốc tế đạt trên 2.2 triệu thẻ, trong đó có hơn 1.35 triệu thẻ ghi nợ quốc tế và 800 nghìn thẻ tín dụng quốc tế. Thẻ trả trước cũng xuất hiện trong một

Bảng 1. Số lượng thẻ phát hành và số NH phát hành thẻ 2006-2011

STT	Năm	Số NH phát hành thẻ (Lũy kế)	Số thương hiệu phát hành thẻ (lũy kế)	Tổng số thẻ phát hành (triệu thẻ lũy kế)
1	2006	17	70	5.1
2	2007	22	95	9.34
3	2008	25	160	15.03
4	2009	34	210	22
5	2010	39	234	31.7
6	30/6/2011	41	240	36.53

(Nguồn: Báo cáo của Hội thẻ NH Việt Nam)

vài năm gần đây với số lượng gần 1.03 triệu thẻ, chiếm 2.8% tổng số thẻ toàn thị trường. Tuy số lượng thẻ phát hành ngày càng tăng nhưng chủ yếu là thẻ ghi nợ nội địa, số lượng thẻ tín dụng nội địa và thẻ quốc tế vẫn còn hạn chế. Số lượng "thẻ chết" chiếm khoảng 20- 30% năm 2006 tới năm 2011 vẫn tăng lên gấp bội chiếm khoảng 50%, các ông vượng trong phát hành thẻ như Agribank hay Vietcombank cũng có tỉ lệ thẻ chết lần lượt là 15%, 20%.

doanh số chi tiêu thẻ tín dụng ở thị trường nước ngoài. Số lượng thẻ phát hành và đối tượng sử dụng thẻ các NH thương mại Việt Nam thời gian qua có tăng (200-300%/năm) nhưng so với tiềm năng còn hạn chế.

Về việc phát triển hệ thống thanh toán, mạng lưới ĐVCNT máy POS: Nếu năm 2006, cả thị trường mới có hơn 11,000 máy POS thì đến 30/6/2011, con số đó đã tăng gần 6 lần. Toàn thị trường đã có gần 13,000 máy ATM, tăng hơn 4 lần so với năm 2006. Bên cạnh việc gia tăng về số lượng máy POS, các NH đã rất tích cực trong việc mở rộng phạm vi các điểm lắp đặt mạng lưới chấp nhận thẻ. Đến thời điểm hiện tại, mạng lưới thanh toán thẻ Việt Nam sẵn sàng chấp nhận thanh toán các thẻ mang thương hiệu Visa, MasterCard, American Express, JCB, Diners Club, CUP và DiscoverCard là các thương hiệu thẻ hàng đầu và phổ biến nhất trên thế giới hiện nay.

Nhìn chung tại Việt Nam thẻ ghi nợ chiếm đa số thị trường thẻ (hơn 324 triệu thẻ tính đến 6/2011), thẻ ghi nợ nội địa đã nâng cao nhận thức người dân về phương tiện thanh toán thẻ hiện đại, qua đó góp phần đẩy mạnh hoạt động TTKDTM trong dân cư. Trong những năm gần đây, thị trường thẻ Việt Nam có những biến đổi tích cực. Tuy nhiên, theo Hội Thẻ NH Việt Nam, nếu so với tiềm năng và yêu cầu phát triển thì thị trường thẻ Việt Nam vẫn còn ở mức phát triển hạn chế, nhất là về chất lượng của các dịch vụ, tiện ích của sản phẩm và chưa đem lại hiệu quả cao trong kinh doanh cho các tổ chức tham gia cung ứng dịch vụ. Vấn đề đặt ra là các NH còn phải làm rất nhiều để tiếp tục khai phá thị trường đầy tiềm năng này.

2. Những bất cập tồn tại trong thị trường thẻ hiện nay:

Đầu tiên, về phía NH, do chạy đua theo doanh số phát hành thẻ mà không tập trung giới thiệu, khai thác các tiện ích thẻ cho KH khiến nhiều KH nghĩ thẻ chỉ có chức năng rút tiền mà không có chức năng gì mới. Thứ hai chính từ những máy POS chỉ tập trung hầu hết ở các trung tâm thương mại và khu vực thành phố lớn, khá ít máy POS ở khu vực giao dịch lẻ, hàng hóa dành cho thu nhập thấp và trung bình



ngoài BigC, Co.op Mart hay METRO trong khi mức thu nhập của người Việt Nam hiện nay còn khá thấp và trên 50% người dân Việt Nam sống tại khu vực nông thôn không có điều kiện tiếp cận. Thứ ba, ba nhà cung cấp dịch vụ NH thường xuyên xảy ra lỗi (tỉ lệ lỗi tại Banknet là 29%, tại Smartlink là 20% và còn VNBC là 19%, năm 2010). Thứ tư, do NH thường không nói rõ địa điểm đặt máy POS, khiến KH cảm giác bị động khi mua hàng nên tốt nhất mang theo tiền mặt để thanh toán chủ động hơn. Và cuối cùng, về những **điều khoản thẻ NH** khi làm thẻ, nhìn vào bảng chi phí khiến KH không khỏi choáng ngợp vì hầu hết thẻ tín dụng, ghi nợ, đặc biệt là thẻ quốc tế áp dụng rất nhiều loại phí, đặc biệt khi thanh toán sau thời gian cho phép hay ứng tiền quá mức hạn thường bị tính lãi suất khá cao lên trung bình trên 20%/năm. Riêng về thẻ tín dụng mà rộng rãi hiện nay là thẻ tín dụng quốc tế: điều kiện làm thẻ yêu cầu thẻ chấp nhà cửa, cầm cố sổ tiết kiệm làm bảo đảm hay yêu cầu mức lương tối thiểu từ 4-5 triệu đồng/tháng tùy theo khu vực là không phù hợp với điều kiện thực tế của người dân Việt Nam hiện nay. Thu nhập bình quân đầu người Việt Nam chỉ khoảng từ 2-3 triệu đồng, trong khi đó ngôi nhà là điều thiêng liêng của mỗi gia đình nên với những điều kiện như trên, phần lớn người dân đều không mặn mà với việc làm thẻ.

Không phải chỉ có các NH mắc lỗi mà người tiêu dùng cũng góp phần không ít trong việc hạn chế hệ thống phát triển của thị trường thẻ nước ta. Đa phần KH hiện nay không nắm rõ công dụng của thẻ dẫn đến tình trạng không sử dụng hoặc sử dụng rất ít. Ngoài ra, dù hiện nay dịch vụ thẻ thanh toán rất đa dạng như thanh toán mua hàng trực tuyến online qua mạng tại các trang Muachung, Muanhanh... nhưng người tiêu dùng vẫn chưa quen với dịch vụ này. Sự lo ngại rủi ro khiến KH khó thay đổi thói quen mua sắm thông thường. Số KH vẫn thường xuyên sử dụng tiền mặt lên tới trên 80%. Vậy nên, hầu hết người

dân Việt Nam hiện nay có nhu cầu làm thẻ thường tập trung vào nhóm thẻ ghi nợ nội địa từ phía NH phát hành.

Riêng vấn đề “thẻ chết” ngoài sự phát triển thẻ ồ ạt bằng những cách NH phát hành miễn phí, số dư tài khoản bắt buộc tài khoản hiện nay tối đa chỉ 50,000 đồng khiến KH đua nhau làm nhưng không biết dùng làm gì, số dư nhỏ không đủ sức giữ chân người tiêu dùng, đồng thời vấn đề thu phí ngoại mạng khiến KH ưa chuộng sử dụng thẻ mình đã và đang sử dụng hơn là chuyển sang sử dụng thẻ của NH khác.

3. Giải pháp khơi thông kênh phát triển của thị trường thẻ

Về phía NH: Các NH cần có thái độ quan tâm hơn, cung cấp đầy đủ thông tin, lợi ích của những hình thức thanh toán và địa điểm thanh toán hiện nay đối với KH. Đa dạng hóa các loại thẻ theo dịch vụ thanh toán (gần đây nhất là thẻ tín dụng nội địa), theo tầng lớp người sử dụng (thẻ sinh, sinh viên, công nhân, CNCNV,...) phù hợp với điều kiện của mỗi nhóm KH như Trung Quốc đã áp dụng và mang lại hiệu quả rõ rệt. Đồng thời có chính sách khuyến mãi như tiêu dùng tích điểm thưởng thanh toán, chính sách ưu đãi cho KH thân thuộc, KH có mức tiêu dùng cao, lên hạng thẻ.... để giữ chân được nhóm KH đã và đang sử dụng, thu hút thêm được nhóm KH mới.

Ngoài ra, vùng sử dụng hệ thống máy POS cũng cần được mở rộng, phát triển về hàng hóa dịch vụ, cửa hàng khu mua sắm mới, những chi nhánh mới của sản phẩm hàng hóa dịch vụ đã có. Về loại thẻ thay vì chỉ mình thẻ tín dụng quốc tế sử dụng được, cần mở rộng cho những thẻ khác có thể thanh toán được mà cụ thể hiện nay là thẻ ghi nợ nội địa, mở rộng mạng lưới kết nối thanh toán với ngân hàng khác, nhà cung cấp dịch vụ như VISA, Master... giảm bớt chi phí và lỗi giao dịch trong thanh toán. Thí điểm những địa điểm chỉ thanh toán bằng thẻ - “không tiền mặt” tạo điều

Bảng 2. Biểu phí một số NH đối với thẻ tín dụng quốc tế hạng Chuẩn

	TCB	VCB	HSBC	ANZ	STB	ACB
Phí thường niên	300	100	300	350	299	300
Phí rút tiền mặt (so với STGD)	4%	4%	4%	4%	4%	4%
Chuyển đổi ngoại tệ (so với STGD)	2.39%	2%	3.5%	3.5%	3%	
Bản sao hóa đơn giao dịch	80	20-80	100-165	80	100	20-80
Thay đổi mức hạn tín dụng	100	50	100	100	100	30
Chậm thanh toán xử lý GD (so với tiền chậm thanh toán) (%/tháng)	4%	3%	4%	4%	6%	3.22%
Phí vượt quá hạn mức (% tính theo năm)	26.8	8-15	xxx	31.8	27.37	27.37

Nguồn: Tổng hợp từ bảng phí trên website các NH

Vậy để phát triển thị trường thể, cần có sự tích cực chủ động từ phía NH với sự góp sức của Chính phủ trong đẩy mạnh phát triển đồng bộ với định hướng từ NH và Nhà nước ta đồng thời là hợp sức của người dân trong việc nâng cao mức sống nhân dân và thói quen tiêu dùng.

1. Hải Yến (2010), Ngân hàng đưa phát hành thẻ tín dụng dân thờ ơ, <http://vietstock.vn/2012/05/ngan-hang-dua-phat-hanh-the-tin-dung-dan-tho-o-477-165684.htm>
2. Minh Anh (2011), Thị trường thẻ Việt Nam màu mỡ đi liền rủi ro, <http://vneconomy.vn/2011122309128337P0C6/thi-truong-the-tai-viet-nam-mau-mo-di-lien-rui-ro.htm>
3. Thái Phương (2011), Ngập thẻ ATM rác, <http://nld.com.vn/20110704104017742p0c1014/ngap-the-atm-rac.htm>
4. Thế Vinh (2009), Vì sao thẻ tín dụng ít người sử dụng, <http://www.baomoi.com/Vi-sao-the-tin-dung-it-nguoi-dung/126/4603557.epi>
5. Thùy Vinh – Song Linh (2006), Thẻ Ngân hàng chết, <http://vnexpress.net/gl/kinh-doanh/2006/05/03b9e97fd/>
6. Trần An (2012), Thị trường Thẻ ATM còn nhiều nghịch lý, http://nif.mof.gov.vn/portal/page/portal/nif/Newsdetail?p_page_id=1&pers_id=42972397&item_id=57503926&p_details=1

hệ thống sổ cái, quy trình giao dịch, hệ thống tiền gửi và cho vay và báo cáo hệ thống thông tin quản trị doanh nghiệp (MIS) cơ bản. Hầu hết các hệ thống Core banking hiện đại đều hoạt động 24/7 để cung cấp những hoạt động giao dịch thông qua ATM, Internet, điện thoại....

Lợi ích hiệu suất dễ nhìn thấy nhất là việc quản lý nội bộ chặt chẽ, hiệu quả hơn, hạch toán sổ sách chúng từ kế toán thuận tiện hơn nhờ tính tự động hóa cao. Core banking hiện đại giảm thiểu hạch toán thủ công như nghiệp vụ dự thu, dự chi, quy đổi,... Cán bộ kế toán các đơn vị chỉ kiểm tra và đối chiếu định kỳ số tổng phát sinh trên tài khoản kế toán với số chi tiết phát sinh ở các nghiệp vụ, mà không phải thực hiện hạch toán thủ công như trước đây. Với toàn bộ hệ thống dữ liệu khách hàng và giao dịch được quản lý tập trung, thuận tiện cho việc khai thác thông tin, Core banking giúp NH quản trị và kiểm soát rủi ro tốt hơn, bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro tác nghiệp... Bên cạnh đó, tốc độ giao dịch trên hệ thống Core mới nhanh hơn với các số liệu chính xác, bảo mật, giúp NH phục vụ tốt hơn khách hàng của mình, nâng cao việc quản lý tài khoản khách hàng và cung cấp dịch vụ khách hàng. Đặc biệt, Core banking đem lại tính linh hoạt cho NH trong việc xây dựng sự đa dạng hóa sản phẩm phù hợp cho các đối tượng khách hàng khác nhau, thêm vào những sản phẩm kinh doanh mới và giới thiệu chúng đến khách hàng một cách nhanh chóng, rộng rãi.

CORE BANKING

HẠT NHÂN HỆ THỐNG THÔNG TIN NGÂN HÀNG

NGUYỄN THỊ THU BA

K09404A

"Xác định công nghệ thông tin là một trong những chìa khóa then chốt để cạnh tranh nhằm đưa tới cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ ưu việt nhất, với thời gian đưa sản phẩm, dịch vụ mới ra thị trường nhanh nhất thì việc chọn lựa sản phẩm Core banking hiện đại là việc bắt buộc để thực hiện chiến lược này." - một thành viên Hội đồng quản trị ABBank đã phát biểu. Như vậy, Core banking là gì? Nó đem lại những lợi ích cũng như có những mặt hạn chế nào? Ở Việt Nam hệ thống Core banking đã, đang và sẽ hoạt động như thế nào?

Về phía khách hàng, Core banking giúp đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ: internet banking, phone banking, SMS banking, ATM... Với Core banking hiện đại, khách hàng không phải đợi hàng ngày hay hàng tuần để giao dịch được ghi nhận và hoàn thành. Trước đây, khi các NH chưa có Core hiện đại hoặc dùng Core lỗi thời, việc quản lý khách hàng rất rườm rà và vô cùng bất tiện cho khách hàng. Tiền gửi ở đâu, phải đến đó rút, không thể rút ở điểm giao dịch khác, mặc dù các điểm này đều trong cùng một hệ thống NH. Thậm chí khách hàng muốn giao dịch ở bao nhiêu điểm thì phải mở bấy nhiêu tài khoản. Core banking hiện đại đã có được một cơ sở dữ liệu khách hàng tập trung, theo đó mỗi khách hàng chỉ cần có một mã duy nhất ở NH là có thể giao dịch tại nhiều chi nhánh khác nhau, tiếp cận với hầu hết tất cả các sản phẩm dịch vụ, và ở bất cứ điểm giao dịch trong cùng hoặc không cùng một hệ thống.

3. Thách thức và yêu cầu đối với NH Việt Nam khi sử dụng Core banking

Bên cạnh việc thừa nhận những lợi ích của Core banking, không thể không phủ nhận những thách thức cũng như bất cập của hệ thống này mang lại. Ở đây chỉ xem xét đối với hệ thống NH Việt Nam.

Đầu tiên, các NH phải có một bộ phận nghiên cứu để chọn cho NH mình hệ thống Core banking phù hợp, đáp ứng yêu cầu của NH đồng thời chi phí nâng cấp, lắp đặt và sử dụng nằm trong giới hạn ngân sách cho phép của ban điều hành và quản lý.

Nhìn sang các NH nước ngoài như ANZ, HSBC,... có thể thấy họ được trang bị hệ thống Core banking cực kì hiện đại do họ mang từ công ty mẹ sang. Tuy nhiên, đối với những NH trong nước các giải pháp của nước ngoài có chi phí cao và không phải NH nào cũng có khả năng chi trả cho một hệ thống Core hiện đại.

Sau khi nhìn nhận quá trình này ở góc độ công nghệ thông tin để chọn nhà cung cấp, NH cần phải đứng trên phương diện tổ chức để triển khai ứng dụng Core banking cho toàn hệ thống NH, điều này sẽ phụ thuộc rất lớn vào vốn và kinh nghiệm, đội ngũ nhân lực của mỗi NH. Ngoài việc đòi hỏi một lượng vốn lớn để đầu tư triển khai Core banking thì mỗi NH phải tự "làm mới" mình. Phải cải tổ toàn bộ hoạt động từ tổ chức, đào tạo người, quy trình làm việc, và đó thực sự là quá trình khó khăn, mệt mỏi. Để phát huy hết tính năng và hiệu quả của công nghệ thì trong mỗi NH từ giám đốc, phòng ban đến nhân viên phải thay đổi lễ thói, quy trình làm việc, tầm nhìn chiến lược và sản phẩm dịch vụ.

Xét trên tổng thể, từ mạng lưới chi nhánh đến mạng lưới cung cấp dịch vụ, hệ thống mạng diện rộng, mạng cục bộ, hệ thống Core banking, bảo mật... các NH đều có nhưng hầu hết lại thiếu một thiết kế tổng thể giữa chúng. NH khi đã có hệ thống công nghệ tốt đương nhiên muốn triển khai nhiều dịch vụ để thu hút thêm nhiều khách hàng. Nhưng cả hệ thống nếu không thống nhất từ đầu thì khi có sự cố, việc quản trị sẽ rất khó khăn, tốn thời gian và chi phí.

Thách thức cạnh tranh lớn nhất của

NH Việt Nam khi hội nhập là chất lượng dịch vụ. So với NH quốc tế, NH Việt Nam có thể cung cấp các dịch vụ tương đương như Internetbanking, Telephonebanking,... nhưng vấn đề quản trị chất lượng dịch vụ của các hệ thống không phải đơn giản. Hầu hết NH Việt Nam hiện nay chỉ quan tâm sao cho có dịch vụ, chứ chưa tập trung vào duy trì và duy trì tốt các dịch vụ đó.

Hệ thống Core banking mới phải thỏa mãn yêu cầu quản lý của NH nhà nước (NHNN). Trong khi đó, quy trình nghiệp vụ theo quy định của NHNN nhiều lúc không tương thích với hệ thống Core banking của các NH, nhất là các NH nước ngoài. Ví dụ khi phân loại tài khoản, có những loại thì phân loại theo tiền, có những loại thì gộp chung. Với hệ thống tài khoản nước ngoài là đa tệ và chỉ cần một tài khoản có thể áp dụng với nhiều ngoại tệ khác nhau, nhưng ở Việt Nam, hệ thống tài khoản, mẫu báo cáo thường thay đổi và các Core banking nước ngoài rất khó đáp ứng.

Bên cạnh đó, việc lựa chọn giải pháp Core banking nào cũng làm nhiều NH đau đầu. Trong quá trình hội nhập, các NH giờ đây cần phải chỉnh lại các quy trình nghiệp vụ và dịch vụ cung cấp cho các khách hàng theo quy chuẩn quốc tế, để từ đó triển khai ứng dụng các giải pháp công nghệ thông tin. Nhìn sang các NH nước ngoài như ANZ, HSBC,... có thể thấy họ được trang bị hệ thống Core banking cực kì hiện đại do họ mang từ công ty mẹ sang. Tuy nhiên, đối với những NH trong nước các giải pháp của nước ngoài có chi phí cao và không phải NH nào cũng có khả năng chi

trả cho một hệ thống Core hiện đại.

Hơn nữa, trong bối cảnh ở Việt Nam đó là thói quen sử dụng tiền mặt rất phổ biến, cộng với hệ thống hạ tầng chưa tốt nên dù các NH rất mong muốn phát triển mạnh sản phẩm dịch vụ nhưng điều này gặp vô vàng khó khăn. Ngoài ra, việc áp dụng và thi hành hệ thống này cũng mất khá nhiều thời gian.

4. Tình hình triển khai và sử dụng Core banking ở Việt Nam, xu hướng phát triển công nghệ thông tin ngành NH

Năm 1998 các NH bắt đầu triển khai sử dụng Core banking. Hiện nay trên 90% NH đã triển khai Core banking với nhiều nhà cung cấp và loại sản phẩm khác nhau. Trong đó, dẫn đầu thị phần ở Việt Nam là T24 - hệ thống Core banking của công ty Temenos, Thụy Sĩ - công ty phần mềm hàng đầu trong lĩnh vực tài chính - NH, chiếm 27% toàn thị phần; tiếp đến là Flex Cube (I-Flex) 19%; TCBS (OSI-Open Solutions Incorporation), Symbol System và Smart Bank (FPT) cùng chiếm 8.1%; MicroBank 5.4%; các sản phẩm khác (Siba, Bank 2000, Hyundai, Sylverlake,...) chiếm 24.3%..

Nói về T24, đây là công nghệ NH mới, hỗ trợ cho việc triển khai các sản phẩm, dịch vụ NH hiện đại. Hệ thống này đã được sử dụng ở hơn 400 NH trên khắp thế giới, tại Việt Nam có Techcombank, SEAbank, BaoViet, G-bank,... sử dụng nó. T24 có thể tự động hóa các lịch trình công việc, cho phép phản hồi nhanh các yêu cầu của khách hàng. Techcombank là NH đầu tiên sử dụng giải pháp này. Năm 2001, Techcombank đã đầu tư gần 20 tỷ đồng, tương đương 20% vốn điều lệ NH mới tăng từ 80,020 tỷ đồng lên 102,345 tỷ đồng cho T24. Ở thời điểm đó, chỉ những NH lớn nhất Việt Nam và được World Bank tài trợ để tham gia dự án hiện đại hoá hệ thống NH mới dám "làm Core banking". Tuy nhiên, phần mềm Core banking mà họ triển khai là Silverlake của Malaysia, có giá rẻ hơn nhiều so với của Temenos. Nhu cầu khi triển khai hệ thống này lúc đó mới giới hạn ở mức phục vụ cho việc xây dựng các báo cáo của NH nên ít ai muốn mạo hiểm đầu tư lớn cho một hệ thống chưa thực sự chứng minh được hiệu quả trong thực tiễn hoạt động NH ở Việt Nam.

Chỉ sau hơn hai năm triển khai hệ thống, Techcombank đã khẳng định được đẳng cấp về công nghệ trên thị trường khi thẻ ATM của NH này là thẻ ATM Việt Nam đầu tiên kết nối ngay lập tức với tài khoản tiền gửi của khách hàng trong khi khách hàng dùng dịch vụ ATM của NH khác phải mở cả tài khoản tiền gửi và tài khoản ATM. Tiếp đó, một loạt các dịch vụ

của Techcombank trở thành những dịch vụ, sản phẩm đầu tiên tại Việt Nam nhờ có hệ thống Core banking hiện đại này, như internet banking toàn diện, thanh toán bằng tin nhắn trên điện thoại di động, tài khoản tiết kiệm đa năng,... Tiếp tục chiến lược đầu tư sâu vào công nghệ để tạo ra những sản phẩm thể mạnh, Techcombank khai trương phần mềm chuyển mạch và quản lý thẻ của Compass Plus, nâng cấp hệ thống phần mềm Globus của Temenos.

NH thương mại cổ phần Á Châu (ACB), một trong hai NH đầu tiên ứng dụng công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống từ những năm cuối thập niên 1990, đã tạo được nhiều phương cách tương tác với khách hàng và tương tác với các kênh thông tin trong hệ thống nhờ Core banking. Cơ sở dữ liệu tập trung trên hệ thống Core banking chính là nền tảng quan trọng để ACB triển khai các kênh giao dịch hiện đại. Cuối tháng 5 vừa qua ACB đã triển khai dịch vụ mới ACB online - Mobile Service dành cho tất cả các khách hàng cá nhân, giúp khách hàng giao dịch với ACB mọi lúc mọi nơi thông qua các thiết bị ngoại vi cầm tay như điện thoại di động, máy tính bảng có kết nối internet. Mới đây, ACB vừa đề xuất với Tổng cục hải quan để tham gia chương trình phối hợp thu ngân sách nhà nước (NSNN). Một trong những điều kiện đầu tiên để ACB được đăng ký tham gia phối hợp thu NSNN với Kho bạc nhà nước và cơ quan thu đó là ACB đã tiến hành cải cách, hiện đại hóa và triển khai hệ thống Core banking, đồng thời có phần mềm thu NSNN tích hợp với Core banking. Qua đó, có thể thấy ứng dụng của Core banking là rất đa dạng.

Nhưng một thực tế vẫn tồn tại đó là việc triển khai Core banking tại các NH Việt Nam hiện nay gặp rất nhiều khó khăn và quản lý không đồng đều. Có NH ứng dụng công nghệ thông tin ở mức thấp - chi phí khoảng 200 ngàn đến dưới 500 ngàn USD - chủ yếu để giải quyết các nghiệp vụ và giao dịch bình thường. Có NH ứng dụng công nghệ ở mức độ cao - chi phí trên 5 triệu USD nhưng chưa sử dụng hết các tính năng.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của ngành NH Việt Nam trong năm 2012 là nâng cao năng lực quản trị kinh doanh và chất lượng dịch vụ. NH muốn mở rộng và trang bị một hệ thống tự động đầy đủ chức năng không khó về mặt công nghệ, cái chính là sự chấp nhận từ phía khách hàng. Trong thời gian tới, hệ thống NH vẫn sẽ tiếp tục xu hướng đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt bằng cách áp dụng rộng rãi các phương thức chuyển khoản, thanh toán bằng thẻ, phần đầu đưa tỷ lệ tiền mặt trong tổng thanh toán xuống còn 11% vào năm 2015. Đồng thời,

đa dạng hóa tiện ích, nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng mạng lưới thẻ; đảm bảo nhanh chóng, an toàn, chính xác trong các giao dịch. Đặc biệt, các NH sẽ tăng cường các biện pháp công nghệ trong quản lý và bảo mật bằng cách kiểm soát truy cập, xây dựng hệ thống ngăn chặn và bảo mật, bức tường lửa (firewall) là một điển hình; thực hiện cơ chế mã hóa thông tin, xây dựng hạ tầng khóa công khai PKI (Public Key Infrastructure); xây dựng hệ thống trung tâm dự phòng (Data center) và trung tâm phục hồi dữ liệu (Recovery data). Bên cạnh đó, việc áp dụng kỹ thuật điện toán dựa trên internet cũng được chú trọng, đây là mô hình mà mọi thông tin đều được lưu trữ, tính toán, xử lý trong các máy chủ đặt trên internet. Ngoài ra, có thể thấy mạnh mẽ thiết kế trung tâm dữ liệu xanh thân thiện với môi trường, hiệu suất hoạt động 100%. Về mảng này, Sacombank đã kết hợp với IBM xây dựng thành công mô hình IBM Scalable Modular Data Center - SMDC vào năm 2008. SMDC cho phép lựa chọn các linh kiện tiêu chuẩn để xây dựng nên một giải pháp có cấu hình với tính chất module, dễ dàng mở rộng để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về công nghệ của NH trong quá trình hoạt động. Đồng thời, SMDC còn cung cấp các dịch vụ quản lý dự án, kế hoạch dự phòng, khôi phục thảm họa cũng như đánh giá về mạng. Mô hình này giúp các NH giảm mức tiêu thụ năng lượng, cắt giảm chi phí, giảm bớt yêu cầu về bảo dưỡng công nghệ thông tin, mà vẫn đảm bảo hiệu suất và dung lượng của các trang thiết bị trung tâm dữ liệu tại NH.

Có thể thấy, Core banking hiện đại đang tạo nên một môi trường quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ hiện đại, an toàn, nhanh chóng và chuyên nghiệp. Core banking chính là biểu hiện rõ nhất của cuộc chạy đua về công nghệ hiện đại hóa NH, từng bước đưa Việt Nam hội nhập với kinh tế thế giới và khẳng định sự vững mạnh của ngành NH Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. ACB (2008), Bước ngoặt hiện đại hóa của ACB, <http://www.acb.com.vn/bantin/images/pdf0608/pdf/pdf0010.pdf>
2. Dr. S. S. Satchidananda (2006), Core Banking Solutions: An Assessment
3. Kim Ngân (2011), Con đường Techcombank, <http://vneconomy.vn/20111005014013737P0C6/con-duong-techcombank.htm>
4. Lê Hùng (2008), Core banking T24 là sự phát triển vượt bậc về công nghệ của VPBank, <http://eac.vn/Core-banking-t24-la-su-phat-trien-vuat-bac-ve-cong-nghe-cua-vpbank/>
5. Lịch sử hình thành Techcombank, https://www.techcombank.com.vn/Desktop.aspx/Gioi_thieu/Lich_su/Lich_su/
6. Nhiều tác giả (2008), Ứng dụng Core banking tại các ngân hàng Việt Nam, <http://en.info.vn/ngan-hang-tai-chinh/tin-tuc/9293-ung-dung-Core-banking-tai-cac-ngan-hang-viet-nam>
7. Shaileja Mammen, Upgrading Core Banking: Its Drawbacks and Advantages, trang 1.

“Việt Nam đang trên đà hội nhập quốc tế cả về kinh tế, văn hóa, xã hội,... và giáo dục cũng không phải là ngoại lệ. Nhu cầu đi du học nước ngoài của học sinh, sinh viên ngày càng tăng cao, phạm vi các quốc gia mà những đối tượng này hướng đến ngày càng mở rộng. Nắm bắt được xu hướng này của khách hàng, các ngân hàng (NH) đã và đang cho ra đời loại hình sản phẩm cho vay du học với định hướng sẽ phát triển và đa dạng hóa loại hình sản phẩm này trong tương lai.

”

1. Quy định, thủ tục cho vay của NH

1.1 Đối tượng khách hàng: thân nhân của du học sinh đi du học tại nước ngoài hoặc du học tại Việt Nam, thỏa mãn các điều kiện: có đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự, có mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp, có thu nhập ổn định, đảm bảo khả năng trả nợ vay, có tài sản thế chấp và/hoặc cầm cố đảm bảo cho khoản vay hoặc được bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba. Cá nhân người Việt Nam là du học sinh cũng có thể đi vay (tại Sacombank, Seabank...). Ngoài những điều kiện trên cần phải có người chịu trách nhiệm trả nợ thay tại Việt Nam.

1.2 Lãi suất: thay đổi linh hoạt theo từng thời kỳ, và tùy thuộc vào từng NH, nhưng nhìn chung đối với USD là 4 - 6%/ năm và VNĐ là 20 - 24 %/ năm.

1.3 Mức vay: tối đa 100% học phí và chi phí du học. Đối với một số NH có những quy định cụ thể hơn, ví dụ ở *Maritime bank*, nếu cho vay để thanh toán chi phí du học tối đa là 100% tổng chi phí của khóa học, bao gồm: tiền vé máy bay, học phí, chi phí làm visa, hộ chiếu, tiền bảo hiểm...và tiền ăn ở sinh hoạt trong suốt quá trình học nhưng không vượt quá tỷ lệ cho vay trên giá trị tài sản bảo đảm thực hiện theo quy định của *Maritime Bank*. Việc xác định mức vay căn cứ vào các yêu cầu thanh toán của các trung tâm, trường đào tạo du học sinh. Trường hợp cơ sở đào tạo tại nước ngoài mà không có thông báo về tiền ăn, tiền thuê nhà, sinh hoạt và các chi phí khác có liên quan thì ngoài số học phí đã được thông báo, mức chi phí du học hợp pháp cần thiết (không

TÍN DỤNG DU HỌC CẦN MỘT HƯỚNG ĐI

NGUYỄN THỊ THU BA - LÊ THỊ THU HẰNG

K09404A

K09404B

bao gồm học phí) đối với du học sinh mỗi năm học tối đa không quá 20,000 USD hoặc ngoại tệ khác có giá trị tương đương. Trường hợp du học sinh có nhu cầu về chi phí (không bao gồm học phí) trên 20,000 USD hoặc ngoại tệ khác có giá trị tương đương phải xuất trình giấy tờ chứng minh nhu cầu vượt mức nêu trên là cần thiết, hợp lý. Trường hợp cho vay hình thành sổ tiết kiệm nhằm chứng minh khả năng tài chính, cho vay tối đa 100% chi phí để hình thành sổ tiết kiệm.

1.4 Thời hạn vay: tối đa bằng thời gian học nhưng không vượt quá 120 tháng, riêng một số NH áp thời hạn vay ngắn hơn, 60 tháng đối với *Seabank*; hoặc tùy trường hợp như *Maritime bank*. Nếu cho vay hỗ trợ chi phí du học thời hạn vay tối đa bằng thời gian du học nhưng không vượt quá 60 tháng. Trường hợp cho vay hình thành sổ tiết kiệm để chứng minh khả năng tài chính, thời hạn vay tối thiểu là 3 tháng và tối đa không quá 12 tháng, hoặc theo quy định cấp visa cho du học sinh ở từng quốc gia. Hoặc ở *ABBank*, vay chứng minh tài chính tối đa 60 tháng, cho vay thực sự tối đa 120 tháng.

1.5 Phương thức trả tiền vay: trả lãi định kỳ, vốn gốc trả cuối kỳ.

1.6 Hồ sơ vay vốn: gồm giấy đề nghị vay vốn theo mẫu của NH; hồ sơ pháp lý: chứng minh nhân dân/hộ chiếu, hộ khẩu/KT3 của người vay, người hôn phối và bên bảo lãnh (nếu có), hộ chiếu, Visa của du học sinh, các giấy tờ chứng minh quan hệ nhân thân (trong trường hợp người vay không phải là du học sinh); các chứng từ chứng minh thu nhập (hợp đồng lao động, sao kê lương 3 tháng gần nhất, bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng và sở hữu tài sản (nhà đất, sổ tiết kiệm, các giấy tờ có giá...) và kế hoạch hoàn trả nợ vay; hồ sơ tài sản thế chấp; các chứng từ có liên quan đến khóa học để chứng minh mục đích sử dụng vốn: giấy thông báo học phí, sinh hoạt phí, thư chấp nhận học ...

2. Những lý do khiến dịch vụ cho vay du học chưa phát triển

2.1 Trở ngại về tín dụng

Hầu hết khách hàng đều muốn vay ngoại tệ với 2 lý do: lãi suất vay ngoại tệ hấp dẫn hơn và thuận tiện trong việc gửi tiền ra nước ngoài. Nhưng thực tế, các ngân hàng chỉ đáp ứng được nhu cầu vay ngoại tệ ngắn hạn. Bởi vì theo Thông tư số 07/2011/TT-NHNN ngày 24/3/2011, các NH không được phép cho vay ngoại tệ đối với những đối tượng vay tiền du học trung và dài hạn. Trường hợp khách hàng có nhu cầu vay tiền du học ở kỳ hạn trung và dài bằng USD thì NH phải được chấp thuận bằng văn bản của Thống đốc NH Nhà nước (NHNN)... Đồng thời, các NH phải đảm bảo cân đối nguồn ngoại tệ, thu hồi nợ đúng kỳ hạn và cần xem xét kỹ tài sản thế chấp của khách hàng. Hơn nữa, khách hàng còn buộc phải vay bằng VNĐ sau đó mua lại USD của NH để chuyển ra nước ngoài. Điều này gây bất lợi cho cả NH và khách hàng vì việc chuyển qua chuyển lại như thế tốn rất nhiều thời gian. Thêm vào đó, những người muốn vay ngoại tệ ở kỳ hạn trung và dài phải là những người có nhu cầu thực sự thì NHNN mới xin ý kiến của TW để tìm phương án giải quyết. Nhưng như thế nào mới gọi là "có nhu cầu thực sự" thì không có thêm quy định cụ thể và chi tiết nào từ phía NHNN.

2.2 Vương mắc xung quanh vấn đề thủ tục cho vay

Theo khảo sát thực tế của chúng tôi, đa số khách hàng than phiền rằng thủ tục cho vay quá phức tạp, đặc biệt là ở khâu tài sản thế chấp và chứng minh khả năng tài chính. Họ cho rằng, thời gian để vay được tiền thường mất từ 3 tuần đến 1 tháng, thậm chí hơn. Thông thường, họ thường đến các công ty, trung tâm tư vấn du học trước khi đến NH vay tiền. Để thu hút lượng lớn khách hàng, những nơi này thường nói rằng thủ tục rất đơn giản. Nhưng trên thực tế, việc thẩm định và định giá tài sản rất phức tạp. Để vay được tiền, NH yêu cầu khách hàng phải viết giấy đề nghị vay vốn có chữ ký và dấu xác nhận của chính quyền địa phương theo mẫu; kèm theo đó là bản sao chứng minh thư, sổ đỏ nhà đất, sổ hộ khẩu; giấy gọi nhập trường nơi người thân du học... Điểm khó nhất khi vay tiền cho người thân đi du học là khách hàng phải có tài sản thế chấp và chứng minh được khả năng trả nợ của mình. Tất cả các thủ tục từ viết đơn vay vốn cho đến khi chuyển tiền, phải mất hơn một tháng.

2.3 Tâm lý khách hàng

Có ý kiến cho rằng, bên cạnh những nguyên nhân nêu trên, lối tư duy cũ của các bậc phụ huynh cũng là một yếu tố dẫn đến sự vắng vẻ của dịch vụ cho vay du học. Nhiều vị phụ huynh luôn tâm niệm rằng phải có tiền thì mới có thể cho con đi du học, do đó họ thường tích góp đủ số tiền cho cả khóa học, sau đó mới tính chuyện tìm hiểu các trường. Cũng dễ hiểu vì người Việt Nam thường có tâm lý chung là ngại nợ nần, họ muốn mọi thứ diễn ra trong tầm tay của họ. Nhưng đặt một câu hỏi ngược lại cho phía Ngân hàng, họ đã làm gì để giải tỏa tâm lý e ngại của khách hàng và thu hút khách hàng đến với mình? Đường như đây vẫn là một vấn đề còn bỏ ngỏ...

3. Giải pháp hoàn thiện sản phẩm cho vay du học

3.1 Cho vay trung và dài hạn bằng ngoại tệ

Hiện nay, nhu cầu vay ngoại tệ để du học là rất lớn, bởi lãi suất cho vay ngoại tệ chỉ khoảng 4-6%/năm, trong khi lãi suất cho vay tiền đồng từ 20-24%/năm. Đây là nhu cầu hoàn toàn chính đáng khi học sinh cần ngoại tệ để thanh toán học phí, sinh hoạt phí. Thế nhưng quy định hiện nay vẫn chưa triển khai cho vay ngoại tệ trung và dài hạn với đối tượng này. Hầu hết các phụ huynh học sinh, sinh viên phải vay tiền đồng rồi mua các loại ngoại tệ tại NH phục vụ cho việc thanh toán học phí và chi phí như đã đề cập ở trên. Một số NH cho vay đến 10 năm nhằm tạo điều kiện cho học sinh sau khi học xong có thể phụ giúp gia đình. Thế nhưng vẫn chưa có quy định chính thức nào, mà hầu hết chỉ đề cập cho vay ngắn hạn (dưới 12 tháng) trong khi thời gian du học thường là từ 2 - 4 năm.

Để tạo điều kiện tốt nhất cho khách hàng có nhu cầu vay vốn du học, NHNN có thể xem xét và chỉ đạo các NHTM đẩy mạnh cho vay trung và dài hạn đối với ngoại tệ với điều kiện NH phải đảm bảo cân đối nguồn ngoại tệ của mình.

3.2 Thay đổi tâm lý khách hàng

Như đã nói ở phần trước, đa số các

bậc phụ huynh thường có tâm lý ngại đi vay, thay vào đó họ tích góp cho đủ tiền rồi mới nghĩ đến việc cho con đi du học. Đây là một trở ngại mà các NH phải tìm cách phá vỡ nó. Bằng cách nào? Trước hết, NH cần thiết lập cho mình một chiến lược marketing rộng rãi nhưng sâu sát về dịch vụ cho vay du học của NH mình, không nên quảng cáo tràn lan tránh gây hiểu nhầm và tạo nên sự hoài nghi cho khách hàng. Điều quan trọng là chỉ ra cho khách hàng thấy ích lợi của việc đi vay. Thứ nhất, các bậc phụ huynh và con cái không còn phải lo lắng về nguồn tài chính cho khóa học, có cơ hội để yên tâm tập trung nghiên cứu và nâng cao trình độ chuyên môn. Thứ hai, đó là khả năng "tạo áp lực học tập" cho học sinh. Nếu những du học sinh hiểu được rằng cha mẹ họ đã phải thế chấp cả sổ tiết kiệm, sổ đỏ hay thậm chí cả nhà cửa để cho mình đi du học ở xứ người, họ sẽ thấy được trách nhiệm học tập của mình lớn hơn. Bên cạnh đó, các NH cũng cần có những thay đổi để nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng và tạo ưu thế so với các NH khác (đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian chờ giải ngân...). Có như thế, "bông hoa" cho vay du học mới không bị coi là nở rộ nhưng không có hương thơm.

3.3 Triển khai có hiệu quả cho vay du học trả góp

Bình quân chi phí khi du học ở nước ngoài khoảng 10,000 USD/năm hoặc có thể đến 20,000 USD/năm. Để có khả năng cho con du học, phần đông phải là các gia đình có nguồn thu nhập cao và ổn định. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, nguồn tài chính này hoặc đang nằm trong lưu chuyển kinh doanh hoặc không tập trung trả góp nhằm vào mục đích du học có thể xem là giải pháp hiệu quả giải quyết vấn đề này.

Đã có một vài NH như Techcombank, Đông Á... tách cho vay du học thành một chương trình tín dụng riêng – tín dụng du học sinh – với các yêu cầu về hồ sơ, thủ tục phù hợp của mục đích vay này. Cụ thể là, khách hàng vẫn chứng minh nguồn thu nhập ổn định đảm bảo được khả năng trả nợ, đồng thời cần có tài sản thế chấp như nhà ở, sổ tiết kiệm, chứng từ có giá.... Tuy nhiên phương thức cho vay là xét duyệt cho vay một lần, giải ngân theo tiến độ thanh toán học phí từng năm của du học sinh. Việc xét duyệt cho vay và sau đó giải ngân đều phải có căn cứ trên giấy tờ chứng minh chi phí du học sinh sử dụng trong quá trình du học như giấy thông báo học phí của nhà trường, giấy thông báo hoặc hoá đơn chi phí ký túc xá, chi phí ăn ở, sinh hoạt.... Khách hàng có thể trả lại định kỳ hàng tháng, còn tiền vốn có thể hoàn trả định kỳ hàng tháng, hàng 3 tháng hoặc 6 tháng tùy vào khả năng thu nhập và điều

kiện phù hợp với mình.

Mặc dù hiện nay chỉ có một số nước chấp nhận hình thức vay tiền đi du học trả góp như Australia, Singapore, Trung Quốc, Hà Lan, Đức... Nhiều nước khác, đặc biệt là Mỹ chưa nhận du học sinh Việt Nam trả tiền theo cách này. Tuy nhiên, đây vẫn là một hình thức đáng được triển khai một cách tập trung và có hiệu quả khi mà nhu cầu du học ở các nước chấp nhận nó (Singapore, Úc, Trung Quốc...) so với Mỹ và một số nước khác chiếm một tỷ lệ không nhỏ. Cụ thể, Trung Quốc là nước đứng đầu về số lượng du học sinh Việt Nam đăng ký theo học với khoảng 10,000 du học sinh, Úc 8,500 - 9,000 du học sinh, xấp xỉ với Mỹ, Singapore 4,500 du học sinh (nguồn: thống kê của Bộ GD-ĐT).

Trong tương lai gần, chúng ta hoàn toàn có thể hy vọng vào một sự phát triển mạnh mẽ hơn của dịch vụ cho vay du học vốn không còn là mới mẻ ở nước ta. Để có được điều này, thiết nghĩ cần phải có sự chung sức từ nhiều phía, không chỉ từ phía người dân mà còn từ phía NH, đặc biệt là NHNN. Bằng những can thiệp hợp lý của mình, NHNN là đòn bẩy và là chất xúc tác quan trọng nhất giúp cho các NHTM có điều kiện để hoàn thiện hơn nữa chất lượng dịch vụ của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- <http://www.cmneducation.edu.vn/trangtrong.asp?matrang=17>
- <http://duhoc.hn-ams.org/modules.php?name=News&file=article&sid=14>
- <http://vietbao.vn/Kinh-te/Cho-vay-du-hoc-van-vang-khach/10913954/87/>
- http://sgtt.vn/oldweb/cacsobaotruoc/372_27/p10_11_vaytienduoc.htm
- <http://tuoitre.vn/Giao-duc/221780/Vay-von-du-hoc-Mot-dich-vu-doi-pho.html>
- <http://vnexpress.net/gl/kinh-doanh/2003/10/3b9cbf91/>



Đêm ngày 14-15 tháng 4/1912, chiếc tàu xa hoa của thế kỉ XX Titanic đã bị chìm một cách đầy bí ẩn với con số thiệt hại về nhân mạng lần đầu tiên bậc vô cùng khổng lồ. Đúng 100 năm sau, chúng ta được nhìn lại những điểm tương đồng bất ngờ đến thú vị của con tàu lịch sử này với khu vực Liên minh tiền tệ lớn mạnh nhất thế giới Eurozone. Con tàu Titanic huyền thoại đã nằm sâu dưới lòng đại dương. Ngày nay, cả thế giới đang cùng nỗ lực cứu vớt “con tàu Eurozone” thoát khỏi “tảng băng trôi vỡ nợ”. Chúng ta sẽ cùng nhìn lại hành trình từ khi Eurozone ra đời cho đến khi lớn mạnh và sau đó lại rơi vào khủng hoảng để có cái nhìn toàn diện hơn về những sai lầm dẫn đến Eurozone ngày nay. Đồng thời qua đó, việc rút ra bài học sâu sắc cho các liên minh đã, đang và sẽ hình thành trên thế giới là điều tối cần thiết, giống như những ám ảnh về tảng băng trôi và sự chủ quan của những con người làm nên con tàu Titanic sẽ mãi là bài học to lớn cho những con tàu vượt đại dương khác như một sai lầm không được lặp lại.

1. EUROZONE giai đoạn hình thành và phát triển

Bắt đầu được đóng từ năm 1909 nhưng mãi đến năm 1912, hãng vận tải biển The White Star Line mới chính thức cho hạ thủy đưa con cùng của mình mang tên RMS Titanic (Royal Mail Ship Titanic). Cũng mất khoảng 3 năm, tuy đã có mẩu mớ khởi công xây dựng và chuẩn bị từ năm 1999 nhưng “con tàu Eurozone” mới được chính thức hoàn thành vào ngày 01/01/2002, ngày mà đồng Euro cũng chính thức được đưa vào sử dụng chung cho 12 nước trong khu vực liên minh Châu Âu. Như vậy, nói một cách khác, Eurozone (ECM) chính là liên minh tiền tệ của các nước sử dụng chung đồng tiền Euro trong khu vực liên minh Châu Âu. Và hiện nay, “con tàu Eurozone” đã có tổng cộng 17 thành viên trong tổng số 27 thành viên của liên minh Châu Âu, bao gồm: Áo, Bỉ, Bồ Đào Nha, Đức, Hà Lan, Hy Lạp, Ireland, Luxembourg, Malta, Pháp, Phần Lan, Tây Ban Nha, Ý, Slovenia, Slovakia, Estonia, Cộng hòa Síp. Bên cạnh những thành viên chính



LÊ THỊ KHẮC VI
K09404A

NGUYỄN QUỲNH LIÊN
K10404B

PHAN THUY TÂM THƯ
K11405T

thức còn có 3 quốc gia tự quyết định chọn Euro làm tiền tệ chuẩn gồm: Andorra, Kosovo, Montenegro.

Nếu người chỉ huy của con tàu Titanic huyền thoại chính là thuyền trưởng E.J. Smith, người được đánh giá là tài năng và có kinh nghiệm lớn trong việc chỉ huy tàu biển, thì với “con tàu eurozone”, người cầm bánh lái chính là Ngân hàng Trung ương Châu Âu ECB (European Central Bank). Đây là một ngân hàng trung ương độc lập, có quyền duy nhất để thiết lập chính sách tiền tệ cho cả khu vực Eurozone. Ngoài vị “thuyền trưởng” này còn các “trợ lí” đặc lực đó là hệ thống Eurosystem tham gia vào việc in, đúc và phân phối các ghi chú và đồng tiền trong tất cả các quốc gia thành viên, và hoạt động của hệ thống thanh toán khu vực đồng euro. Tại đây, ECB sẽ đưa ra một chính sách tiền tệ duy nhất cho tất cả các quốc gia trong ECM, trong khi đó, quyền hạn của “thuyền trưởng” ECB đối với chính sách tài khóa lại không thực sự chặt chẽ.

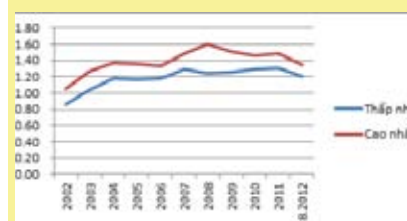
Để có thể bước lên con tàu xa hoa tột bậc Titanic, bạn phải trả một khoản tiền to lớn để “cắt da cắt thịt”. Do đó không cần phải ngạc nhiên khi danh sách hành khách hạng nhất trên chuyến đi đầu tiên của Titanic những người giàu có và nổi tiếng nhất thế giới. Tương tự như thế, để có thể bước chân lên “con tàu Eurozone” sa hoa, tráng lệ, các nước ứng viên phải nỗ lực rất nhiều để có thể đáp ứng được những tiêu chuẩn và điều kiện vô cùng ngặt nghèo. Nước muốn gia nhập Eurozone không những phải là thành viên của Liên minh Châu Âu EU mà còn phải đáp ứng được những tiêu chuẩn hội tụ Maastrich, mà trong khi đến thời điểm hiện tại, hiệp ước

này vẫn đang được thảo luận để bổ sung những điều kiện mới và đang trong quá trình “chờ đợi sự chấp nhận của nghị viện các quốc gia”.

Cũng như kì vọng ra đời của con tàu Titanic, “con tàu” Eurozone cũng được hình thành với biết bao tham vọng to lớn của các nhà kinh tế, họ tin vào tương lai của một liên minh kinh tế hàng đầu mà ở đó đồng Euro sẽ thống trị tiền tệ thế giới, xây dựng được một cường quốc duy nhất của người Châu Âu với các chính sách kinh tế, tiền tệ chung. Nếu Titanic được hoàn thành với những chất liệu tốt nhất và các thiết bị sang trọng...Thì “con tàu Eurozone” cũng không hề thua kém. Euro không chỉ là đồng tiền đúng thứ hai thế giới về mua bán ngoại tệ, ngoài ra còn là đồng tiền dự trữ và kênh đầu tư an toàn đối với nhiều nước trên thế giới. Theo biểu đồ số 1 ta thấy, năm 2004, đồng Euro đã chiếm tỉ lệ trong trái phiếu và công trái thế giới là 5,400/12,000 tỉ đô. Thành công này còn được minh chứng một cách thuyết phục nhất khi mà trong năm 2008, 1 EURO= 1.6 USD.

Tuy nhiên, chỉ 8 năm sau khi thể hiện được sức mạnh và lấy được lòng tin của

Biểu đồ 1. Tỷ giá USD/EUR từ năm 2002 đến đầu tháng 8/2012



Nguồn: Euro exchange rates in USD, ECB

cả thế giới thì đến năm 2010, Eurozone rơi vào cuộc khủng hoảng nợ công sâu và rộng làm rung động cả nền kinh tế toàn cầu. Đánh dấu một sự mở đầu cho một giai đoạn cực kì gian nan để khắc phục hậu quả của những sai lầm trong quá khứ.

2. Nguyên nhân khủng hoảng

Cũng giống như con tàu Titanic xấu số, "con tàu Eurozone" cũng đã phớt lờ rất nhiều những sai lầm, kể cả những điều đã được nhiều nhà kinh tế học trên thế giới cảnh báo trước.

Sai lầm đầu tiên chính từ biên bản của Hiệp ước Maastricht năm 1992 tạo khung sườn pháp lý cho sự vận hành của Eurozone. Trong khi đó, một điều mà ai cũng có thể nhận thấy, mỗi một quốc gia thành viên có một tổ chức chính trị, điều kiện kinh tế, văn hóa,...khác nhau, nhưng tất cả 17 nước đều phải vận hành trong một công thức phát triển chung. Điều đó chẳng khác nào bắt tất cả mọi người cùng mặc chung một "chiếc áo".

Sai lầm thứ hai lại cho thấy thêm một bất cập nữa là mỗi một quốc gia thành viên có quyền thiết lập một chính sách tài khóa riêng, nhưng họ lại có quyền điều phối tiền tệ. Trong khi đó, theo nguyên tắc, thành viên EU không được để thâm hụt ngân sách vượt quá 3% GDP quốc gia, nợ công không vượt quá 60% và lạm phát không quá 1.5%/năm. Tuy nhiên, EU lại không có cơ chế nào để kiểm soát việc thực hiện những quy định trên của các nước thành viên, dẫn đến việc báo cáo các con số từ chính quốc gia thành viên trình lên chẳng khác nào "bảo sao nghe vậy".

Sai lầm thứ ba là trước đây và đến cả bây giờ, Eurozone vẫn chưa có sự kết hợp đúng đắn kinh tế với chính trị để tạo ra sự liên kết ăn ý với các vấn đề liên quan ngân sách và thuế má, cũng như tạo ra các thể chế tài chính cho Eurozone, cùng khả năng giúp các nền kinh tế thành viên thích ứng với những thay đổi và xáo trộn. Lấy ví dụ trường hợp Hy Lạp, gốc rễ của vấn đề khủng hoảng nợ Hy Lạp nằm ở chỗ hệ thống thuế và khu vực công. Tại một quốc gia có 11 triệu người như nước này, có đến gần 850,000 người làm tại các cơ quan nhà nước và họ được hưởng 14 tháng lương chứ không phải 12 tháng, làm bất hợp lý trong chi tiêu cho khu vực công và nảy sinh nạn tham nhũng.

Và sai lầm cuối cùng nằm ở vấn đề đoàn kết ở tổ chức mà châu Âu gọi là "Liên minh". Tại đây, tinh thần hợp tác thực sự vẫn là khái niệm mơ hồ khi mà hầu như các

quốc gia vẫn chưa coi Eurozone là một gia đình chung thật sự.

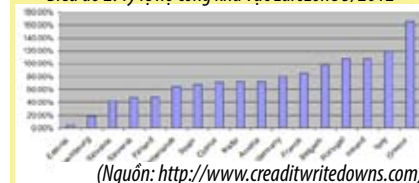
3. Diễn biến khủng hoảng:

Tất cả các nguyên nhân trên chính là lời dự báo thiết thực nhất cho một tương lai của khủng hoảng. Và sự thật, lời dự báo đó đã xảy ra với sức công phá khủng khiếp, ảnh hưởng không chỉ đến khu vực mà Eurozone mà còn cả toàn thế giới.

Đầu tiên là vào tháng 11/2009, quốc gia Hy Lạp công bố thâm hụt tài chính năm 2009 của quốc gia này là 12.7%, tỷ lệ nợ công lên đến 129.4%, gấp hơn hai lần so với định mức cho phép (60%). Những năm sau đó, tỷ lệ nợ công của Hy Lạp vẫn không ngừng tăng lên đến 145% năm 2010, và 165.3% năm 2011. Đây là những con số xa hơn hẳn các con số báo cáo trước đây, làm cho giới tài chính hết sức bàng hoàng. Từ đây, làn sóng khủng hoảng bắt đầu. Kéo theo sau là những số liệu kinh tế đáng lo ngại của Hy Lạp, tăng trưởng GDP thực tế đến năm 2011 đã giảm xuống mức -6.9%, lãi suất trái phiếu chính phủ tăng một cách chóng mặt lên đến 177.37% vào tháng 02/2012, tỷ lệ thất nghiệp cũng đạt đến con số kỉ lục là 21.9% vào tháng 3/2012 tương ứng với 1.75 triệu người.

Vẫn chưa dừng lại ở đó, không lâu sau, thủy triều khủng hoảng đã diễn ra mạnh mẽ, rất nhanh sang Ireland Bồ Đào Nha, Ailen, Italia và Tây Ban Nha, đây là các nước xưa nay có nợ công nước ngoài cao, và đương nhiên sẽ là những nước bị thủy triều "đánh tạt" vào bờ đầu tiên sau Hy Lạp. Kéo theo sau là một loạt các khủng hoảng nợ công của Ireland, Italia, Bồ Đào Nha và rất có thể Tây Ban Nha sẽ là nạn nhân tiếp theo của cuộc khủng hoảng với tình hình bong bóng nhà đất và các khoản nợ tăng nhanh đến chóng mặt tại đất nước này.

Biểu đồ 2. Tỷ lệ nợ công khu vực Eurozone 5/2012



Với tình hình này, đã khiến khu vực Eurozone rơi vào hố sâu của cuộc khủng hoảng. Cụ thể, dựa theo biểu đồ số 3, từ năm 2008, GDP toàn khu vực này đã giảm xuống 0.4% và xuống đến con số âm -4.3% vào năm 2009. Những năm tiếp theo là những biến động không ổn định, mặc dù năm 2010, con số này đã lên mức 1.9% nhưng lại giảm xuống mức 1.5% vào

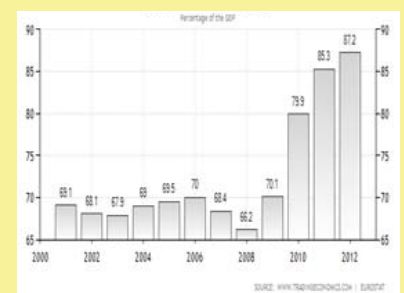
năm 2011.

Biểu đồ 3. Tốc độ tăng GDP của khối Eurozone từ năm 2005 đến 2012. (Đơn vị: %)

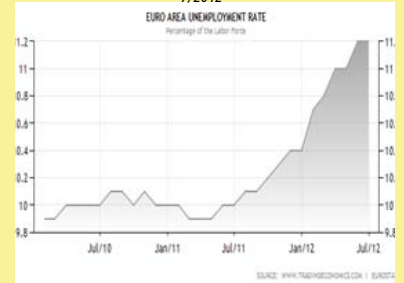


Liên minh châu Âu nói chung và khu vực Eurozone nói riêng đang ngày ngày đau đầu đối mặt với khủng hoảng. Dựa vào biểu đồ số 4 và 5, có thể thấy rất rõ, nợ công của Liên minh Châu Âu cũng như tỉ lệ thất nghiệp đang ở rất cao và có dấu hiệu ngày càng tăng từ khi khủng hoảng bắt đầu từ năm 2009 đến bây giờ. Hơn, tỉ lệ nợ công của chính phủ của toàn Liên minh Châu Âu từ năm 2008 đến năm 2012 đã tăng tới 21%, từ 66.2 % năm 2008 lên đến 87.2% năm 2012. Còn tỷ lệ thất nghiệp đến năm 2012 đã lên tới con số khủng 11.2%.

Biểu đồ 4. Nợ chính phủ trên GDP của khu vực Eurozone từ năm 2000 đến năm 2012



Biểu đồ 5. Tỷ lệ thất nghiệp của khu vực Eurozone từ 7/2010 đến 7/2012



Nguồn: tradingeconomics.com

Không chỉ có thế, vị thế của đồng euro trên trường quốc tế cũng giảm đi đáng kể, dù vẫn giữ vị trí thứ 2 trong giới tiền tệ, thế nhưng, tính từ đầu năm 2009 đến 25/6/2012, chỉ số giá Euro đã giảm 16.1%. Đồng Euro giảm giá 8.6% so với USD. Tỷ trọng dự trữ bằng đồng Euro giảm từ mức 27.7% vào năm 2009 xuống mức 25% vào cuối năm 2011.

Tuy nhiên, những liệt kê trên đây chỉ là những con số ban đầu của cuộc khủng hoảng nghiêm trọng này. Với những "con sóng lớn" đã đi qua, những "con sóng" đang và sẽ ập đến thì việc nỗ lực để khắc phục

hậu quả của những sai lầm để lại sẽ là một hành trình đầy những hi sinh và mất mát to lớn.

4. Hậu quả khủng hoảng:

Nếu như ngay từ những năm đầu thành lập, đồng tiền chung châu Âu gây hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ như thế nào thì ngày hôm nay, ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng nợ công và nguy cơ vỡ nợ của các nước trong khối lại đáng sợ hơn gấp nhiều lần. Theo phân tích, nếu Eurozone tan rã một phần hay toàn bộ đều sẽ dẫn đến một cuộc vỡ nợ hỗn loạn ở các nước "ngoại vi" tỷ lệ thất nghiệp tăng, có thâm hụt ngân sách lớn, nơi đồng tiền mất giá nhanh chóng và ngân hàng sẽ phá sản.

Trước hết, nếu thành viên yếu nhất trong khối là Hy Lạp rời khỏi khối, nước này buộc phải quay lại với đồng Drachma và theo ước tính, đồng tiền này sẽ mất giá khoảng 65%. Các khoản nợ cũ buộc phải tính lại theo đồng tiền mới, các hợp đồng vay nợ mới sẽ bị ngưng lại vì không còn ai dám cho Hy Lạp vay nữa, các quốc gia và ngân hàng đã cho Hy Lạp vay sẽ rơi vào tình trạng khủng hoảng vì khoản nợ không thu hồi được. Tình trạng vỡ nợ sẽ lan tràn.

Thêm nữa, trước tình hình nợ công căng thẳng của Italia, nếu nước này rời khỏi nhóm, gần như toàn bộ hệ thống ngân hàng châu Âu sẽ sụp đổ, kéo theo sự sụp đổ của cả hệ thống ngân hàng ở Mỹ và lan rộng ra thế giới. Vì những hậu quả có thể lường trước từ ảnh hưởng của khủng hoảng và hậu quả nghiêm trọng nếu tình trạng vỡ nợ xảy ra, việc cả khối Eurozone cùng với Ngân hàng Trung ương châu Âu cùng bắt tay nỗ lực giải cứu các nước thành viên thoát khỏi cơn khủng hoảng là điều tất yếu.

5. Bài học rút ra từ khủng hoảng:

Dù chưa đi qua cơn sóng gió, song việc đúc kết ra bài học sâu sắc để đời về một liên minh tiền tệ lớn và có sức ảnh hưởng mạnh mẽ nhất thất bại sẽ là tấm gương cho hành trình hội nhập và phát triển của các liên minh trên thế giới.

Nếu như những mất mát từ con tàu Titanic ở sâu dưới lòng đại dương là bài học cho vấn đề quản lý của những thuyền trưởng đã, đang và sẽ lái những con tàu "khủng" đi khắp năm châu, là vấn đề dự trữ thuyền cứu hộ ngay trên tàu, là việc nhìn nhận nhạy bén vấn đề và chạy đua với thời gian từ khi con tàu va phải băng trôi cho đến khi chìm hẳn, là bài học cho niềm tin vững chắc về "con tàu không bao

giờ chìm"...thì ngày, hôm nay, "con tàu Eurozone" cũng đã để lại cho nhân loại nhiều bài học sâu và đau hơn thế.

Trước tiên là vấn đề quản lý: việc kiểm soát các hoạt động tài chính của 17 nước thành viên thiếu chặt chẽ, sự "cưỡng ép" vô hình khi bắt tất cả 17 quốc gia với 17 điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa riêng cùng mặc chung một "chiếc áo" với những quy định chung, cũng như việc cùng chung một đồng tiền Euro nhưng mỗi nước lại có một chính sách tài chính riêng đã cho thấy một cơ chế quản lý thiếu trình độ, tầm nhìn và trách nhiệm, dẫn đến sai lầm từ những con số "ảo" về tỷ lệ nợ công của Hy Lạp, Ireland, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha cho đến khi nó bùng nổ là lúc con số nợ thật được công bố...Có thể ví Hy Lạp như một "đứa con hư" trong ngôi nhà Eurozone, còn cơ quan quản lý bao gồm cả ECB là "phụ huynh thiếu trách nhiệm", bởi việc báo cáo các con số nợ "ảo" nhằm che đậy việc chi tiêu quá tay và tham nhũng trong chính quyền Hy Lạp, sau đó "lấp liếm" và hợp thức hóa những con số này với lý do chi tiêu cho quốc phòng, không thể công khai vì bí mật quân sự quốc gia lại được ECB "cho qua" một cách dễ dàng, với sai lầm này thì những cái giá mà Eurozone ngày hôm nay phải có thể gọi là chỉ mới bắt đầu.

Tiếp theo phải kể đến là bài học về tỷ lệ dự trữ của từng quốc gia thành viên. Nếu như Titanic phạm phải sai lầm khi số tàu cứu hộ không đủ sức chứa hơn 1,500 con người, hậu quả của nó đã được biết trước, tuy nhiên, vẫn là "niềm tin về con tàu không bao giờ chìm" đã gây ra lịch sử bi thương: cho đến Eurozone, sự chủ quan một cách vô căn cứ về cuộc khủng hoảng không thể xảy ra là nguyên nhân của nguồn quỹ tiết kiệm vô cùng thấp: Hy Lạp có tỷ lệ tiết kiệm 6%GDP, con số này của Bồ Đào Nha là 7.5% GDP trong năm 2011. Với những con số này, khả năng chống chọi với khủng hoảng nợ gần như là không thể. Thêm nữa, bản thân "niềm tin ảo" đối với "một Eurozone không khủng hoảng" cũng là một sai lầm to lớn cho những quốc gia và ngân hàng coi Euro là đồng tiền dự trữ "an toàn gần như tuyệt đối", để rồi khi Eurozone rơi vào cơn "bĩ cực", các quốc gia và toàn bộ hệ thống ngân hàng toàn cầu rơi vào tình trạng thấp thỏm lo sợ sự phá sản của đồng Euro. Trước một châu Âu đang rơi vào nguy khó, sự chậm trễ trong chính sách hỗ trợ của bà Angela Merke đã vô tình đẩy khủng hoảng sâu hơn và nhận được vô số những lời chỉ trích sau đó.

Ngoài những bài học về cơ chế quản lý, về tỷ lệ dự trữ tài chính của quốc gia, về những niềm tin thiếu căn cứ, và sự chậm

trễ trong quyết định cứu trợ, cả thế giới còn nhìn nhận được một vấn đề là bài học không chỉ cho liên minh tiền tệ mà là bài học căn bản cho một "liên minh" có thể tồn tại được đó là tinh thần đoàn kết. Đã có lúc Thủ tướng Áo Wolfgang Schüssel- Chủ tịch Hội đồng Châu Âu đương thời, trong cuộc họp thượng đỉnh EU 12/2005 phải thốt lên rằng: "Lần tới, chúng ta sẽ giết nhau cho coil". Là một liên minh, nhưng 17 quốc gia này không hề có một tiếng nói chung trong hầu hết các chính sách và hoạt động kinh tế. Vậy vấn đề đoàn kết- vấn đề mấu chốt và là điều kiện đầu tiên của một liên minh ở đâu?

Đi qua những sai lầm to lớn của Eurozone, ngày hôm nay, một châu Âu đang rơi vào tình trạng "nước sôi lửa bỏng" đã cho thấy phần nào cái giá phải trả cho một "liên minh thiếu bền vững". Tuy nhiên, trong cái "rủi" lại có cái "may", những bài học cơ bản nhưng dễ phạm phải mà Eurozone để lại sẽ là bài học quý giá hơn bao giờ hết cho các liên minh kinh tế và cả liên minh chính trị trên thế giới.

6. Giải pháp cho khủng hoảng Eurozone:

Đứng trước khủng hoảng và nguy cơ vỡ nợ lan tràn đã có nhiều gói cứu trợ được tung ra. Cụ thể 2/5/2010, Bộ trưởng Tài chính các nước châu Âu đã thông qua gói cứu trợ thứ nhất cho Hy Lạp trị giá 110 tỷ euro (160 tỷ đô), đến ngày 14/3/2012, gói cứu trợ thứ 2 trị giá 130 tỷ euro (155 tỷ đô) dành cho nước này cũng đã được thông qua. Ngày 28/11/2010, cung cấp gói cứu trợ khẩn cấp trị giá 85 tỷ euro (113 tỷ USD) nhằm phục hồi nền kinh tế Ireland. Đến ngày 9/6/2012, Bồ Đào Nha được cứu trợ gói 78 tỷ euro (111 tỷ đôla). Ngoài ra, Eurozone còn thông qua gói cứu trợ 125 tỷ đô dành cho Tây Ban Nha. Như vậy, đến nay đã có 4 nước trong khu vực Eurozone nhận được cứu trợ từ liên minh Châu Âu. Tuy nhiên, về phần giải pháp chiến lược và dài hạn cho cuộc khủng hoảng nợ này vẫn là một bài toán nan giải.

Đã có lúc châu Âu xem việc cho Hy Lạp phá sản là một biện pháp, tuy nhiên, điều này sẽ dẫn đến sự phá sản của hàng loạt của những nước có tỷ lệ nợ công cao ngất ngưỡng và khoản nợ đến hạn khổng lồ; từ đó dẫn đến giá trị của đồng Euro sẽ bị sụt giảm và có nguy cơ bị xóa sổ khi mà các nước thành viên quay trở lại với đồng tiền cũ, vị thế của châu Âu cũng vì thế mà sẽ giảm đi một nửa. Không những thế, hệ thống ngân hàng toàn cầu, những nơi dự trữ Euro và khoản nợ cho các nước Eurozone vay cao sẽ rơi vào tình thế khó khăn và có nguy cơ phá sản hàng loạt, kinh tế

thế giới sẽ bị chao đảo.

Đứng trước bài toán được mất, châu Âu quyết định tung ra các gói cứu trợ như giải pháp tình thế chống vỡ nợ. Nhưng bất cập là quốc gia muốn được nhận gói cứu trợ phải tuân thủ nghiêm ngặt chính sách “thắt lưng buộc bụng”, bên cạnh đó lại cần phải thúc đẩy chi tiêu, kích thích tăng trưởng. Chính những yêu cầu mâu thuẫn này dẫn đến khó khăn không lối thoát.

Trong khi đó, nếu Đức có thể tỏ ra thiện chí hơn trong cuộc chiến nợ công của toàn khu vực thì giải pháp lập ra một tổ chức mua bán nợ để giúp các quốc gia lâm vào khủng hoảng dần dần kết hợp với chính sách tài khóa và nỗ lực phục hồi kinh tế có vẻ là một bức tranh tươi sáng cho tình hình hiện tại. Như vậy thì việc giải quyết dứt điểm khoản nợ công khổng lồ sẽ kéo dài ít nhất là 20 năm nữa. Một cái giá phải trả đắt đỏ nhưng sẽ để lại bài học sâu sắc chưa từng có cho châu Âu và liên minh thế giới.

7. Bài học nào cho Việt Nam hiện tại và tương lai:

Năm 2012, Việt Nam và các nước trong khu vực Đông Nam Á va phải những tranh chấp và đòi hỏi vô lý trong âm mưu lập “đường lưỡi bò” của Trung Quốc nhằm chiếm đoạt những vùng biển có trữ lượng dầu mỏ lớn. Hơn lúc nào hết, cả quốc tế và khu vực đều nhận thấy rằng việc phát huy sức mạnh của một liên minh khu vực ASEAN để bảo vệ chủ quyền đất nước là tối cần thiết. Tuy nhiên, bài học về đoàn kết trong Eurozone rõ ràng vẫn chưa được thực hiện tốt ở ASEAN, khi mà các cuộc họp thảo luận về vấn đề trên Biển Đông liên tiếp gặp khó khăn và bất đồng giữa các nước thành viên. Một sự kiện chưa từng thấy trong tiến lệ 45 năm qua, trong cuộc họp các bộ trưởng bộ ngoại giao các nước thành viên vào ngày 13/7 đã kết thúc trong bất đồng và không có một thông cáo chung nào được đưa ra. Campuchia với vai trò là chủ tịch ASEAN tỏ ra vô cùng căng thẳng khi tuyên bố sẽ không giải quyết các vấn đề trên Biển Đông. Tuy rằng tình hình sau đó đã dịu lắng hơn sau chuyến ngoại giao của ông Marty Natalegawa- Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Indonesia đã tới thủ đô của một loạt các quốc gia và tuyên bố 6 điểm về vấn đề trên Biển Đông, nhưng cần phải nhìn nhận rằng, nếu ASEAN không nỗ lực hơn trong việc đoàn kết để chống lại âm mưu của Trung Quốc thì hậu quả là điều mà các nước thành viên có thể đoán trước được, và liên minh ASEAN lại sẽ đi vào vết xe đổ mà liên minh tiền tệ Eurozone để lại về bài học đoàn kết, sự kịp thời trong các quyết định và năng lực quản lý của Campuchia với vai trò là Chủ tịch ASEAN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. http://en.wikipedia.org/wiki/Economy_of_the_European_Union
2. Thu Hương (2012), Eurozone học được gì từ các thị trường mới nổi, <http://www.baomoi.com/Eurozone-hoc-duoc-gi-tu-cac-thi-truong-moi-noi/45/8384981.epi>
3. vi.wikipedia.org/wiki/RMS_Titanic
4. Việt Linh (2012), Tiết lộ về cuộc họp kín của Asean, <http://vnexpress.net/gl/the-gioi/2012/07/tiet-lo-ve-cuoc-hop-kin-cua-asean/>

ĐIỂM TIN TRONG NƯỚC

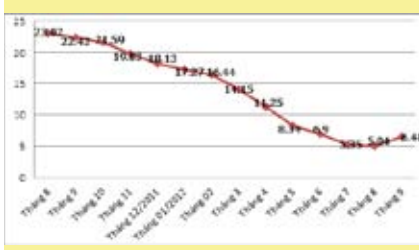
TIN KINH TẾ VĨ MÔ

CPI tháng 9 tăng đột biến, đạt mức cao nhất từ đầu năm đến nay

Chiều ngày 26/9, Tổng cục Thống kê cho biết chỉ số giá tiêu dùng tháng 9 tăng 2.2% so với tháng 8. Đây được coi là mức tăng lịch sử kể từ năm 1995, bằng cả 7 tháng trước cộng lại. Điều này, cho thấy xu hướng lạm phát cao đang quay trở lại Việt Nam. Những nguyên nhân chủ yếu được nhận định là do hai “cú sốc” phí dịch vụ y tế và học phí giáo dục. Cụ thể CPI nhóm thuốc và y tế tăng 17.02%, nhóm giáo dục tăng 10,54%. Giá xăng dầu trong nhóm giao thông vận tải cũng là một trong những nguyên nhân đẩy CPI tháng 9 lên cao.

Với mức tăng CPI này, “quán tính lạm phát” đang hình thành rất mạnh và lại đặt nền kinh tế Việt Nam vào nguy cơ đối đầu với lạm phát trong những tháng cuối năm nay và đầu năm sau.

CPI từ tháng 8 năm 2011 đến tháng 9 năm 2012



Tháng 9, nhập siêu khoảng 100 triệu USD

Theo số liệu của cơ quan thống kê, tháng 9 cả nước nhập siêu khoảng 100 triệu USD. Tuy nhiên tính chung cả 9 tháng đầu năm 2012 lại xuất siêu 34 triệu USD nhờ cán cân thương mại thặng dư ở các tháng khác. Như vậy cán cân thương mại 9 tháng đầu năm đã được cải thiện rõ rệt, góp phần giảm sức ép lên tỷ giá. Tuy nhiên cán cân thương mại thặng dư cũng cho thấy sự trì trệ trong sản xuất kinh doanh.

Khởi điểm chịu thuế thu nhập cá nhân: Chốt 9 triệu đồng

Ủy ban Tài chính - ngân sách của Quốc hội đã thống nhất với phương án nâng mức khởi điểm chịu thuế từ 4 lên 9 triệu đồng. Đồng thời mức giảm trừ gia cảnh đối với mỗi cá nhân phụ thuộc cũng



TIN NHANH

được nâng từ 1,6 triệu lên 3,6 triệu đồng theo như đề xuất của Chính phủ.

GDP quý III đạt 5.35%, tăng trưởng kinh tế khởi sắc

Xét về mặt thời gian, tăng trưởng GDP đã có xu hướng cao lên qua các quý (từ mức 4% quý I, 4.66% quý II đến 5.35% vào quý III). Với xu hướng như vậy, kỳ vọng GDP quý IV tiếp tục tăng là một điều hoàn toàn có thể xảy ra.

Trong cơ cấu GDP 9 tháng đầu năm, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2.48%, đóng góp 0.4 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4.36%, đóng góp 1.82 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 5.97%, đóng góp 2.51 điểm phần trăm.

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 9 cũng tăng 4.6% so với tháng. Đây là mức tăng khá cao kể từ đầu năm đến nay. Chỉ số hàng tồn kho của ngành công nghiệp chế biến (tính đến thời điểm 01/9/2012) tăng 20,4% so với cùng thời điểm năm trước. Mặc dù mức tồn kho còn cao nhưng đã có xu hướng giảm dần trong mấy tháng gần đây.

Như vậy tăng trưởng kinh tế dù thấp hơn cùng kì các năm trước nhưng đang dần được cải thiện và phù hợp với tình hình kinh tế vĩ mô hiện nay.



TIN NGÂN HÀNG

Gỡ mở bảng sở hữu chéo cấu trúc hệ thống ngân hàng

Theo bản Báo cáo kinh tế vĩ mô 2012

của Ủy ban Kinh tế (Quốc hội) vừa công bố: "Vấn đề sở hữu chéo giữa các ngân hàng và ngân hàng trở thành sân sau của các tập đoàn kinh tế, kể cả Nhà nước lẫn tư nhân, ở mức báo động". Vấn đề sở hữu chéo giữa các tổ chức tín dụng ở Việt Nam ngày càng trở nên nghiêm trọng, là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc giải ngân vốn dựa trên quan hệ thay vì hiệu quả sử dụng.

Hiện tượng sở hữu lẫn nhau giữa các ngân hàng thương mại (NHTM) cổ phần cũng khá phổ biến ở Việt Nam. Trong giai đoạn bùng nổ các NHTM cổ phần và quỹ đầu tư tài chính, rất nhiều tập đoàn và tổng công ty nhà nước cũng đã tham gia góp vốn. Ngoài ra, còn có trường hợp sở hữu của các NHTM nhà nước tại các NHTM cổ phần. Trường hợp các NHTM có cổ đông lớn là các doanh nghiệp, thì rất có thể các NHTM này trở thành sân sau, chuyên huy động vốn từ dân để tài trợ cho các dự án của mình. Việc sở hữu chéo giữa các ngân hàng cũng tạo điều kiện để cho các doanh nghiệp sở hữu ngân hàng này có thể dễ dàng vay được vốn từ ngân hàng kia và đây có thể coi là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến nợ xấu trong hệ thống các tổ chức tín dụng của Việt Nam hiện nay tăng cao. Có thể nói sở hữu chéo cấu trúc ngân hàng thực chất là vốn vay lẫn nhau, gây ra nhiều hệ lụy cho nền kinh tế đất nước.

Tín dụng xa dần mục tiêu 10%

Đến cuối tháng 8, dư nợ tín dụng tính đến cùng thời điểm chỉ nhích thêm 1,4% so với cuối năm 2011 cho thấy khả năng đạt được mục tiêu tăng trưởng 6-10% trong các tháng cuối năm ngày càng xa vời. Nguồn vốn đầu vào thì tăng mạnh trong khi lãi suất cho vay tại các ngân hàng thương mại (NHTM) liên tục hạ thấp

Ngân hàng nhà nước (NHNN) trong thời gian qua liên tục đưa ra các giải pháp nhằm khơi thông nguồn vốn ngân hàng tới doanh nghiệp, đồng thời cho phép khoảng 10 tổ chức tín dụng được tăng chỉ tiêu tín dụng cả năm 2012 lên 25-30%. Tính đến cuối tháng 7/2012, NHNN bơm ra tới 180.000 tỉ đồng qua các kênh nhằm hỗ trợ các tổ chức tín dụng đưa vốn vào nền kinh tế. Các NHTM cũng ồ ạt tung ra các gói tín dụng ưu đãi lên tới hàng nghìn tỉ đồng. Thế nhưng vấn đề khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa được giải quyết triệt để, là nguyên nhân khiến tín dụng vẫn tăng thấp trong suốt 8 tháng qua.

Nhiều Ngân hàng tăng lãi suất huy động vàng và nâng lãi suất huy động

Ngân hàng Á châu (ACB) đã tăng lãi suất huy động vàng trở lại sau một thời gian dài giữ nguyên ở mức thấp (1,6%). Sau ACB, hai ngân hàng khác là Eximbank và Sacombank cũng đồng loạt tăng lãi suất huy động vàng kể từ ngày 6/9 và với nhiều chương trình ưu đãi. Trước đó, lãi suất huy động vàng của Eximbank có lúc giảm chỉ còn 0,5%. Còn tại Sacombank, ngân hàng này áp dụng mức lãi suất chung 1,6% dành cho mọi khoản gửi vàng, thay cho 0,5% như trước đó.

Cuộc đua lãi suất huy động thời gian qua lại bắt đầu bởi những NH lớn. Cụ thể, NH TMCP Á Châu vào ngày 11/9 đã áp mức 13%/năm dành cho KH gửi 13 tháng, lãi suất là 12,5%/1 năm kỳ hạn 12 tháng, 11,5% ở kỳ hạn 24 tháng và 36 tháng là 12%. Đến ngày 12/9, NH Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) công bố biểu lãi suất huy động mới: lãi suất kỳ hạn 13 tháng lên tới 12,8%, kỳ hạn 12 tháng là 12,3% Sau đó, một loạt các NH khác nhập cuộc: NH Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) điều

chính lãi suất ở kỳ hạn 12 và 13 tháng, tăng lên lần lượt 12,5%/năm và 13%/năm. Tại NH Bắc Á (BacABank), lãi suất niêm yết tại một số điểm giao dịch thực tế đã lên 13%/năm. Các NH khác như: NH Đại Á (DaiABank), NH Việt Nam Thương Tín (VietBank), NH Dầu khí Toàn cầu ... cũng điều chỉnh tăng lãi suất huy động. Theo quy định của NHNN, lãi suất các kỳ hạn dưới 12 tháng cao nhất là 9%/năm, còn trên 12 tháng không bị áp trần. Đến nay, mức lãi suất cao 13%/năm chỉ tập trung ở hai kỳ hạn là 12 và 13 tháng, lĩnh lãi cuối kỳ.

Thay đổi cơ cấu nhân sự Hội đồng quản trị (HĐQT) NHTMCP Á Châu (ACB)

Theo đại diện ACB, ông Trần Xuân Giá, nguyên Chủ tịch HĐQT từ nhiệm vì lý do sức khỏe. Ông Lê Vũ Kỳ và Trịnh Kim Quang, nguyên Phó Chủ tịch HĐQT thì từ nhiệm vì lý do cá nhân. Theo thông cáo báo chí của ACB thì ba thành viên này đều có liên quan đến việc ông Lý Xuân Hải phê chuẩn ủy thác 19 nhân viên ACB thực hiện việc nhận 718 tỷ đồng của ACB để gửi vào Ngân hàng Công thương Việt Nam. HĐQT của ACB cũng đã bầu ông Trần Hùng Huy, Phó tổng giám đốc ACB làm Chủ tịch HĐQT thay cho ông Trần Xuân Giá và các ông Julian Fong Loong Choon, Lương Văn Tự làm Phó Chủ tịch HĐQT.

Việc thay đổi thành viên HĐQT nói trên nhằm củng cố sức mạnh quản trị, giúp ACB khẳng định vị thế là NHTMCP hàng đầu tại Việt Nam.

Liên quan đến vụ việc ở ACB, ngày 19/09/2012, ông Phạm Trung Cang - Phó chủ tịch HĐQT của NHTMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Eximbank đã có đơn xin từ nhiệm vai trò Phó chủ tịch HĐQT của EIB kể từ ngày 19/09/2012.



S&P nâng xếp hạng trong khi Moody's hạ bậc tín dụng đối với hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam.

Ngày 26/9, Vietcombank, Sacombank và Techcombank được S&P nâng xếp hạng tín nhiệm lên mức BB-. Đánh giá rủi ro hệ thống ngân hàng được điều chỉnh từ nhóm

10 lên nhóm 9. Xếp hạng tín nhiệm dài hạn của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank) được giữ ở mức B+ và triển vọng ổn định. Theo S&P, việc điều chỉnh này là bởi tin tưởng những rủi ro đối với nền kinh tế đã giảm bớt. Các chính sách mà chính phủ đã thực hiện từ năm ngoái nhằm giảm bớt tăng trưởng tín dụng quá nóng và cải thiện sự ổn định về giá tài sản đã có những kết quả tích cực.

Trong khi đó, hai ngày sau, Moody's lại thông báo hạ bậc tín dụng của 8 ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam gồm ACB, BIDV, MB, SHB, STB, TCB, VIB, CTG từ mức E+ xuống mức E và hạ bậc tín nhiệm của Việt Nam xuống mức B2 với lý do hệ thống ngân hàng đang chịu sức ép lớn bởi tác động từ việc bùng nổ tăng trưởng tín dụng trong thời gian dài và thắt chặt chính sách.

Ngân hàng Nhà nước ban hành quy định tiêu hủy tiền

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vừa ký ban hành thông tư số 27/2012/TT-NHNN quy định về tiêu hủy tiền, thay thế quyết định số 326/2004/QĐ-NHNN ngày 1/4/2004 và quyết định số 15/2006/QĐ-NHNN ngày 13/4/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Thông tư quy định về tiêu hủy tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông, tiền đình chỉ lưu hành gồm: tiền giấy (cotton, polyme) và tiền kim loại. Nguyên tắc tiêu hủy tiền phải đảm bảo an toàn tuyệt đối về tài sản và bí mật nhà nước. Tiền sau khi tiêu hủy thành phế liệu phải bảo đảm không thể khôi phục để sử dụng lại như tiền. Địa điểm tiêu hủy tiền là Kho tiền Trung ương tại Hà Nội và Kho tiền Trung ương tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trường hợp cần thiết phải tổ chức tiêu hủy tiền tại cơ sở tiêu hủy khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.



TIN TÀI CHÍNH - CHỨNG KHOÁN

Moody's hạ bậc tín nhiệm trái phiếu của Việt Nam

Ngày 28/9, Moody's công bố, điểm tín nhiệm trái phiếu do Chính phủ Việt Nam phát hành bằng ngoại tệ và nội tệ bị tổ chức này hạ về mức 'B2' từ mức 'B1' trước đó.

Hãng đánh giá tín nhiệm Moody's vừa tuyên bố cắt giảm một bậc điểm tín nhiệm trái phiếu Chính phủ Việt Nam. Động thái

này của Moody's được đưa ra chỉ 2 ngày sau khi một hãng đánh giá tín nhiệm lớn khác là Standard & Poor's đưa ra những đánh giá tích cực về hệ thống ngân hàng của Việt Nam. Báo cáo ra ngày hôm nay, 28/9, của Moody's cho biết, điểm tín nhiệm trái phiếu do Chính phủ Việt Nam phát hành bằng ngoại tệ và nội tệ bị tổ chức này hạ về mức 'B2' từ mức 'B1' trước đó. Triển vọng của định mức tín nhiệm mới này là 'ổn định'.

Hai lý do chính dẫn tới việc Moody's hạ điểm tín nhiệm trái phiếu Chính phủ Việt Nam mà tổ chức này đưa ra bao gồm: Thứ nhất, khả năng xảy ra rủi ro đối với bảng cân đối kế toán của Chính phủ Việt Nam đã gia tăng do xuất hiện thêm nhiều điểm yếu trong hệ thống ngân hàng. Và thứ hai, triển vọng tăng trưởng trong trung hạn của nền kinh tế Việt Nam có thể yếu đi do khả năng cung cấp vốn tín dụng hệ thống ngân hàng giảm.

Việt Nam vay ADB 40 triệu USD cho khu vực tài chính vi mô

Sáng ngày 7/9, ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Chính phủ Việt Nam đã ký một hiệp định vay vốn trị giá 40 triệu USD. Khoản vay này hướng tới nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính chính thức cho người nghèo, đặc biệt là những người sống ở khu vực nông thôn và để hỗ trợ cho những cải cách chính sách của chính phủ nhằm cải thiện chất lượng khu vực tài chính vi mô của đất nước trong Chương trình Phát triển Tài chính vi mô.

Chương trình sẽ hướng tới hợp nhất tài chính vi mô vào thị trường tài chính chính. Đồng thời, chương trình cũng khuyến khích cải cách và tái cơ cấu các tổ chức tín dụng của nhà nước có liên quan đến tài chính vi mô như Ngân hàng Chính sách Việt Nam và Quỹ Tín dụng Nhân dân Trung ương. Chương trình Phát triển Tài chính vi mô nằm trong danh mục dự án của Chiến lược Đối tác Quốc gia mới của ADB với Chính phủ Việt Nam, hỗ trợ phát triển các cơ sở hạ tầng của khu vực tài chính, bao gồm cơ sở đào tạo, các chương trình tuyên truyền, kế hoạch bảo vệ người tiêu dùng cũng như thiết lập một hệ thống trao đổi thông tin tín dụng.

Việc ngân hàng nhà nước vay 40 triệu USD đã đánh dấu một cột mốc quan trọng trong những nỗ lực chung của Chính phủ và Ngân hàng phát triển châu Á nhằm phát triển một khu vực tài chính vi mô chính thức, lành mạnh và bền vững tại Việt Nam.

SJC sẽ gia công lại 350.000 lượng vàng

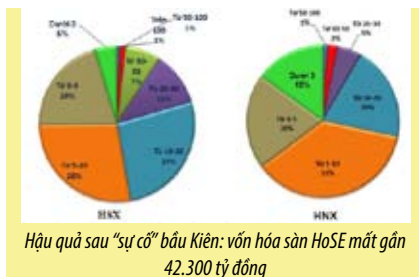
Chiều 19/9, NHNN đã có văn bản chấp thuận cho Công ty Vàng bạc đá quý Sài Gòn (SJC) chuẩn bị kế hoạch để triển khai gia công hơn 350.000 lượng vàng, tương đương 13 tấn vàng. Đây là lượng vàng miếng SJC móp méo và vàng miếng phi SJC mà các tổ chức tín dụng và doanh nghiệp kinh doanh vàng miếng đề nghị Ngân hàng Nhà nước cho phép gia công. Số vàng trên sẽ sớm được đưa ra thị trường nhằm bổ sung nguồn cung vàng, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Dự đoán, việc nguồn cung vàng được bổ sung sẽ kéo giá vàng trong nước về sát với giá thế giới.

Giải cứu BĐS: Càng gỡ càng rối

Dường như càng gỡ thị trường BĐS lại càng rối. Tiền đã bơm ra, thuế và phí đã điều chỉnh, rồi hàng loạt biện pháp hỗ trợ khách nhưng BĐS vẫn bất động, khách hàng vẫn không mua. Vì thế, các DN phải xem lại chính bản thân và cách kinh doanh để tự cứu mình không thể kêu ca mãi. Vẫn là chuyện cũ của thị trường bất động sản (BDS) như thiếu vốn, những khó khăn về tiền sử dụng đất, thuế, bồi thường giải phóng mặt bằng, thủ tục đầu tư... Doanh nghiệp (DN) vẫn tiếp tục kêu ca nhưng dường như bao nhiêu giải pháp đã đưa ra vẫn chưa có hiệu quả. Đường như càng gỡ thị trường lại càng rối. Tiền đã bơm ra, thuế và phí đã điều chỉnh, rồi hàng loạt biện pháp hỗ trợ khách nhưng BĐS vẫn bất động, khách hàng vẫn không mua. Vì thế, các DN phải xem lại chính bản thân và cách kinh doanh để tự cứu mình không thể kêu ca mãi.

Những thống kê thú vị trên TTCK Việt Nam tháng 9/2012

SME phá kỷ lục của VKP trở thành cổ phiếu có giá thấp nhất 200 đồng/cp. Thanh khoản cạn kiệt, mỗi phiên KLGD hai sàn dưới 50 triệu cổ phiếu, giá trị giao dịch quanh 500 tỷ đồng. 53% cổ phiếu sàn HoSE và 72% cổ phiếu sàn Hà Nội dưới mệnh giá



Cổ phiếu có giá thấp nhất sàn Hà Nội và cũng thấp nhất lịch sử TTCK Việt Nam là SME có giá 200 đồng/cp. SME cùng SD3 ngày 26/10 tới đây sẽ bị hủy niêm yết bắt

buộc do vi phạm nghiêm trọng việc công bố thông tin trên TTCK.

77% số mã niêm yết sàn HOSE và 72% số mã niêm yết sàn Hà Nội có giá thấp hơn so với thời điểm 21/8.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng vẫn là "nạn nhân" nặng nề nhất sau vụ bầu Kiên bị bắt, ACB, EIB sau đợt bán sàn liên tục trong 3 ngày 21-13/8, mặc dù có sự hồi phục nhẹ song ACB vẫn mất 32% và 27%, xuống 16.500 đồng/cp và 14.400 đồng/cp, CTG và SHB giảm 15% và 12%, VCB, STB, MBB và NVB giữ được giá, chỉ giảm từ 6-9%.

Mã	Giá 21/8	Giá 28/9	
ACB	24.1	16.5	-32%
EIB	14.4	19.8	-27%
CTG	17.6	20.7	-15%
SHB	7.3	6.4	-12%
VCB	24.6	27	-9%
STB	20	21.7	-8%
MBB	13.2	14.2	-7%
NVB	8	7.5	-6%



Tháng 9 đã đi qua, mặc dù có rất nhiều chính sách mới được các quốc gia sử dụng để cải thiện nền kinh tế, nhưng có vẻ như, kinh tế toàn cầu vẫn đang gặp rất nhiều khó khăn, dự báo một nền kinh tế ảm đạm trong thời gian tới.

Tín hiệu trái chiều từ gói nới lỏng định lượng QE3 của FED

Ngày 14/9/2012, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã quyết định tung ra gói nới lỏng định lượng QE3. Theo kế hoạch, tối thiểu từ nay đến cuối năm, FED sẽ tung đến 85 tỉ đô-la vào thị trường qua việc mua lại các trái phiếu có liên quan tới thế chấp, tiếp tục giữ tỉ lệ lãi suất ở mức gần bằng 0% cho tới giữa năm 2015 nhằm kích thích tiêu dùng trong nước cũng như tạo điều kiện cải thiện thị trường lao động vẫn còn đang khá bấp bênh hiện nay.

Theo đánh giá của FED, cùng với QE3, thị trường lao động của Mỹ sẽ cải thiện nhanh chóng hơn trong thời gian tới nay tới năm 2014, với tỷ lệ thất nghiệp sẽ giảm về khoảng 6.7-7.3%, so với mức 7-7.7% đưa ra trong lần dự báo hồi tháng 6. Và đến năm 2015, tỷ lệ thất nghiệp của Mỹ sẽ giảm còn 6-6.8%. Về tăng trưởng, FED cho rằng, GDP của Mỹ sẽ tăng trưởng ở mức 3% trong năm tới và 3.8% vào năm 2014, so với mức dự báo 2.8% và 3.5% trước đó.

Tuy nhiên, nhiều chuyên gia kinh

tế dự báo lợi ích mà quyết định này (QE3) mang lại là không nhiều và rủi ro thì không chắc chắn, việc tăng cung tiền vào hệ thống tài chính lúc này chẳng khác gì làm tăng nguy cơ lạm phát và bong bóng tài chính. Hồi tháng 4, Egan-Jones đã hạ xếp hạng tín nhiệm của Mỹ từ AA+ xuống AA với triển vọng tiêu cực do chính phủ nước này không đạt được nhiều tiến triển trong việc giảm nợ liên bang. Với những quan ngại về QE3 khiến Mỹ tiếp tục bị hẫng này hạ xếp hạng tín nhiệm xuống AA-. Hiện Moodys' xếp hạng tín nhiệm của Mỹ ở Aaa, Fitch xếp ở AAA và Standard & Poor's ở AA-, tất cả đều với triển vọng tiêu cực. Nhưng "phóng lao thì phải theo lao", kỳ vọng vào sự hiệu quả từ gói QE3 có vẻ là quá lạc quan, điều này đòi hỏi sự giám sát và đề hướng kết hợp chính sách tiền tệ khéo léo của Fed trong thời gian tới.

Kinh tế Trung Quốc - Đầu tàu kinh tế đang bị hụt hơi.

Nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới đang đối mặt với tình trạng lạm phát cao, sản xuất suy giảm, đầu tư nước ngoài giảm sút, xuất khẩu lao dốc, dấu hiệu một nền kinh tế suy thoái nghiêm trọng.

Sự suy giảm kinh tế toàn cầu, khủng hoảng nợ công kéo dài tại châu Âu, thiếu các dự án lớn, giá cả tăng cao và nhu cầu sụt giảm ngay chính trong nội tại nền kinh tế đã gây không ít áp lực đến nền kinh tế Trung Quốc. Trong quý II/2012, tốc độ tăng trưởng kinh tế chỉ đạt 7.6%, mức tăng trưởng thấp nhất trong ba năm qua. Vốn FDI vào nước này giảm 1.43% so với cùng kỳ năm ngoái và là tháng thứ ba giảm liên tiếp; cán cân ngoại thương đang trong tình trạng báo động: xuất khẩu chỉ tăng 2.7%, nhập khẩu giảm xuống thê thảm, chỉ còn có 2.6%, so với mức tăng dự kiến 3-3.5%.

Theo số liệu từ Tổng cục thống kê Trung Quốc, tỷ lệ lạm phát tháng 8 bất ngờ tăng 2% so với cùng kỳ năm ngoái còn sản lượng công nghiệp tăng trưởng 8.9% - mức thấp nhất trong vòng

39 tháng qua. Xu hướng lạm phát sẽ khiến nỗ lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc trở nên phức tạp hơn rất nhiều và sẽ phải thận trọng hơn khi vạch ra chính sách đối phó với suy giảm trong bối cảnh lạm phát.

Thương mại thế giới trì trệ toàn diện

Các tường thuật của OECD cho thấy xuất khẩu giảm 4% trong quý II năm 2012 ở Anh và Ấn Độ; Nga và Nam Phi mất hơn 8%. Đó là những tin xấu đặc biệt đối với những nơi như Singapore và Hồng Kông, vốn là những trung tâm thương mại quan trọng; đồng thời cũng cho thấy những quốc

gia khu vực đồng euro như Ireland và Bỉ đang ở vào tình thế nguy cơ cao.

Tranh chấp lãnh thổ đảo Senkaku/Điều Ngự đã đẩy Trung Quốc và Nhật Bản đến nguy cơ chiến tranh kinh tế.

Các cuộc biểu tình liên tiếp nổ ra, làm gián đoạn hoạt động của các công ty Nhật Bản tại Trung Quốc. Người Trung Quốc đã hủy bỏ 40.000 vé máy bay đã đặt trước với hãng hàng không All Nippon Airways của Nhật Bản. Trong khi đó, Japan Airlines cũng bị hủy 15.500 chuyến tính đến ngày 24/9. Toyota và Nissan vừa công bố ngừng hoạt động sản xuất tại Nhật Bản. Trung Quốc cũng siết chặt kiểm tra hàng hóa của Nhật hơn.

“Mây đen” bao trùm Eurozone

Theo chỉ số PMI tổng hợp sơ bộ do Markit công bố ngày 20/9, hoạt động sản xuất và dịch vụ khu vực tư nhân của 17 nước thuộc khu vực đồng euro (Eurozone) thu hẹp với tốc độ nhanh nhất kể từ tháng 6/2009, bất chấp suy thoái ở Đức - nền kinh tế lớn nhất khu vực - đã có dấu hiệu cải thiện. Anh đã rơi vào suy thoái trong quý 1 và càng lún sâu hơn vào vũng lầy trong quý 2. Chính phủ Italia đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế của .Theo đó, kinh tế Italia sẽ giảm 2,4% năm 2012 và 0,2% năm 2013. Thụy Điển dự báo thâm hụt trong khu vực nhà nước sẽ là 0,6% GDP trong năm 2013

Hiệp hội Ngân hàng Anh bỏ phiếu từ bỏ vai trò kiểm soát LIBOR

Thao túng lãi suất LIBOR tuy xảy ra đã nhiều tháng nhưng dư âm để lại cũng chưa hoàn toàn mất đi. Bảy ngân hàng lớn trên thế giới đã bị điều tra và khởi tố vì liên quan đến vụ thao túng này, bao gồm UBS, Deutsche Bank, Royal Bank of Scotland (RBS), JP Morgan, Citigroup, HSBC và Barclays.

Ngay từ khi ra đời cách đây ba thập niên, lãi suất liên ngân hàng này đã bộc lộ nhiều điểm hạn chế. Cơ chế giám sát trở nên mất tính khách quan. Đây cũng là cơ hội để các ngân hàng lợi dụng kiểm lời. Năm 2008, Cục Dự trữ liên bang Hoa Kỳ (FED) và Ngân hàng Trung ương Anh đã đưa ra ý kiến về việc thay đổi cách tính của LIBOR nhưng chưa được chấp thuận. Sau vụ việc của các ông chủ lớn ngân hàng bị đưa ra ánh sáng thì ý kiến trên mới được cân nhắc lại. Hiệp hội Ngân hàng Anh (BBA) gồm hơn 200 ngân hàng lớn đã bỏ phiếu vào đầu tháng 9 để thông qua việc từ bỏ quyền quản lý lãi suất LIBOR. Đây là cơ hội để các cơ quan chức năng toàn cầu quản lý một trong những lãi suất quan trọng nhất trên toàn cầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. An Hạ (2012), Vay ADB 40 triệu USD phát triển khu vực tài chính vi mô, <http://dantri.com.vn/c76/s76-638260/vay-adb-40-trieu-usd-phat-trien-khu-vuc-tai-chinh-vi-mo.htm>
2. Hoàng Dung (2012), Kinh tế Vi mô Tuần 01 - 05/10: Toàn cảnh nền kinh tế 9 tháng đầu năm 2012, <http://vietstock.vn/2012/09/kinh-te-vi-mo-tuan-01-0510-toan-can-h-nen-kinh-te-9-thang-dau-nam-2012-582-241264.htm>
3. <http://www.cand.com.vn/vi-VN/kinhte/2012/9/181367.cand>
4. K.T, Thương mại thế giới trì trệ toàn diện, <http://cafe.vn/20120920122220894CA32/thuong-mai-the-gioi-tri-te-toan-dien.chn>
5. Tổng cục thống kê (2012), <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=403&idmid=28&itemID=13263>
6. Tú Uyên (2012), 350.000 lượng vàng SJC sẽ được tung ra thị trường, <http://cafe.vn/20120919114710562CA34/350000-luong-vang-sjc-se-duoc-tung-ra-thi-truong.chn>
7. Thanh Hải (2012), Ông Trần Xuân Giát từ nhiệm, Ông Trần Hùng Huy lên làm chủ tịch HĐQT của ACB, <http://cafe.vn/20120919043012223CA34/ong-tran-xuan-giat-tu-nhiem-ong-tran-hung-huy-len-lam-chu-tich-hdqt-cua-acb.chn>
8. Theo TBKTSG, Gỡ mở bong bóng sở hữu chéo, <http://vietnamnet.vn/vn/kinh-te/vet/87485/go-mo-bong-bong-so-huu-choe.html>
9. Thu Hương (2012), Thủ tướng Nhật Bản: Sẽ không thỏa hiệp với Trung Quốc, <http://cafe.vn/20120927082415489CA32/thu-tuong-nhat-ban-se-khong-thoa-hiep-voi-trung-quoc.chn>
10. Thùy Dung (2012), WTO: Mỹ, Trung chỉ đấu khẩu trong tranh chấp thương mại, <http://cafe.vn/2012092710513314CA32/wto-my-trung-chi-dau-khau-trong-tranh-chap-thuong-mai.chn>
11. Văn Nguyễn (2012), Tin dụng xa dần mục tiêu 10%, <http://cafe.vn/2012090507377514CA34/tin-dung-xa-dan-muc-tieu-10.chn>
12. VTV (2012), Trung Quốc có nguy cơ tăng trưởng kinh tế thấp nhất trong vòng 30 năm qua, <http://cafe.vn/20120925051437621CA32/trung-quoc-co-nguy-co-tang-truong-kinh-te-thap-nhat-trong-vong-30-nam-qua.chn>

Tiếp theo trang 37

quyết bài toán yếu kém về cơ sở hạ tầng của nước ta như “phần nản” của nhiều nhà đầu tư nước ngoài, mà hơn thế là sẽ tạo ra nhiều việc làm, giải quyết vấn đề lao động dôi dư do mất việc làm từ ảnh hưởng của suy thoái. Một khi vấn đề yếu kém của cơ sở hạ tầng được giải quyết, cộng hưởng các chính sách kinh tế vĩ mô khác thì việc thu hút nhà đầu tư nước ngoài sẽ trở nên khả quan hơn khi kinh tế thế giới hồi phục.

Bài toán thứ hai là tháo gỡ những vướng mắc trong cơ cấu hệ thống ngân hàng. Cuộc khủng hoảng tài chính vừa qua đã khẳng định vai trò quan trọng của hệ thống ngân hàng đối với sự tồn vong của nền kinh tế. Mọi hoạt động tài chính liên hệ với nhau chằng chịt, trong đó ngân hàng có vị trí mấu chốt. Nếu nó sụp đổ ắt hẳn cả nền kinh tế cũng lao dốc theo. Bài học cần học từ cuộc khủng hoảng này là luôn chú trọng giữ hệ thống tài chính ngân hàng lành mạnh. Nó làm công việc quan trọng nhất là lưu chuyển vốn. Cần nhớ rằng bản thân nó không tạo ra của cải cho xã hội. Nếu không tập trung vào sản xuất hàng hóa và dịch vụ, mà chỉ nhằm buôn rủi ro hô hào đẩy giá, thì đó chỉ là hành động móc túi người có tiền khác một cách hợp pháp. Việt Nam cần sử dụng các chính sách kinh tế hợp lý nhằm ngăn ngừa một thị trường nhà đất mang tính đầu cơ và làm sao giữ được niềm tin trong quần chúng.

Điều quan trọng nữa là bảo đảm thông tin đầy đủ, minh bạch để nhà nước nắm vấn đề mà dân cũng nắm vấn đề. Bởi một hệ thống dự báo tốt chỉ khi có cơ sở dữ liệu chính xác, từ đó có thể hoạch định xu thế tương lai trong một chu kỳ. Thông tin không được công khai là rủi ro tiềm ẩn lớn nhất tại Việt Nam khi thị trường phát triển ngày càng sâu rộng.

Tóm lại, chu kỳ kinh tế là một quy luật hiển nhiên trong sự phát triển kinh tế toàn cầu, hưng thịnh và suy thoái là hai quá trình tất yếu, mâu thuẫn nhưng luôn gắn liền với nhau. Không phải ngẫu nhiên mà con người mâu thuẫn. Thích nghi là bản chất của chúng ta. Con người không thể chống lại quy luật nhưng có thể xoay chuyển nó theo hướng có lợi. Bằng chứng là vượt qua suy thoái, nền kinh tế luôn bước lên nấc tăng trưởng mới cao hơn trước. Giai đoạn vượt qua suy thoái là cơ hội tốt để những nước đang chuyển đổi như Việt Nam đẩy mạnh cải cách và chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chỗ chủ yếu dựa vào tăng vốn đầu tư, xuất khẩu tài nguyên chuyển sang tăng trưởng nhờ vào năng lực cạnh tranh, phát huy lợi thế so sánh... Tiên đoán và định hướng sự phát triển của tương lai là điều chúng ta đang theo đuổi và ranh giới của sự theo đuổi đó không có điểm dừng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Alan Greenspan, 2008, Kỷ nguyên hỗn loạn: Những cuộc khám phá trong thế giới mới: 98-120
- Bách khoa toàn thư Wikipedia, http://vi.wikipedia.org/wiki/Chu_k%E1%BB%B3_kinh_t%E1%BA%BF
- Lê Giang (2008), Đứng chống lại chu kỳ kinh tế, <http://cafe.vn/2008630133151761CA34/dung-chong-lai-chu-ky-kinh-te.chn>
- Nguyễn Trí Bảo (2009), Chu kỳ của nền kinh tế Việt Nam, <http://www.thesaigontimes.vn/Home/thoisu/sukien/15751/>
- Xuân Hòa (2008), 8 cuộc suy thoái tồi tệ nhất trong lịch sử nước Mỹ, <http://vnexpress.net/gl/kinh-doanh/quoc-te/2008/12/3ba09040/>



"Mới đó đã hết ba năm học rồi sao?"

- An tự hỏi dù câu trả lời đã có sẵn trong cô. Người ta thường nói tuổi 18 thật đẹp bởi những rung động của tuổi mới lớn. Ấy vậy mà, với một người như An thì đó lại là những khái niệm hoàn toàn xa lạ. Có lẽ vì An là lớp trưởng của lớp, rất giỏi giang và tháo vát nên không một chàng trai nào trong lớp nghĩ mình đủ chuẩn làm boyfriend của cô. Cũng bởi trong mắt An giờ chỉ có mối quan tâm duy nhất là kỳ thi định mệnh của cuộc đời nên An không muốn để những chuyện nhảm nhí quấy rầy. Ngày chia tay gần kề, cô quyết định dập dẹp bỏ những suy nghĩ bằng quơ bằng một kế hoạch đi chơi thật "kỳ lạ" để khẳng định niềm tin sẽ vượt qua kỳ thi, đó chính là: "Đi bộ lên đỉnh Lang-Biang". Quả thật là một điều không tưởng khi một cô gái với

vóc dáng nhỏ nhắn sẽ chinh phục đỉnh núi cao 2.167m bằng năm ki-lô-met đường bộ! Ai cũng nghĩ An có vấn đề nhưng cô vẫn kiên quyết làm cái điều mà người ta cho là crazy như thế. Với "uy tín" sẵn có của một lớp trưởng, mọi người đều nghe An răm rắp, bên cạnh những đứa tán thành nhiệt liệt thì dĩ nhiên cũng có một số phần tử *bằng mặt nhưng không-bằng-lòng*...

Vào ngày xuất phát, một chuyện đã bất ngờ xảy đến...

Khi cả lớp đến nơi thì đột nhiên cái đám-phản-động trong lớp một hai đòi đi xe Jeep, còn đám bạn thân của cô cũng toàn con gái nên cũng nhụt chí với ý tưởng đi bộ lên đỉnh, thế là mọi người nấn nỉ ỉ ôi để được đi xe cho đỡ mệt. Mặc ý kiến số đông, An quyết định:

- Ai đi xe thì đi, tui đi bộ. Dầu sao cũng cắm trại qua đêm ở đây. Nếu có gì thì liên hệ với phá... í nhầm, phó đoàn nhé các tình yêu

- Bà có bị gì không? Năm cây số mà cuộc bộ thì bao giờ mới lên tới đỉnh? Leo núi mà bà tưởng đi đường nhựa hả? Lỡ có gì xảy ra thì sao?

- Oh oh không sao đâu. An mà lì. Dưa lẹ lắm, haha...

- Thôi được, nếu bà muốn vậy thì tùy, người gì mà độc tài, không chịu nghe lời ai hết.

- Ủa, tính tui trước giờ vậy mà? Lãnh đạo mà không độc tài sao làm lãnh đạo được hả mấy cung? Mà thôi, cứ đi trước đi mà, tại tui cũng muốn đi bộ để ngắm cảnh chụp hình luôn.

Nói rồi, cả đám hí hửng nhảy lên Jeep, An chỉ nhìn theo và buông lời thở dài: "Vậy mà lập kế hoạch thì chả ai ý kiến..."

Biết rằng mọi người sẽ vì cô mà chờ đợi nhưng cô vẫn buống bỉnh làm theo ý mình, một phần vì cô tin vào Đăng - lớp Phó kiêm Phó Bí thư kiêm Phó đoàn (*nói chung là tên này luôn giữ chức Phó mà thôi - xưa nay vẫn vậy*) - một chàng trai hiền lành nhưng luôn khiến người khác cảm thấy tin tưởng, có Đăng thay mình trông coi cái lớp nhốn nháo này có cũng yên tâm mà thực hiện điều-điên-rồ mà với cô, đó chính là sự thể hiện niềm tin sẽ chiến thắng trong kỳ thi tới.

Đến giữa sườn núi, mãi vừa đi vừa ngắm phong cảnh thơ mộng hữu tình qua chiếc máy ảnh Canon mới tậu thì đột nhiên An đạp phải một hòn đá trơn trượt

và té lặn ra đất, lúc cố gắng đứng dậy thì cô phát hiện mình bị trật chân, khó mà tiếp tục chuyển hành trình. Đột nhiên từ xa xuất hiện bóng dáng một thanh niên người dân tộc. Trên vai chàng đang là một chiếc gùi đựng rất nhiều bông hoa dã quỳ. Dù sống ở mảnh đất này từ nhỏ nhưng đây là lần đầu tiên cô trong thấy người-dân-tộc 100% (*botay.com với cô này*). Vì vậy mà trong cô vẫn chút gì đó lo sợ, hoài nghi. Cũng dễ hiểu thôi, con gái mà, một thân một mình giữa chốn đồng không hiu quạnh thế này thì thiếu gì chuyện từ nhỏ tới to có thể xảy ra? Nhưng nỗi sợ hãi của An nhanh chóng tan biến khi nghe chàng thanh niên này trò chuyện:

- *Cô bị sao vậy, có cần tôi giúp không?*

- *Tui bị trật mắt cá chân, giờ đi không nổi nữa, trong khi bạn bè tui đang chờ trên đỉnh núi.*

- *Hay để tôi cố gắng cô lên đỉnh núi với bạn cô nhé? Chàng trai đáp không chút lưỡng lự.*

Nghĩ cũng ngại, vả lại thân con gái sao tùy ý "đụng chạm" ai cũng được, nhưng không còn cách nào khác nên An đành gạt đầu. "Thế nào kể ra cũng sẽ bị bạn thân xỉa xối cho xem". An nghĩ thầm. Nhưng nỗi lo lắng dần được lắng xuống khi cô bắt chuyện làm quen với chàng trai:

- *Tui là An Lê Thuý An học ở trên thành phố Đà Lạt ấy. Anh tên gì?*

- *Tôi là Y-ren, người K'Ho, tôi sống ở vùng núi này từ nhỏ, nhưng cũng có đi học trên thị xã, năm nay tui 20.*

- ...

Cuộc trò chuyện cứ tiếp diễn khi An thích thú khi "bắt" được một anh chàng dân tộc chính hiệu này, cô hỏi về bản làng, về văn hóa, gia đình,...tất tần tật những thứ cô có thể nghĩ ra được, Y-ren cũng thật thà chả giấu cô điều gì, hai người dần dà cởi mở với nhau. Chẳng mấy chốc đã lên tới đỉnh, Y-ren chưa kịp đặt An xuống thì cô đã bị lớp la cho một trận toí bời, ai cũng "hào hứng" mắng An mà quên luôn anh chàng dân tộc lạ mặt.

- *Sao giờ này mới lên hả cô nương? Biết mấy giờ rồi không? Đã bảo đi xe Jeep đi mà không chịu nghe...*

- *Ái em só rỳ (I'm sorry), lẽ ra tui đến lâu rồi nhưng tại một vài sự cố kỹ thuật nên trễ thôi - An hóm hỉnh đáp lại rồi chìa cái chân sưng ra.*

- *Thế giờ bà sao rồi?*

- *Cũng tạm ổn, nói chung là chơi được nhảy được, hehe...À, sẵn giới thiệu với mọi người. Đây là Y-ren, ân nhân của tui, anh hùng đã cứu vớt mỹ nhân này trên núi, hihi. Anh Y-ren à, anh ở lại chơi với lớp em nhé, coi như em trả ơn anh nha.*

- *Chuyện nhỏ thôi, hihi. Cảm ơn An...*

Mọi người cùng chơi đùa với nhau rất vui đến tận khuya. Đêm đó còn đốt lửa trại nữa, đây lần đầu được chứng kiến kèn lá, điệu nhảy, câu hát của chàng-dân-tộc 100%, ai cũng tỏ ra vô cùng thích thú, Y-ren cũng chẳng ngại ngần gì.

Khi ánh lửa sắp tắt cũng là lúc cả bọn về lại lều để ngủ. Chỉ có An và Y-ren còn thức. Sương khuya buông xuống mỗi lúc một lạnh. Đầu đó tiếng côn trùng kêu râm ran phản phát cả một vùng trời đêm. Hai người trò chuyện rất tâm đầu ý hợp, về cuộc sống, hoài bão, ước mơ và tương lai, chẳng mấy chốc An ngủ thiếp trên vai Y-ren lúc nào không biết. Sáng hôm sau, khi mọi người chuẩn bị ra về thì Y-ren đến bên An và tặng một chùm hoa dã quỳ mới hái.

- *Chúc An thi tốt nha. Rảnh rồi nhớ thăm Y-ren nhé!*

- *Cám ơn anh An hẳn hẳn nhận chùm hoa với tâm trạng xôn xao khó tả, phải chăng chỉ vì chùm hoa dã quỳ ngát hương còn đọng sương đêm, hay là vì sắp phải chia tay một người bạn, nói đúng hơn là một mối tình đầu ở lứa tuổi 18...*

- *Nhất định em sẽ thăm anh - An nhẹ nhàng đáp.*

Tạm biệt Y-ren, tạm biệt Lang Biang. An và chúng bạn về Đà Lạt rồi chia tay nhau mỗi người một ngã, họ chúc nhau sẽ thành công trong kỳ thi Đại Học sắp tới, chúc nhau sẽ thành công trên con đường đã chọn. An tự nhủ sẽ vào cho bằng được ĐH Kinh Tế - Luật (ĐHQG HCM) để không đánh mất 12 năm đèn sách đời mình.

Và rồi ngày thi định mệnh cũng đến. Hình ảnh Y-ren cứ chọt ản chọt trong tâm trí An, dù vậy nhưng cô không xem đó là thách thức phải vượt qua mà coi đó là động lực để phấn đấu... Vì cô tin, rồi sẽ có ngày, một ngày không xa thôi, cô gặp lại Y-ren...

Một tháng sau...

An vui mừng đón nhận giấy báo trúng tuyển của trường. Vậy là bao cố gắng đã không phụ lòng mong mỏi của cô, nhưng điều đó đồng nghĩa với việc cô sẽ xuống Sài Gòn học, sẽ chia tay mọi thứ, bạn bè, người thân vàcả Y-ren nữa. Quyết tâm làm rõ mọi cảm xúc của mình, cô lại lên đỉnh Lang Biang để tìm gặp Y-ren...

Lên tới nơi cắm trại ngày xưa, nơi mà hai người đã cùng nhau trò chuyện, cảnh vật vẫn vậy nhưng hình bóng bạn bè cũ đã không còn, mỗi người một con đường, khó mà tề tựu về đây đông đủ như hồi ấy. Nghĩ đến đó An lại bồi hồi xúc động, nước mắt chọt trào dâng... "*Không sao, chúng mình vẫn còn ngày họp lớp mà*". An tự nhủ. Bạn bè chia tay còn có thể gặp lại, nhưng một hình bóng dù lạ nhưng rất đỗi quen thuộc cứ ám ảnh An suốt một tháng nay thì làm sao tìm lại được đây? Chia tay Y-ren, dù biết là hình bóng anh chỉ là hình bóng của một người chọt tới rồi vụt đi qua cuộc đời mình, nhưng hoài niệm cũng như cảm xúc trong An luôn rất chân thật, nó sâu lắng và mãnh liệt trong trái tim người thiếu nữ 18 tuổi.

- *Giờ này anh đang ở đâu? An thì thăm*

Dường như đầu đó có một âm thanh thiết tha vọng lại :

- *Anh sẽ chờ em, dù bao lâu anh cũng vẫn chờ ! Tại nơi này, trên đỉnh Lang Biang ! Mong rằng gió sẽ chuyển tải lời anh đến với em - con gió đẹp thoáng qua đời anh...*

Huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

NGUYỄN TIẾN ĐẠT - K10502

KHI SINH VIÊN TRỞ THÀNH

HUỲNH THỊ HẢI YẾN

K11404A



1. Oai như thầy

Việc thường nhắc đến hàng đầu – Gia sư. Làm thầy thì chắc chắn được tôn trọng nhất rồi, sẽ được thưa thưa dạ dạ, ngồi trên bàn và nói thôi. Khi nào mệt quá thì nghỉ một bữa: “Ôi cô ơi, hôm nay cháu bận lên trường, cháu đi về quê, cháu có bài kiểm tra, cháu có bài tập online...” và tung tăng đi sinh nhật, đi chơi, hay ở nhà nằm dài ra... lợi cho những ai lười biếng, khả khà. Lại còn lương khá khá và nhàn hạ nữa chứ. Chà, nhưng “Không mày đồ thầy dạy ới” đầu tiên phải kiếm được cái trung tâm uy tín, giao cho họ một khoảng tiền không nhỏ bạn mới biết chỗ dạy. Nếu lọt lưới của các trung tâm mà thì hậu học khó lường. Con mỗi giờ tiền, đi dạy một lớp “nguy trọng”, vì lý do nào đó mà “gia chủ” không muốn bạn dạy nữa, còn “trung tâm” thì chối việc trả tiền lại hoặc... lặn mất tăm. Bạn cần một nơi có văn phòng cụ thể, có web rõ ràng, và nhiều thông tin từ bạn bè đã từng làm ở đó nha. Một vài Trung tâm khá ổn như: Nhân văn, Tâm – Tài – Đức, Vĩnh Viễn, Tài Năng... là an toàn đó bạn. Lại nữa, mình có biết đứa bạn sẽ đổi mặt ra sao? Tốt quá nếu nó chăm ngoan (nhưng mà ít lắm, nó chăm ngoan thì cần gì bạn) còn không thì là cái đứa nói mãi mà không làm, dạy mãi mà không hiểu thậm chí còn cãi lại hoặc khóc ầm lên, vậy là bạn rèn luyện được khả năng lãnh đạo một “tiểu quĩ”, khả năng truyền đạt hay “cam chịu” và thuyết phục “khách hàng”. Mức lương tùy vào lớp và số học trò bạn dạy nữa, kèm 1 học sinh ôn thì đại học lương lên đến 1.5 triệu/12 buổi.

2. Trở thành dân BUSINESS

Việc được đánh giá cũng không tệ là nghề Bán hàng, bạn là “dân” kinh tế, bạn mong muốn tiếp xúc sớm với khách hàng? Bạn muốn thể hiện khả năng giao tiếp hay khơi dậy những tiềm năng ... bạn chưa biết, lương hưởng cũng khá ổn, mà không phải lúc nào cũng phải bận rộn, vất vả (giả sử lúc ế khách chẳng hạn, nhưng đứng để bà chủ biết cái mong muốn này của bạn nhá). Ở nhưng mà nếu bạn nhanh chán, bạn không muốn ngày nào cũng ba lô ba la những thông tin chưa chắc là thật, không muốn thách giá trên trời (bạn nhân đạo mà), không muốn bị sai những công việc lật vật khác ngoài bán hàng... thì bạn sẽ nghĩ làm sớm thôi. Lương cho việc bán hàng cũng tùy vào chỗ làm nữa. Trong thành phố thường có mức lương [8-12 ngàn/giờ]

3. Lãng xãng quán xá:

Một việc thường được các sinh viên “để mắt” nghề Phục vụ. Ưu điểm của nó là dễ làm, dễ kiếm, lương hưởng cũng tương đối (thậm chí là khá cao khi bạn làm trong quán bar, nơi tổ chức tiệc, quán ăn nước ngoài), nếu bạn làm ở quán ăn thậm chí còn khỏi phải lo bữa ăn trong giờ làm, các ông chủ cũng hào hiệp cho đem đồ ăn về (và lại càng hào hiệp khi quán... ế), bạn còn nhận được hoa hồng của các khách hào hiệp

Bạn là sinh viên? Bạn muốn có thêm thu nhập phụ giúp gia đình (nếu bạn muốn), có thêm kinh nghiệm (nếu bạn cần), có thêm tài khoản cho tiêu dùng, mua sắm quần áo, mỹ phẩm (nếu là nữ) hay có thêm khoản “tinh phí” (nếu là nam)? Bạn băn khoăn nên làm việc gì cho vừa sức, có thời gian chơi? Hay đơn giản là kiếm được tiền khi còn đi học? JH (Job Hunter) – một “thuật ngữ” mới xuất hiện dạo gần đây chỉ những sinh viên thích tìm việc làm thêm... Bạn thử tham khảo vài công việc sau đây của “nhà ngâm cứu” – đang trong quá trình tu luyện – đã từng trải qua nhiều lần... thôi việc và khuyên bạn bè... nghỉ việc.

Không lấy tiền lẻ thời lại, có cơ hội tiếp xúc với nhiều người, nếu may mắn làm trong các tiệm ăn nước ngoài còn rèn luyện ngoại ngữ của bạn... Nhưng nếu bạn không đủ sức khỏe, bạn sẽ nhanh chóng nản lòng với những trận gục gục trên lớp, sẽ hoảng loạn khi gặp nhiều người không tốt, sẽ mệt mỏi với việc bị sai bảo liên tục, hay những lời đàm tiếu (có thể chứ) nếu bạn làm tại những địa điểm nhạy cảm... Bạn sẽ không trụ lâu trong một nhà hàng, quán xá nào quá lâu đâu. Bạn Linh (ĐHL) phục vụ ở Lotte Mark (quận 4) 10 ngàn/giờ kèm theo tip từ 300-400 ngàn/tháng. Còn Ngọc (KHXH&NV) không mặn mà với mức lương 6 ngàn/giờ tại 1 quán cà phê ở làng Đại học Thủ Đức.

4. Laptop thành “Bồ”

Nhiều bạn thích nằm dài ở nhà, không muốn lệ thuộc vào thời gian đi làm thì các bạn ấy chọn Online làm người bạn cho cái “ngân khố” của bạn ấy. Có thể là đánh máy, nhập dữ liệu, marketing online, bán hàng online, gõ captcha... Xem nhé, bạn sẽ rèn luyện tính kiên nhẫn của mình, phát huy lợi thế về tin học mà chẳng cần đi đâu, tiết kiệm tiền xăng trong thời buổi vật giá, chủ động sắp xếp được thời gian học tập, sinh hoạt, đi chơi. Nhưng bạn sẽ khó lòng làm được những gì bạn thích, ngồi hàng giờ bên máy tính có thể trang bị cho mắt bạn một cặp kính “đít chai”, gù lưng, béo phì, đã thế cũng chẳng gặp ai, đối thoại mãi với bàn phím ... có khi bạn sẽ tự kỷ mất.

5. Cộng tác viên

Có khi nào bạn muốn tiếp cận môi trường làm việc sớm hơn một chút, theo đuổi sở thích, mong học hỏi được các anh chị tiền bối, và cũng không gò bó về thời gian quá nhiều, hãy làm Cộng tác viên. Bạn sẽ chạy lăng xăng đi kiếm tin tức, thu thập tài liệu, khảo sát ý kiến, sắp xếp phòng họp, hội nghị... Việc này ưu tiên nhiều cho

SV báo chí, các kênh online, công việc khảo sát thị trường, nghiên cứu khoa học... Nếu bạn có thể cộng tác viên, đột nhiên bạn cũng thấy mình oai nghiêm hơn hẳn đấy. Nhưng cũng vì tính chọn lọc của công việc mà không phải ai, ngành nào cũng tìm được dễ dàng, và công việc mang tính chất tích lũy nhiều hơn là lương bổng đó các bạn.

6. Marketing đường xá

Nhiều Sinh Viên cũng thấy “lộ diện” ở các đường phố, quán xá, chẳng ngại nắng, bụi, liên tục phát và phát tờ rơi. Tại sao nó tên là “tờ rơi”, bởi đọc xong hoặc cầm thôi người ta thả rơi luôn (mình đoán thế). Nếu chưa quen, có thể bạn hơi hụt hẫng khi người ta thẳng thừng từ chối nhận, hay ném đi ngay trước mặt bạn. Khi ngoài nắng hàng giờ (thậm chí có nơi không cho mang khẩu trang >.<~), bạn sẽ sở hữu một làn da bánh mướt và cảm nhận một thế giới ngập tràn ánh nắng (*.*). Nhưng công việc này không bắt buộc bạn làm thời gian lâu dài, nhưng chóng nhận lương tuy nhiên mức lương không cao, những dạng cao cấp như PB/Bq thì lương khá hơn.

7. Biến Thành “Nàng Tấm”

Một công việc cũng nên liệt kê ra là Giúp việc. Bạn sẽ được xếp lịch sao cho phù hợp và với “tể gia nội trợ” bạn sẽ tích lũy cho mình khả năng làm mẹ, làm vợ (nếu bạn là con gái). Đã thế, lại làm trong một môi trường khá giả, tăng ước mong giàu có. Chưa hết, bạn lại làm trong

nhà và việc thi khá nhàn. Nhưng tính chất của công việc không cho bạn khả năng phát triển nhiều ngoài xã hội, và chẳng phù hợp với tính chất "siêng năng... hiếm thấy" của SV tụi mình đâu.

Còn rất nhiều, rất nhiều công việc mà sinh viên chúng ta chọn lựa cho sự nghiệp "chống đối" "chống... ế" của mình. Trên đây chỉ mô tả tính chất chung của công việc bạn làm. Còn thực tế cần xem xét nhiều khía cạnh, khả năng và tính phiêu lưu mạo hiểm của nó nữa. Với lứa tuổi "ngây ngây" "trong sáng" như tụi mình thì dễ bị dụ dỗ lắm, sa chân lỡ bước là coi như... xong. Nên bạn cần phải suốt, tỉnh táo và học hỏi những người có kinh nghiệm như mình chẳng hạn... Và hơn hết, bạn vẫn xác định công việc chính của mình là học tập. "Học, học, học chết thì thôi". Các bạn có thể tìm hiểu thêm trên trang web của trường tại mục Sinh Viên, hoặc đường link tham khảo <http://www.Facebook.com/vnjobs.com.vn>



CHÀO ĐÓN THÀNH VIÊN MỚI

Trần Thị Thanh Nhung K10B
Đào Thị Vinh Nguyễn K10T
Dương Thị Thảo K10T
Huỳnh Thị Hải Yến K11404A
Lê Thị Diễm Mân K10404A
Nguyễn Hoàng Yến K11407B
Nguyễn Thị Ái Nhi K10T

Nguyễn Thị Bảo Trân K10404B
Nguyễn Thị Cẩm Giang K10T
Nguyễn Thị Cẩm Giang K10T
Nguyễn Thị Minh Thư K10T
Nguyễn Thị Phương Dung K11T
Nguyễn Thị Quỳnh Liên K10404B
Nguyễn Thị Thúy K11404B

Nguyễn Thúy Anh K10T
Phạm Minh Nhật K10403
Phạm Thị Hồng Lệ K10T
Phan Thụy Tâm Thư K11T
Phan Vĩnh Linh Giang K11T
Trần Thị Hiền K10401
Vũ Khánh Linh K11T

CHUYÊN SAN KINH TẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG 1 KỶ NIỆM NĂM RA MẮT

CHUYÊN SAN CỦA SINH VIÊN KHOA TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT



Chuyên san Kinh tế Tài chính-Ngân hàng số đặc biệt 4+5 đánh dấu kỷ niệm tròn 1 năm Chuyên san đến với bạn đọc. Trong 1 năm qua, Chuyên san là một sân chơi học thuật đầy mới mẻ và lần đầu tiên có mặt tại trường Đại học Kinh tế - Luật, với các mảng kiến thức về kinh tế, từ các diễn biến của thị trường đến vấn đề vĩ mô, với các bài viết có tính chất khác nhau, từ tin nhanh đến các bài bình luận đa chiều dưới góc nhìn sinh viên. Nhờ sự hưởng ứng nhiệt tình của bạn đọc cùng sự hỗ trợ của tập thể Ban cố vấn, Chuyên san đã dần trở nên quen thuộc và thu hút đông đảo các bạn sinh viên ham tìm hiểu về các lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng. Nhằm không ngừng cải thiện chất lượng và sự gắn kết của Chuyên san, Ban biên tập hiện đang hoàn thiện Chuyên san với cấu trúc chuyên nghiệp hơn, xây dựng mô hình tổ chức hoạt động mở rộng đến các ngành khác và các trường bạn trong khu vực Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian tới, Ban biên tập rất mong toàn thể quý thầy cô, chuyên gia kinh tế cùng các bạn sinh viên sẽ tiếp tục sát cánh với chúng tôi để Chuyên san ngày càng hoàn thiện, trở thành diễn đàn sôi nổi của các cây bút kinh tế trẻ.

Chân thành cảm ơn tất cả quý thầy cô, đơn vị tài trợ và độc giả đã đồng hành cùng chúng tôi trong thời gian qua!

Ban biên tập

VINH DANH BẠN ĐỌC ĐỒNG HÀNH CÙNG CHUYÊN SAN

Thu và bài cộng tác xin gửi về:
chuyensantcnh@uel.edu.vn

Nhận bài trước ngày 15/01/2013
Bài viết được chọn đăng sẽ nhận được nhuận bút từ ban biên tập chuyên san.

Lớp K09402T: Tạ Thị Ngọc Quý
Lớp K09404A: Đinh Cao Hoàng Trang, Nguyễn Khắc Thạch, Nguyễn Đình Cường, Vũ Mỹ Ngọc
Lớp K09404B: Huỳnh Trọng Trí, Trần Thị Ngọc Thương, Võ Ngọc Thiên Tú, Thị Trần Thực Nhi
Lớp K09405T: Phạm Nguyễn Phương Nam
Lớp K10404A: Nguyễn Thị Thanh Hằng, Nguyễn Thị Ngọc Trâm
Lớp K10404T: Thanh Hằng
Lớp K11401T: Lê Thị Kim Dung
Lớp K11404A: Dương Thị Như Ngọc
Lớp K11405T: Đặng Trần Bảo Trang

SỐ 6
DỰ KIẾN
PHÁT HÀNH

20/02/2013

ACB Ngân hàng của mọi nhà



NGÂN HÀNG TỐT NHẤT
VIỆT NAM 2011
TOP 100 FINANCIAL TRUST BRAND



NGÂN HÀNG NỔI BẬT
TỐT NHẤT VIỆT NAM 2011
TOP 100 MARKETING BRAND



NGÂN HÀNG TỐT NHẤT
VIỆT NAM 2011
TOP 100 QUALITY FINANCIAL BRAND



NGÂN HÀNG TỐT NHẤT
VIỆT NAM 2011
TOP 100 WORLD FINANCIAL TRUST BRAND



NGÂN HÀNG TỐT NHẤT
VIỆT NAM 2012
TOP 100 COMPANY BRAND



CallCenter 24/7: (08) 38 247 247 - 1800 577 775



www.acb.com.vn



BIA SAIGON®

NIỀM TỰ HÀO CỦA VIỆT NAM

Đại gia đình Bia Saigon nay có thêm thành viên MỚI, BIA LON SAIGON SPECIAL - được sản xuất theo dây chuyền công nghệ hiện đại, tiên tiến bậc nhất khu vực và lên men theo công nghệ truyền thống dài ngày tạo nên một hương vị thơm ngon và độc đáo.

Bia LON Saigon Special, một sản phẩm cao cấp thể hiện sự thành đạt và cá tính của người tiêu dùng khi thưởng thức.



Sang trọng hơn
Tiện dụng hơn
với Bia **LON**
Saigon Special





**CHÚC
MỪNG
NĂM
MỚI**

**HAPPY
NEW YEAR
QUÝ TỶ**

www.kienlongbank.vn

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN
CÁC TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP ĐÃ
ĐỒNG HÀNH CÙNG 10 NĂM PHÁT TRIỂN

KHOA TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG



LIÊN HỆ QUẢNG CÁO:

01648530185 (Ms. Thuận) hoặc 0949703236 (Mr. Tuấn)
Chuyên san được phát hành miễn phí bằng bản in và online
Số lượng: 2.000 bản in/kỳ, 6.000 lượt xem online/kỳ